VĂN HỌC Nghệ thuật

SÁNG TÁC • NHẬN ĐỊNH

SỐ ĐẶC BIỆT VỀ NHẤT LINH

LINH BẢO □ QUYÊN DI □ PHẠM DUY □ LUÂN HOÁN □ LAFCADIO HEARY □ NHẤT LINH □ VÔ NGÃ NGUYỄN TẤT NHIÊN □ VÕ PHIẾN MỊCH LA PHONG □ HOÀNG XUÂN SƠN □ NGUYỄN ĐÌNH THẢM □ HÀ TIỂU THẠCH □ NGUYỄN TƯỜNG THIẾT □ PHẠM CÔNG THIỆN □ PHAN LẠC TIẾP PHAN THỊ TRỌNG TUYẾN □ NGUYỄN VĂN □

BỘ MỚI * SỐ 3 * THÁNG 7 NĂM 1985

tạp chí văn nghệ đầu tiên của người việt hải ngoại

Trong số này :

SỐ ĐẶC BIỆT VỀ NHẤT LINH

NHẬN ĐỊNH

V.H.N.T.	267	Lá thư tòa soạn
VÕ PHIẾN	272	Nhất Linh hậu chiến
V.H.N.T.	287	Phỏng vấn nhà văn Linh Bảo
NGUYỄN TƯỜNG THIẾT	291	Nhất Linh, cha tôi
VÕ PHIẾN	302	Nhất Linh, siêu hình
PHẠM DUY	332	Đi tìm một nhạc ngữ mới

TÀI LIỆU

NHẤT LINH	309	Đời làm báo
NHẤT LINH	310	Đời thi sĩ
NHẤT LINH	316	Ký trình
NHẤT LINH	320	Thư gửi Linh Bảo
NHẤT LINH, DIỆU VIÊN	326	Giấy giao kèo xuất bản

THƠ

NGUYỄN ĐÌNH THẢM	285	Chân tình
HOÀNG XUÂN SƠN	307	Đời mấy thuở yên vui ?
PHẠM CÔNG THIỆN	314	Triều ngưỡng xa xưa
NGUYỄN TẤT NHIÊN	329	Rào nhân bản
TRÚC CHI	346	Thơ Trúc Chi
LUÂN HOÀN	354	Thơ cho vợ
MỊCH LA PHONG	366	Một giòng chia hai
HÀ TIỂU THẠCH	375	Thơ Hà Tiểu Thạch

TRUYỆN NGẮN

PHAN LẠC TIẾP	333	Mất lưới
LAFCADIO HEARU	341	Mimi-Nashi-Hoichi
VÕ NGÃ	348	Đêm Linh Thánh
PHAN THỊ TRỌNG TUYẾN	356	Xóm nhỏ buổi trưa
QUYÊN DI	368	Hoa hồng nhà kín

SINH HOẠT VĂN NGHỆ

V.H.N.T.	376	Điểm sách
NGUYỄN VĂN	380	Thời sự V.H.N.T.
V.H.N.T.	386	Hộp thư tòa soạn

Lá thư tòa soạn

Hai mươi hai năm trước, ngày 7-7, nhà văn Nhất Linh quyên sinh vì quốc sự. Tháng 7 năm này, chúng ta nghĩ đến ông, gom góp thêm chút ít tài liệu về cuộc đời ông. Nhất Linh xứng đáng với một tưởng niệm thành kính.

Hồi tiền chiến, nhiều nghệ sĩ sống phóng đãng. Nhất Linh là nghệ sĩ mà ông không phóng đãng. Ông chăm lo xây dựng một nền văn nghệ mới, ông lập hội để hoạt động cải thiện xã hội; ông lập đảng chính trị để tranh thủ độc lập cho nước nhà.

Hồi 1945, nhiều nhà văn nghệ lanh tay lẹ mắt giác ngộ cách mạng kịp thời vào giờ thứ 25, phục vụ cách mạng kỹ và được đền đáp kỹ. Nhất Linh là nhà văn nghệ, ông không làm thế. Ông chống lại ngay từ đầu cái chế độ độc tài hiện giờ quả nhiên đang gây tàn khốc trên đất nước.

Sau 1954, một lớp chính khách kêu gọi lấp bằng sông Bến Hải, thống nhất quê hương. Nhất Linh là một chính khách không đòi lấp sông lấp bể. Ông sống khiêm tốn, và chết cho điều mình tin tưởng.

Nói vậy không phải là đem Nhất Linh đối lại người khác, để bảo rằng chỉ Nhất Linh hi sinh, còn bao nhiêu người khác thì không. Kẻ hưởng thụ người khắc khổ, kẻ lặng lẽ người ồn ào, giới văn nghệ sĩ đã có nhiều hi sinh, mỗi người một cách khác nhau.

Từ 1975 đến nay, trong một trăm văn nghệ sĩ miền Nam liệu có được mười người thoát khỏi đọa đày chăng? Có người chết như Hồ Hữu Tường, có người chết như Vũ Hoàng Chương, có người chết như Nguyễn Mạnh Côn, có người tàn lụi trong tù như Phan Nhật Nam, như Tô Thùy Yên, như Duy Lam v.v... Ai là kẻ cầm bút ở miền Nam chưa bị tù đày? Những người trốn khỏi thì đành lưu lạc tha phương vô hạn định. Xưa nay có một giới nào trong xã hội ta đóng góp cho xã hội với một tỷ lệ cao hơn thế? Đó là một bất hạnh cho văn nghệ. Cũng là một vinh dự cho văn nghệ. Chúng ta không thể để những hi sinh ấy qua đi trong quên lãng.

Nhất Linh là sự hi sinh quyết liệt của một thế hệ trong một trường hợp riêng; Phan Nhật Nam, là sự can trường của một thế hệ khác trong một trường hợp khác... Chúng ta không nói đến những lý do khác nhau của mỗi hoàn cảnh hi sinh. Chúng ta chỉ nhắc nhở đến những hi sinh ấy — thỉnh thoảng lại nhắc — trong lúc cần bám vào những giá trị tinh thần cao cả để sống đời xứng đáng ở hải ngoại.

Một số tài liệu và bài viết, cách đây hai năm đã được đăng tải từng đoạn rải rác trên những tờ báo địa phương và có khuôn khổ bất tiện, vì vậy xin được gom lại trong số này để dễ dàng công việc bảo tồn.

Số tài liệu về Nhất Linh chúng tôi sưu tập được khá nhiều, vượt quá khuôn khổ của một số báo, vì vậy sẽ xin tiếp tục in vào những số VHNT kế tiếp.

Các tài liệu này đều do nhà văn Nguyễn Tường Thiết và nữ sĩ Linh Bảo cung cấp cho; nhân đây xin nhị vị nhận cho lòng biết ơn của chúng tôi. □

VHNT

VÀI NÉT VỀ NHẤT LINH

Tên: Nguyễn Tường Tam

Bút hiệu: Nhất Linh, Nhị Linh, Bách Linh.

Sinh ngày 25-7-1906 tại phố huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương. Ông bà nội gốc người Quảng Nam. Ông bà ngoại người Huế. Đậu cử nhân khoa học ở Pháp.

Chủ trương các tạp chí Phong Hóa, Ngày Nay, *thành lập* Tự Lực Văn Đoàn, *nhà xuất bản* Đời Nay *(trước 1945), chủ trương tạp chí* Văn Hóa Ngày Nay, *nhà xuất bản* Phượng Giang, *làm cố vấn hội* Bút Việt *(sau 1945).*

Ngoài hoạt động văn học nghệ thuật còn có nhiều hoạt động xã hội, chính trị: thành lập hội Ánh Sáng, *lãnh đạo* Việt Nam Quốc Dân Đảng, *làm bộ trưởng ngoại giao.*

Ngày 7-7-1963 Nhất Linh uống độc dược quyên sinh vì lý do chính trị.

Tác phẩm: Nho Phong *(1924),* Người quay tơ *(1927),* Anh phải sống *(1933),* Gánh hàng hoa *(*Đời mưa gió *(1934),* Nắng thu *(1934),* Đoạn tuyệt *(1935),* Đi Tây *(1935),* Lạnh lùng *(1936),* Hai buổi chiều vàng *(1937),* Thế rồi một buổi chiều *(1937),* Đôi bạn *(1937),* Bướm trắng *(1939),* Viết và đọc tiểu thuyết *(1961),* Giòng sông Thanh Thủy *(1961),* Thương chồng *(1950),* Xóm cầu mới *(xuất bản sau khi tác giả qua đời).*

□

Võ Phiến

Nhất Linh hậu chiến

1

Trong khi kiểm điểm sự việc để viết về Nhất Linh của thời kỳ sau 1954, tôi có một cảm tưởng buồn.

Nhất Linh có địa vị rất quan trọng trong văn học hiện đại của Việt Nam; viết về Nhất Linh, từ trước tới nay người ta viết đã nhiều. Riêng ở miền Bắc, từ sau 1945 hình như có chủ trương lờ đi, không nhắc đến Nhất Linh và Tự Lực Văn Đoàn, cố tình xóa dần dần dấu vết của nhà văn này và văn đoàn này trong trí nhớ quần chúng. Còn ở miền Nam thì không thế: Văn giới vẫn quí trọng Nhất Linh, tác phẩm của ông được đọc nhiều, báo ông bán chạy, sự nghiệp trước tác của ông được nghiên cứu giảng dạy ở các trường v.v... Tuy nhiên hầu hết những gì viết về ông đều chỉ chú trọng đến cái thành tích văn học tiền chiến của ông mà thôi: Nhất Linh sáng chói là cái ông Nhất Linh của *Đoạn Tuyệt*, của Tự lực văn đoàn, của *Phong Hóa, Ngày Nay* v.v... Như thế sau đó là một thời tàn dư, không mấy quan trọng. Sách của Nhất Linh sau 54 xuất bản không có người phê bình, báo của Nhất Linh sau 54 nhiều người đọc nhưng ít có tiếng vang trong văn giới: ông nói gì viết gì, ít người nhắc nhở. Người ta kính cẩn, nhưng không chú ý mấy.

Linh mục Thanh Lãng, tác giả nhiều bộ sách nghiên cứu văn học Việt Nam, đã nói trước mộ Nhất Linh lúc hạ huyệt: "Anh là thủ lãnh, là Tổng thống trong cái nước cộng hòa văn học từ 1932—1945" (1). Sau đó người cháu văn sĩ của Nhất Linh là Thế Uyên viết về ông: "Riêng hai đứa chúng tôi (2) thán phục Nhất Linh tiền chiến và chấp nhận Nhất Linh hậu chiến". "Chấp nhận", nghe có giọng khoan hồng. Đó là thái độ quí hóa của một số thân tình hiếm hoi.

Sau 1954, Nhất Linh ý thức rõ tình hình ấy: ông cảm thấy bơ vơ, chán nản. Ông tìm đến các văn sĩ tiền chiến, đến các bạn già. Nguyễn Vỹ, một thi sĩ tầm thường có phần nào lố bịch, trước kia Nhất Linh

vẫn giễu cợt, sau này Nhất Linh lại thường lui tới. Nguyễn Vỹ kể: "Nguyễn Tường Tam là nhà văn mà tôi ít quen biết nhất ở Hà Nội, lại là người mà tôi gặp nhiều nhất ở Sàigòn "(3). Nhất Linh tâm sự với Nguyễn Vỹ: "Bọn nhà văn tiền chiến tụi mình...", "Thế hệ trẻ ngày nay, họ không hiểu được tụi mình" v.v... (4).

Sao mà đến nỗi thế? Cái ông tổng thống của thời kỳ 32-45 đã làm gì sau đó để đến nỗi bị chê bai, đào thải ? — Bình tâm mà nói, phải nhận rằng Nhất Linh sau này viết sâu sắc hơn trước. Đó là lý do ?

Quan niệm đổi.

Thời kỳ sau thế chiến thứ hai của Nhất Linh lẽ ra nên được xem trọng, không những vì giá trị các tác phẩm, mà còn là vì nó làm ra một trong những đặc điểm căn bản của đời ông. Xét những tác phẩm tiền chiến của Nhất Linh, chẳng qua chỉ có thể lượng định giá trị cùng ảnh hưởng; còn những tác phẩm hậu chiến, ngoài vấn đề giá trị, nó còn làm cho Nhất Linh thành một trường hợp riêng biệt, hết sức độc đáo. Trường hợp hiếm hoi không phải chỉ của một thời kỳ văn học ở nước ta, mà ở nơi nào thời nào cũng ít thấy.

Thực vậy, viết văn làm thơ có kẻ viết nhiều người viết ít, kẻ viết hay người viết dở, nhưng thường thường trước sao sau vậy, ít khi thay đổi về quan niệm. Viết nhiều và có cuộc đời văn nghệ dài như Victor Hugo, như Balzac, mà trải qua mấy chục năm trời vẫn không thấy có sự đổi thay nào quan trọng trong chủ trương sáng tác. Đến như ở ta thì Khái Hưng, Lê Văn Trương, Lan Khai v.v... từ tác phẩm này sang tác phẩm khác vẫn là Khái Hưng ấy, Lê Văn Trương ấy... Ở một số khác gọi là có sự lột xác thì trước và sau 1945 cái khác là ở lập trường chính trị chứ không phải ở lập trường sáng tác. Trước khâm phục ông Thông Phu có chiếc lư đồng mắt cua sau ca ngợi đồng chí Tô Hiệu trồng cây đào, trước mắng mỏ khinh mạn những kẻ hèn không biết xê dịch sau cong cớn rủa xả thằng Tây thằng Mỹ bóc lột tàn ác: nội dung có thay nhưng quan niệm tùy bút của Nguyễn Tuân không đổi. Nói gì đến những tác giả như Nguyễn Công Hoan, Nguyên Hồng, Nam Cao v.v... lúc nào cũng vẫn là sáng tác để đấu tranh; chưa được lãnh đạo thì đánh đá loạn cào cào, được lãnh đạo rồi thì chỉ đâu đánh đấy, đúng lúc đúng nơi, đúng phép tắc kiểu cọ, cái khác nhau có vậy thôi.

Nhất Linh không thế. Hồi mười bảy mười tám tuổi ông viết *Hồng nương, Hai chị em, Người quay tơ, Nho phong* với những câu đại loại: "Đôi mắt gặp nhau, làn thu ba như nhuốm vẻ sầu" (5).

Mười năm sau, chừng hăm bảy hăm tám tuổi ông viết *Đời mưa gió, Đoạn tuyệt*, lời lẽ gọn gàng, trong sáng, giản dị.

Đây không phải là sự tiến bộ từ chỗ vụng về đến chỗ điêu luyện, mà là một thay đổi về chủ trương: trước cố ý du dương sau cố ý gãy gọn, trước viết để ngâm nga cho tai nghe sau viết để mắt đọc mà suy ngẫm. Đã có bao nhiêu văn thi sĩ làm như Nhất Linh? Tản Đà, bà

Tương Phố, Hoàng Ngọc Phách... trước sau vẫn giữ văn du dương, vẫn bị nhốt chặt trong một quan niệm, mặc dù những vị ấy có kẻ qua đời sau Nhất Linh. Nhất Linh chẳng những có đổi cũ thay mới mà còn thay đổi rất nhanh.

Và nhanh hơn nữa là sự biến chuyển từ *Đoạn tuyệt* sang *Bướm trắng*: chỉ trong vòng thời gian chưa đầy năm năm ông từ bỏ quan niệm viết cho luận đề một thời để nhảy sang quan niệm viết cho cái hay muôn thuở, chuyển từ mục tiêu nhân sinh sang mục tiêu nghệ thuật.

Sau *Bướm trắng* quan niệm ấy được nghiên cứu kỹ, đúc kết thành lý thuyết, làm nền tảng cho những sáng tác của Nhất Linh hậu chiến.

Bút pháp đổi.

Nhưng từ một quan niệm sáng tác này nhảy sang một quan niệm sáng tác khác, chuyện ấy còn dễ dàng hơn là thay đổi bút pháp. Bút pháp của một người dính liền với cá tính người ấy (Le style, c'est l'homme). Bản tính không thay thì bút pháp cũng ít khi đổi. Thế nhưng từ Nhất Linh trẻ sang Nhất Linh già bút pháp khó lòng nhận ra là của một người.

Mở đầu truyện "Làm gì mà băn khoăn thế?" (6) ông viết: "Nếu ai biết ở đời cái gì cũng là ảo mộng, là người ấy khổ mà mục đích ở đời là sự hạnh phúc thời chẳng là trái ngược lắm sao. Khốn nhưng nếu không nghĩ gì mà được sung sướng thời dễ chứ đã biết nghĩ rồi, biết nghĩ là cái nguồn khổ về tinh thần, muốn thoát ly ra thật là khó lắm." Lời lẽ thật nghiêm chỉnh, có phần trịnh trọng nữa. Về sau, trong *Bướm trắng* ông bắt đầu tinh nghịch. Đến *Giòng sông Thanh Thủy*, *Xóm Cầu Mới* thì thường khi ông có giọng đùa đùa giễu giễu. Có kỳ lạ không chứ ?

Một cuộc đời 57 tuổi chưa là dài, với độ 40 năm cầm bút chưa là nhiều, nhưng ở Nhất Linh cuộc đời ấy thật nhiều hoạt động, nhiều biến cố; và trong chừng ấy thời gian trước tác đã xảy ra những chuyển biến không ngờ. Cái đặc biệt ở đây là một ý chí tiến thủ mạnh mẽ lạ lùng, một sự cố gắng tìm tòi tiến tới không ngừng. Và tiến ra sao? Tưởng chừng như Chateaubriand từ cái dìu dặt lãng mạn nhảy sang chủ trương tả chân của Balzac, như từ câu thơ Ronsard vọt sang câu văn Guy de Maupassant !

2

Một chút dí dỏm.

Giữa Nhất Linh tiền chiến và Nhất Linh hậu chiến trong cái khác nhau có chỗ liên hệ đến quan niệm về tiểu thuyết. Vào thời kỳ sau cùng của đời mình, Nhất Linh sáng tác trên quan niệm cho rằng:

"Những cuốn tiểu thuyết hay là những cuốn tả đúng sự thực, cả bề trong lẫn bề ngoài, diễn được một cách linh động tất cả các trạng thái phức tạp của cuộc đời, đi thật sâu vào sự sống với tất cả những chuyển biến mong manh, tế nhị của tâm hồn, bằng cách dùng những chi tiết về người và việc để làm hoạt động những nhân vật cùng hành vi cảm giác và ý nghĩ của họ. Những cuốn đó cần phải do sự thành thực của tác giả cấu tạo nên, viết bằng một lối văn giản dị, không giảng giải nhiều và không cần phải chỉ hay vì cốt truyện (7).

Hiện tôi chỉ có trong tay bản di cảo do nhà văn Nguyễn Tường Thiết cho mượn, viết vào khoảng năm 1952 (ở một tờ rời phác họa bố cục có đề ngày 21-4-52; ở trang đầu bản thảo đề ngày 30-5-52). Trong bản này, về lối văn tiểu thuyết Nhất Linh chỉ bảo là cần phải giản dị. Thế nhưng ở trong bản *Viết và đọc tiểu thuyết* in ra hồi 1961 câu định nghĩa có lẽ vẫn y cũ mà hình như ở đâu đó khi nói về "giọng văn" ông có khuyên nên có chút dí dỏm. Đúng thế chăng? Thật đáng tiếc, tôi không tìm lại được cuốn sách này để kiểm điểm. Cứ theo trí nhớ thì Nhất Linh không giải thích vì sao nên dùng giọng văn ấy. Những nhà văn mẫu mực mà ông thường nêu ra trong sách — Tolstoi, Dostoiewski, Flaubert, Brontë v.v... — không hay hài hước, tại sao giọng văn lý tưởng của tiểu thuyết theo Nhất Linh lại phải hài hước?

Không có bản in năm 1961, tôi xem lại bản thảo năm 1952 thì thấy ở trang đầu có mấy ghi chú li ti, trong đó có một ghi chú về "các thứ humour". Ông chia humour ra làm ba thứ (thứ *nhẹ*, thứ...?, thứ *quá quắt*), có một thứ lấy văn *Đi Tây* làm thí dụ. Ghi chú này cùng một màu mực một kiểu chữ và nằm kề bên ghi chú khác về bài báo *Sáng Tạo* tháng 7 năm 1957, do đó tôi nghĩ cái ý kiến về giọng văn dí dỏm đến với Nhất Linh vào năm 1957 hay sau đó.

Ý kiến là một chuyện, mà thực hiện cái ý kiến ấy là một chuyện khác. Lắm người nêu ý kiến mà không làm được theo ý, nhưng ở trường hợp Nhất Linh tôi nghĩ rằng việc nêu ra chỉ là để "hợp thức hóa" một khả năng sẵn có nơi mình: ông khuyên nên dí dỏm trong khi ông vẫn thích bông đùa từ trước. Chẳng những trong *Xóm cầu mới, Giòng sông Thanh Thủy* (sau *Viết và đọc tiểu thuyết*) mới có khôi hài, mà trong cuốn *Bướm trắng* ra đời trước 1952 nhiều năm (không kể *Đi Tây*, vì không phải là tiểu thuyết) đã có nhiều nét nghịch ngợm.

Cái cười của Nhất Linh nảy ra có khi từ những tên người ngộ nghĩnh: ông Năm Bụng, giáo Đông Công ích Tin lành v.v... có khi từ những hoàn cảnh ngộ nghĩnh: tam anh chiến Lã Bố, giáo Đông nhặt chiếc khăn che mắt bệnh của cô bé tưởng là khăn tay của cô Mùi nên hít thấy thơm, bà cụ Án giỏi bắt ruồi lại gặp ông giáo Đông có tài búng ruồi v.v...; có khi từ những tính nết ngộ nghĩnh của các nhân vật: tật cốc đầu đàn con của bác Lê gái, cái khoái nuôi ông của cô Mùi, tật mỏng tai mau miệng của Bà Chủ Nhật Trình v.v...

Trong nhiều trường hợp, cái cười của Nhất Linh là do một phát

giác tâm lý. Người ta hàng ngày hành động và nói năng không phải lúc nào cũng hợp lý. Hoặc vì thói quen ta làm những việc thực ra không cần thiết chút nào, nghĩ lại có vẻ ngớ ngẩn; hoặc vì phép giao tế miệng nói một đường mà tình ý bên trong của ta lại hướng về một nẻo; hoặc ta định làm định nói một điều mà những tình cảm ẩn ức trong tiềm thức thỉnh thoảng lại bất thần xuất lộ khiến ta lạc sang điều khác lúc nào không hay v.v... Nhất Linh theo dõi, chộp bắt những sơ hở ấy, những nét mâu thuẫn ấy: thế là có cười. Hay nói cho đúng hơn, là có mỉm cười.

Trong cuốn *Bướm trắng*, dày 266 trang, có ước chừng 80 lần nhân vật "mỉm cười". (Có những trang đếm được ba lần mỉm cười); trong số ấy độ non nửa là mỉm cười vì phát giác tâm lý. Chẳng hạn: "Trương trả tiền ăn rồi rảo bước, mong chóng tới nhà để sửa soạn" (8) rồi "Trương mỉm cười nhận thấy mình nóng ruột về nhà để sửa soạn là vô lý. — Mình có đồ đạc quái gì đâu mà sửa soạn" (9). Hoặc chẳng hạn:" Thu nói: — Ô hay, ba anh nghĩ gì mà cả ba cứ đứng ngây ra đấy thế? Ra đây làm giúp em chứ. Mau, không lên tới nơi thì tối mất. Trương mỉm cười tự kiêu khi nhận thấy Thu đột nhiên vội vã, rối rít tuy không có việc gì đáng vội đến như thế". (10). Hoặc nữa: "Trương có ý định tự tử, suy nghĩ một lúc chàng thấy: "Phải có một sự tức tối nào đến làm chàng mê dại đi hay có một sự bắt buộc cấp bách. Chàng mỉm cười: — Thế thì mình tự tử thế nào được?" (11).

Thành ra cái cười của Nhất Linh rất lành: ông không còn cười để chế giễu hủ tục, cười nhằm tiêu diệt thói hư tật xấu, cải thiện phong hóa xã hội v.v... Chẳng qua trong giai đoạn này ông chủ trương đi sâu vào tâm lý, ông đặc biệt quan tâm phân tích nội tâm con người; mà một khi đã tò mò thì ai cũng thấy tâm lý có những điều cắt cớ, mâu thuẫn, vô lý, buồn cười. Và Nhất Linh cười ... cho vui vậy thôi. Bàng bạc khắp các tác phẩm trong giai đoạn sau 1954 của ông đều thấy nụ cười ấy. (Riêng trong *Giòng sông Thanh Thủy* cái cười cợt có phần quá dễ dãi).

Vậy thì Nhất Linh già vui hơn Nhất Linh trẻ. Tuy nhiên điều ấy không hẳn đáng mừng. Bởi vì nụ cười của nhà văn — dù rất lành, dù không có một chủ tâm đánh phá, tiêu diệt nào cả — vẫn vô tình làm tổn thương một cái gì. Cái gì đó trong trường hợp Nhất Linh có vẻ quan trọng.

Loan trong *Đoạn tuyệt*, *Đôi bạn*, so với Thu trong *Bướm trắng* chắc chắn về thông minh, về học thức, về khôn ngoan cũng không hơn, Dũng so với Trương cũng vậy. Khi yêu đương mà muốn giấu giếm tình cảm Loan cũng có thể có lúc "vội vã rối rít tuy không có việc gì đáng vội đến như thế", nhưng lúc bấy giờ Nhất Linh không xoi mói không chế giễu Loan như giễu Thu sau này. Còn Trương không tự tử nổi mà cứ tưởng mình sắp tự tử, hơi phường tuồng ư? Đã chắc đâu Dũng không có lúc như thế? Mà có ai trong chúng ta không có những

lúc như thế? Nhưng giá Nhất Linh ngày trước mà cứ thính thoảng lại chộp bắt một nét tâm lý ngộ nghĩnh của Dũng và nêu lên để cùng độc giả mỉm cười thì ôi thôi, còn gì là phong độ hấp dẫn của người thanh niên cách mạng ấy! Vì thái độ của Nhất Linh trẻ và già khác nhau mà tình yêu của Dũng và Loan (*Đoạn tuyệt, Đôi bạn*), cả Nghĩa và Nhung (*Lạnh lùng*) diễn ra trong một bầu không khí đầy xúc động, còn tình yêu của Mùi với Siêu của Đối với Bé, của Hòa với Nhỡ *(Xóm Cầu Mới)*, của Thanh với Ngọc *(Giòng sông Thanh Thủy)* không hề lâm ly mà lại có vẻ ngộ nghĩnh, vui vui! Cũng vì thái độ ấy, hoạt động cách mạng của Dũng trong *Đoạn tuyệt*, của ông Tú trong *Người quay tơ* có vẻ thiêng liêng siêu việt còn những hoạt động cách mạng trong *Giòng sông Thanh Thủy* thì lắm lúc cũng lại chỉ thấy... hay hay vui vui thôi. Dũng không tù tội chết chóc vì cách mạng mà lại hùng, còn Thanh và Ngọc ngay lúc ngã xuống vì cách mạng vẫn không gây xúc động, không hề gây cảm tưởng bi ai hùng tráng. Những cuộc giết nhau ở *Giòng sông Thanh Thủy* không có ý nghĩa (chính tác giả cũng không giấu sự hoài nghi của mình); chuyện làm chính trị, chuyện yêu đương có vẻ như đùa đùa.

Một triết gia nào đó của Tây Phương cho rằng cảm xúc vốn kỵ tiếng cười. Trong không khí bi thương, trước cảnh tượng hùng tráng mà phát cười ồ lên một cái là hỏng kiểu. Kim Kiều đang mùi mẫn, Quan Công nghĩa khí chói ngời đang cầm đuốc phò nhị tẩu v.v..., giữa những lúc cảm kích như thế mà có ai trượt vỏ chuối lăn cù một cái thì hư sự hết ráo. Cho nên trong những pho truyện tình *Tố Tâm, Paul và Virginie, Roméo và Juliette* v.v... không có tiếng cười cợt; trong những sách *Thánh Kinh, Kinh Phật* không có câu hài hước.

Nói về chuyện đi sâu vào tâm lý Nhất Linh thường đề cập tới Tolstoi, nhưng Tolstoi trong khi đi vào lòng người không hay tày máy nhìn vào cái khía cạnh mâu thuẫn buồn cười của nó, Tolstoi dựng nên cảnh đời yêu đương bi đát của Anna Karenine, cảnh tượng hùng tráng lớn lao trên chiến trường Nga-La-Tư. Tiếng cười của Nhất Linh xua đuổi mọi cái nghiêm chỉnh, long trọng, làm tan biến hết những xúc cảm xung quanh tình yêu và cách mạng, xung quanh những cái quan trọng trong đời người. Tolstoi cho đến giai đoạn cuối của một cuộc đời thật dài vẫn còn nhiệt tình. Trái lại giọng đùa đùa của Nhất Linh vào thời kỳ sau 1954 khiến người ta nghĩ ông không còn lấy làm quan trọng chuyện gì nữa, ông nhìn xuống tình yêu, xuống lòng say mê của các nhân vật với một sự tò mò có lẩn chút giễu cợt. Liên hệ thái độ ấy với thái độ của người chiến sĩ nghệ sĩ mệt mỏi thơ thẩn tìm lan bên giòng suối Đa mê ,chuyện liên hệ như thế có vẻ dễ dãi, nhưng là chuyện rất cám dỗ.

Thật nhiều chi tiết.

Trong quan niệm về tiểu thuyết của Nhất Linh sau 1952 chi tiết giữ một vai trò đặc biệt quan trọng, có thể coi như vai trò quyết định.

Tiểu thuyết gia hơn thua nhau ở một điểm ấy: có tìm được hay không những chi tiết hay, chi tiết đúng. Ông nhắc đi nhắc lại: "Vậy cái cần nhất, cái việc nó định đoạt giá trị một cuốn tiểu thuyết là *tìm chi tiết*" (12), "Cuốn sách hay là chính ở chỗ tác giả nào tìm được nhiều chi tiết hay về việc để diễn tả" (13), "...nhưng hơn nhau chỉ ở chỗ tìm được những chi tiết hay để (tả?) cảnh cho linh động, và để diễn được tâm hồn nhân vật một cách sâu sắc" (14), "các nhà văn hơn kém nhau ở chỗ tìm chi tiết" (14).

Và ở đây cũng như ở trường hợp giọng văn dí dỏm, Nhất Linh nói sao làm vậy. Nhất Linh hậu chiến là một Nhất Linh cực kỳ tẩn mẩn, tinh tế: các nhân vật cảnh vật đều bị ông lăn qua trở lại, lật ngược lật xuôi, nhìn ngắm mọi khía cạnh. Ông nhẩn nha, không chút vội vàng. Thật vậy, khi lớt phớt thì chỉ cần năm trang trong *Người quay tơ* cũng đủ cho người ta yêu nhau, lấy nhau, sinh con nối dõi, làm cách mạng, đi tù, rồi điên, rồi chết v.v...; trái lại khi tỉ mỉ thì hơn bảy trăm trang của pho trường giang tiểu thuyết *Xóm cầu mới* vẫn chưa kịp cho cặp Siêu Mùi nói với nhau một lời yêu đương thực sự, bất quá chỉ mới chờn vờn bên nhau thôi.

Nếu muốn nói chuyện hơn thua nhau thì hẳn giữa tiểu thuyết Nhất Linh tiền chiến với tiểu thuyết Lê Văn Trương, Lan Khai, Nguyễn Công Hoan v.v... cũng có thể có hơn thua, nhưng đó không phải hơn thua do chi tiết. Chi tiết hồi ấy chưa được đặt thành vấn đề. Về sau này, ý thức tầm quan trọng của nó, Nhất Linh chủ tâm nỗ lực tìm chi tiết: liệu có vì thế mà ông hơn trước chăng? Tôi nghĩ chuyện thích hay không thích một tác phẩm nghệ thuật có thể vì nhiều lý do khác nhau, nhưng phải nhận rằng trong những tiểu thuyết hậu chiến của Nhất Linh, các nhân vật có cá tính rõ ràng hơn, tâm lý sống động hơn trong những tiểu thuyết tiền chiến. Cô Mùi, cái cô bé bán bánh cuốn rồi cân gạo ở Xóm Cầu Mới, cô ta không đóng vai trò gì trong xã hội, đời cô không đặt ra vấn đề gì khả dĩ làm chấn động dư luận như đời cô Loan, tuy nhiên nếu chỉ chú ý đến một phương diện tầm thường là cái sinh hoạt ái tình của cô ta thì nó phong phú biết bao! Trước cô Mùi, trong tiểu thuyết Việt Nam đã bao giờ có những chờn vờn ái tình chay tịnh dài dòng đến thế, linh động đến thế, thực và tình đến thế ?

Và... dục tình.

Chay tịnh là một đặc điểm của các mối tình trong tiểu thuyết Nhất Linh. Ngoại trừ những trường hợp cần thiết phải đẩy cuộc tình đi xa hơn để tạo nên sự gây cấn có lợi cho luận đề (như trong *Lạnh lùng* chẳng hạn) thì ít khi Nhất Linh để cho ái tình trong truyện của ông vượt sang giai đoạn sinh lý. Những mối tình lớn, tình của Dũng và Loan trong *Đôi bạn*, của Trương và Thu trong *Bướm Trắng*, của Siêu và Mùi trong *Xóm cầu mới*, của Ngọc và Thanh trong *Giòng sông Thanh Thủy*, của Triết và Thoa trong *Hai buổi chiều vàng*, của

Phong và Trâm trong *Nắng thu* v.v... đều không có chuyện gối chăn hoan lạc.

Bảo rằng ái tình như thế là "trong sạch" có lẽ cũng xong, nhưng bảo rằng trong ấy chỉ có tình cảm, có tinh thần thôi thì lầm to! Nguyễn Vỹ thuật lại có lần bị Nhất Linh đến tận toà báo *Phổ thông* cự nự vì đã đăng một bài công kích ông viết văn khiêu dâm (15). Và trong cuốn *Chân dung Nhất Linh*, Nhật Thịnh cũng bảo: "Nhưng Nhất Linh một đôi khi vì quá chú trọng tới những chỗ lắc léo trong đời sống tình cảm con người mà để xảy ra những sự "lỡ trớn". Tuy nhiên, ông đã kịp kềm chế được". (16) Cái sự "lỡ trớn" ấy không hẳn là "tình cảm", cũng không phải là xảy ra "một đôi khi". Và điều đáng chú ý là nó chỉ xảy ra vào thời kỳ của Nhất Linh già mà thôi.

Từ *Nho phong* (1924) cho đến *Đôi bạn* (1938) các đôi nam nữ yêu nhau bằng mối tình "cao thượng", không hay bận tâm đến chuyện xác thịt. Bắt đầu từ *Bướm trắng* thì không thế nữa: Trương lẻn vô phòng hít chiếc áo cánh Thu vừa mới thay xong vất ra. Sau đó Thanh và Ngọc chung phòng; bác Hiến gái với cậu ấm Hải chung giường, rồi Hòa vẹt màn vào nằm với Nhỡ, anh chị cùng nhau ôm ấp vuốt ve kỹ đến nỗi Hòa phải bẻ quặt tay Nhỡ khi tay ấy xuống đến gần chỗ hiểm; rồi Nhỡ cõng Mùi; rồi Mùi nằm lên giường Siêu, đắp chăn của Siêu, hít mùi gối của Siêu, rồi Siêu lau chân Mùi mà sung sướng mê man v.v... Đúng là lần nào Nhất Linh cũng "kềm chế được": Ông không để cho nhân vật đi đến mục chót của tình yêu xác thịt. Ông chỉ đẩy đến sát bờ vực, rồi dừng lại, khiến ta choáng váng cả người. Ông xoa nóng thân xác lên hừng hực rồi bỏ lửng, rồi treo lại, không cho thỏa mãn. Cho nên bảo rằng những ái tình ấy là trong sạch thì thật là một thứ trong sạch gay cấn kinh khủng, trong sạch nghẹt thở, chết người! Lắm lúc người đọc kêu thầm: Thế này thì chẳng thà đừng trong sạch cho đỡ ấm ức, khốn khổ.

Nhưng tại sao thế nhỉ? Có thực là vì "những chỗ lắc léo trong đời sống tình cảm con người"? Quả thật đi sâu vào nội tâm con người vẫn hay đụng đầu với những ước muốn dục tình mãnh liệt. Tuy nhiên người ta có nhiều cách đi sâu, cho nên những tác giả mà Nhất Linh vẫn viện dẫn làm mẫu mực như Tolstoi, Dostoievski v.v... mặc dù tìm kiếm rất nhiều chi tiết, nghiên cứu phân tích tâm hồn rất sâu xa, nhưng vẫn không thấy cần phải xoa nóng thân xác con người đến độ ấy.

Lại một vấn đề nữa: tại sao dục tình chỉ vùng lên trong tác phẩm thời kỳ cao niên của Nhất Linh? Ta đoán chừng hoặc giả lúc thiếu thời mặc dù Nhất Linh cầm đầu một phong trào đả phá hủ tục phong kiến nhưng chính ông vẫn chưa thoát khỏi sự áp đảo của những quan niệm, những thành kiến của xã hội phong kiến: Văn ông thì du dương, các mối tình trong sách ông thì cao nhã mơ mộng, chuyện dục tình bị xem là tội lỗi không nên nói đến v.v... Sau này, các thành kiến sụp đổ

dần, tư tưởng Freud thành phổ cập và ảnh hưởng mạnh mẽ đến văn chương nghệ thuật, cho nên cô Mùi thấy... "hỏa nó bốc" mạnh hơn cô Loan và cô bé Tử nương? Trong *Viết và đọc tiểu thuyết* (16) Nhất Linh nói đến những nhà văn "có cái can đảm mình dám là mình", "dám viết ra tất cả những ý nghĩ thầm kín dẫu những ý nghĩ ấy xấu xa đi nữa", sự can đảm ấy kể ra cần một khung cảnh xã hội: trong cái xã hội của Nguyễn Du, của Song An Hoàng Ngọc Phách và của Nhất Linh lúc trẻ không có khung cảnh thuận lợi cho cái can đảm phân tích dục tình.

Hoặc giả vì trong thời kỳ đầu Nhất Linh chưa nghĩ đến ,chưa chọn viết tâm lý tiểu thuyết? Thủa ấy ông cầm bút vì những mục đích "quan trọng" hơn: để cải cách xã hội, để giãi bày một triết lý, một quan niệm nhân sinh v.v... *Đoạn tuyệt, Lạnh lùng* v.v... là luận đề tiểu thuyết; trong *Người quay tơ* phần lớn các truyện đều biện minh một phương châm, một tư tưởng. Trong lúc người cầm bút đang nghiêm chỉnh trịnh trọng suy tư về vấn đề các thắc mắc siêu hình *(Làm gì mà băn khoăn thế?)* hay lên án chiến tranh (trong truyện *Chiến tranh*) chẳng hạn, thì những tây máy khám phá dục tình có vẻ kỳ cục. Trái lại, về sau này, khi chỉ viết tiểu thuyết cốt cho hay, thì không còn có chuyện kỳ với không kỳ nữa.

Sau cùng, sự xuất hiện của dục tình ở giai đoạn này lại có một khía cạnh có thể làm cho một số độc giả mỉm cười. Tôi nhớ hồi cuốn *Nguyên vẹn* của mình in ra, bác sĩ Nguyễn Đình Diệm đã có một nhận xét: "Tôi tưởng một người đã hai thứ tóc trên đầu, với những bôn chôn lo lắng về đời sống hàng ngày, khó có thể viết được những trang tình tứ đó" (17). Già mà tình tứ, thật đáng ngạc nhiên! Nhưng Nhất Linh già (và chỉ lúc về già thôi) càng tình tứ hơn càng lẳng lơ hơn lúc trẻ. Có thể nói càng rạo rực hơn. Như vậy họa chăng đến lúc chỉ còn một thứ tóc (trắng) người ta mới hết tình tứ ?

3

Nhất Linh trẻ thì du dương trầm bổng, Nhất Linh già lại gọn ghẽ giản đơn, trẻ thì trang nghiêm bi thương, già lại hóm hỉnh cười cợt; trẻ thì đại khái, càng già càng tỉ mỉ đi sâu vào chi tiết, lúc trẻ thì dấn thân vào các hoạt động xã hội chính trị, viết văn vị nhân sinh, về già lui ra ngoài vòng thế sự, có viết là chỉ vì nghệ thuật và ngoảnh lại quá khứ kêu: "Cái lầm thứ hai của tôi là đã để cái ý định dùng tiểu thuyết làm một việc gì —viết luận đề tiểu thuyết— lên trên cái ý định viết một cuốn tiểu thuyết hay" (...) Đây là cái lầm lớn nhất trong đời văn của tôi" (...). Sự hoan nghênh hai truyện đó (18) nhất là *Đoạn tuyệt*, những lời khen ngợi của các nhà phê bình đã làm tôi sau này khó chịu một cách thành thực (19)

Như vậy hóa ra Nhất Linh sống thêm một thời gian là chỉ để làm

ngược lại tất cả những gì ông đã làm trước đó? Hóa ra không phải chúng ta chỉ có hai Nhất Linh khác hẳn nhau mà là hai Nhất Linh trái ngược nhau? Sao mà kỳ cục quá vậy? Sự bất nhất đã là rắc rối, huống hồ một trường hợp tương phản tương nghịch như vậy ở cùng một người thì làm sao mà hiểu được.

Sự thực, Nhất Linh quả có mang một vài mâu thuẫn suốt đời mình. Ngay tự thuở mới cầm bút, ở một trong những tác phẩm đầu tiên ông đã đưa ngay ra cái *Giấc mộng Từ lâm* (20). Tôi nghĩ anh chàng Trần Lưu trong truyện chỉ khác Nhất Linh có một điều: Trần Lưu sống được cuộc đời mình mơ ước, Nhất Linh thì không, ngoài ra cả hai bên tính tình chí hướng giống hệt nhau. Trần Lưu thích viết sách, Nhất Linh cũng thích viết. Trần Lưu thích vẽ, Nhất Linh cũng vẽ; Trần Lưu cho rằng "làm cho mấy nghìn con người được sung sướng vì mình, thời chết đi tưởng cũng hả dạ lắm" (21). Nhất Linh thì đã chết thực vì xã hội, vì chính trị, vì cái sung sướng của người khác; Trần Lưu cho rằng mình "chưa từng yêu gì hơn yêu cảnh thiên nhiên" (22), Nhất Linh cũng không khác.

Nói về tình yêu thiên nhiên của Nhất Linh thiên hạ đều biết các câu chuyện Nhất Linh chơi lan, chuyện Nhất Linh ẩn cư mấy năm liền bên giòng suối Đa-mê v.v... Có lẽ ít ai biết câu chuyện mà Nhất Linh kể với ông Nguyễn Duy Diễn: "... cuối năm 1946, trong khi anh (23) đương một mình mải miết băng qua rừng để vượt biên giới sang Tàu, bộ đội Việt Minh thì đương đuổi gấp ở phía sau, thế mà, khi nhìn thấy dòng suối đẹp ở trước mặt, nghe nước chảy xôn xao và tung bọt trắng như bạc anh quên mất nỗi nguy, tưởng mình đương đi dạo như một nhân vật nhàn cư trong tiểu thuyết, thế là anh cởi y phục xuống tắm mát. Tắm mát chán anh lại lên nằm thảnh thơi giữa đám cỏ xanh ở bờ suối để ngắm mây bay và nghe gió thổi rì rào trong khóm lá, rồi ngủ thiếp một giấc cho đến gần chiều mới bừng mắt tỉnh dậy. May mà bộ đội Việt Minh đi lạc hướng nên anh được bình yên và tiếp tục con đường dự định" (24). Yêu thiên nhiên đến như thế có thể nói là được ngắm cảnh đẹp thời chết đi tưởng cũng hả dạ lắm".

Nhất Linh vừa muốn làm việc để sửa đổi xã hội cho tốt đẹp vừa muốn sống cho nghệ thuật. Ông vừa là một nhà cách mạng, vừa là một nghệ sĩ. Cái đó thật khó dung hòa. Làng Từ Lâm là một giấc mơ, Trần Lưu là người của giấc mơ. Ngoài ra, ông tú Xuân nghi (chồng của Từ nương trong *Người quay tơ*) chỉ vì cách mạng thôi đã phải tù phải bỏ mạng, Dũng của Loan phải gian truân phiêu bạt một đời, dù họ không đèo bòng nghệ thuật. Đèo bòng hai nỗi say mê cùng một lúc không những làm cho cuộc sống Nhất Linh khó khăn mà còn gây nên sự khó xử vô tả: vì say mê cải tiến cuộc sống ông làm báo *Phong Hóa, Ngày Nay*, lập hội *Ánh sáng*, chạy tiền xây nhà rẻ tiền, ông tham chính làm bộ trưởng, lập chánh đảng, lập chiến khu, bôn ba hải ngoại, vì xã hội ông viết tiểu thuyết luận đề, để rồi vì nỗi say mê nghệ thuật ông kêu đó là cái lầm lớn nhất trong đời văn của mình. Từ Hương Cảng về, vì say

mê thiên nhiên ông chơi lan, sống u tịch bên suối; vì say mê nghệ thuật ông viết thứ tiểu thuyết hay vượt thời gian không gian, để rồi chính vào lúc đó vì chính trị mà ông uống độc dược quyên sinh.

Như vậy không phải Nhất Linh già phủ nhận Nhất Linh trẻ. Hai ý hướng tương phản nơi Nhất Linh chẳng qua là hai phương diện của tâm hồn ông, lúc trẻ ông ham hoạt động thì phương diện chiến sĩ thắng thế, lúc già ông thích nhàn cư thì phương diện nghệ sĩ thắng thế. Nhưng từ đầu đến cuối, từ trẻ đến già lúc nào ông vẫn ở giữa sự giằng co ấy: nửa muốn lánh đời hòa mình vào thiên nhiên nửa muốn xông ra hoạt động để cứu đời; nửa say sưa với nghệ thuật, chỉ ao ước đem tâm hồn sáng tạo cho được những công trình tuyệt đẹp mà thôi chứ không cần công dụng gì khác hơn, nửa lại muốn đem tài năng ra phục vụ nhân sinh .

Cái cười cợt và không cười cợt của Nhất Linh cũng thế .

Hồi trẻ, trong khi viết những truyện lãng mạn cảm động như *Hồng nương, Từ nương,* thì Nhất Linh lại nghĩ đến việc xuất bản những tờ báo trào phúng đầu tiên của Việt Nam; trong khi viết những truyện như *Đoạn tuyệt, Lạnh lùng, Đôi bạn* gây xúc cảm để khích động người đọc chống lại những tệ đoan hủ tục của xã hội thì mặt khác để sửa sai xã hội ông lại dùng tiếng cười giễu trên các báo *Phong Hóa, Ngày Nay.*

Vũ Bằng kể rằng Trọng Lang vốn cộng tác thân cận với Nhất Linh hồi làm báo *Ngày Nay* cho là Nhất Linh chủ trương báo trào phúng mà không viết được văn hoạt kê (26). Có lẽ lối hoạt kê chế giễu châm chọc theo kiểu Lê Ta trước kia hay Thương Sinh sau này, Nhất Linh viết không được, vì trong ấy có chỗ tàn ác không tìm thấy trong tâm hồn Nhất Linh. Nhưng cười cợt nhẹ nhàng, vô hại, cho vui, thì Nhất Linh vẫn thích; và đó là cái cười trong *Đi Tây* trước, trong *Xóm cầu mới, Giòng sông Thanh Thủy* sau này. Em ông, bác sĩ Nguyễn Tường Bách bảo "đối với mọi người, anh là một người anh, một người bạn hiền hậu, giản dị và khiêm tốn. Chưa bao giờ tôi thấy anh to tiếng với ai kể cả các con" (27). Người như vậy khó lên giọng cay độc, đểu cáng, mà trên báo không thế nó lại không đậm đà.

Có điều người ta vẫn có thể viết về những chuyện thương tâm cảm động, mà viết bằng cái giọng hóm hỉnh — như Alphonse Daudet chẳng hạn — nhưng hồi trẻ Nhất Linh đã không làm thế: hồi ấy ông chia biệt hẳn ra, khi nghiêm trang *(Đoạn tuyệt, Lạnh lùng)* khi cười cợt *(Đi Tây)* tách ra làm những loại riêng, chỉ khi về già xúc cảm với nụ cười mới hòa hợp cùng chung vào một loại tiểu thuyết.

Nửa vì đời nửa vì mình, nửa muốn sống cho xã hội nửa muốn vì nghệ thuật, nửa nghiêm chỉnh đoan trang nửa đùa cợt vui cười: Những cái đó có thể là hai mặt của một tâm hồn. Nhưng còn lúc viết văn du dương lúc viết giản dị, khi đại khái khi phân tích sâu xa thì chắc chắn là trường hợp khác. Đây là chuyện tiến hóa theo thời gian, ngày trước ở Tàu và ta chỉ có lối viết du dương và không có tâm lý tiểu

thuyết. Nhất Linh từ cái truyền thống đó tiến về một văn pháp và một quan niệm tiểu thuyết của Âu Tây sau này.

Nhất Linh có làm chính trị, làm một lãnh tụ chính trị, và đã chết vì chính trị, nhưng suốt đời chưa thấy ông có dịp hệ thống hóa tư tưởng chính trị của mình để đưa ra một chủ thuyết nào. Trong *Giòng sông Thanh Thủy*,nhân những nhân vật gục ngã vì hoạt động chính trị, ông có giọng hoài nghi. Trong hồi ký của bác sĩ Nguyễn Tường Bách, ta thấy mãi sau những ngày chiến đấu gay cấn ác liệt với Việt Minh, mãi đến khi bị Việt Minh đánh bại xua sang Tàu, ông Bách mới có thì giờ vào thư viện nghiên cứu chính trị. Vậy trước đó việc suy tưởng về lý luận trong giới lãnh đạo Quốc dân đảng như thế nào? Có thể nghĩ rằng những con người thiết tha với độc lập nước nhà, với lý tưởng tự do dân chủ như Nhất Linh như Hoàng Đạo, lúc gặp cái vận hội đặc biệt trong hồi thế chiến thứ hai thì không thể không đứng ra làm việc nước, mặc dù bình sinh không từng là chính trị gia chuyên nghiệp, chưa từng chuyên tâm nghiên cứu chính trị, có thể nghĩ thế chăng ?

Nhưng trong tư cách lãnh tụ văn hóa thì Nhất Linh đã làm trọn vai trò của mình đến nơi đến chốn: ông sáng tác dồi dào; ông có kế hoạch tổ chức (lập một văn đoàn, ra báo, lập nhà xuất bản sách) để phổ biến rộng rãi tác phẩm, để tranh thủ ưu thế cho quan niệm nghệ thuật của mình, ông mải miết suy tìm một cơ sở lý luận cho đường lối sáng tác của mình. Vì những tìm tòi không ngừng ấy, ông luôn luôn có những thay đổi chuyển biến trên các chặng đường sáng tác trong khi nhiều nhà văn khác cùng thời với ông vẫn giậm chân mãi một chỗ cho đến cuối đời. Ấy vậy mà trong khi lắm người khác hớn hở khen nhau là cùng tiến vượt bực tới hàng ngũ tiền phong thì Nhất Linh lại bị chê là không còn hợp thời, là đã thuộc về hôm qua, họa hoằn mới nghe được một tiếng "chấp nhận" độ lượng của giới hôm nay.

Tình cảnh mỉa mai ấy hẳn có lý do, những lý do mà tôi nghĩ là không liên quan đến tài năng của Nhất Linh, vì vậy không thấy cần nói đến trong dịp này.

Võ Phiến

(Trích Hai Mươi Năm Văn Học Miền Nam 1954-1975)

---

(01) Nhật Thịnh: Chân dung Nhất Linh, *Đại Nam, trang 218.*
(02) Nhật Thịnh: Chân dung Nhất Linh, *trang 160.*
(03) Nguyễn Vỹ: Văn thi sĩ tiền chiến, *trang 156.*
(04) Sách đã dẫn, trang 162.
(05) 'trong Nho Phong': *Hoặc bổng trầm dìu dặt: "Hồng nương Hồng nương! Sao hôm nay ta lại đọc đến tên nàng" (trong* Hồng Nương), *"Lúc đi là hàn nho,*

lúc về biết đâu không ông cống ông nghè chỉ đài các". (trong Nho Phong); *hoặc có xen cả thơ rằng: "Ôi! Nhưng bây giờ Từ Nương còn biết gì nữa, nàng có nhớ đến chồng con nàng nữa đâu, ai đã yêu nàng, nàng có nhớ đâu mà nàng còn yêu ai nữa, nàng chỉ ngày ngày thơ thẩn một mình lên tít đỉnh đồi cao mà đứng trông.. Nhưng nàng trông ai bây giờ ?*

Đường trần mới đến nửa chừng
Mà guồng tơ cũ đã ngừng bánh xưa".

(trong Người quay tơ).
(06) Người quay tơ.
(07) Bản thảo Viết và đọc tiểu thuyết, *trang 18.*
(08) Sđd, trang 257.
(09) Sđd, trang 258.
(10) Sđd, trang 43.
(11) Sđd, trang 68.
(12) Bản thảo Viết và đọc tiểu thuyết, *trang 31.*
(13) Bản thảo Viết và đọc tiểu thuyết, *trang 31.*
(14) Sđd, trang 33.
(15) Nguyễn Vỹ, Văn thi sĩ tiền chiến, *trang 156.*
(16) Trang 17.
(17) Tạp chí Đất Mới, *số tháng 5, 1978, kỳ 1, trang 8.*
(18) Tức Đoạn tuyệt *và* Lạnh Lùng.
(19) Bản thảo viết và đọc tiểu thuyết, *trang 6.*
(20) Người quay tơ.
(21) Sđd, trang 22.
(22) Sđd, trang 27.
(23) Tức Nhất Linh.
(24) Nhật Thịnh, Chân dung Nhất Linh, *trang 47.*
(25). *Ở Nhất Linh suốt đời không những chỉ có sự nhất trí về các phương diện căn bản trong tâm hồn, mà còn có sự trung thành gắn bó với những kỷ niệm cảm xúc thời thơ ấu một cách thật cảm động.*

Con người đã từng là lãnh tụ văn hóa, lãnh tụ chính trị, từng lăn lóc phong trần, hết sang Tàu lại tính sang Tây, về già viết cuốn trường giang tiểu thuyết, tác phẩm quan trọng nhất đời mình, dành cho những chuyện xảy ra trong khung cảnh quê hương làng mạc, xảy ra giữa những nhật vật nghèo khó ít học đã sống quanh mình hồi ông còn bé. Trong Xóm cầu mới không có ông bà trí thức khoa bảng nào cả, không có xe hơi nhà lầu, không có ai xổ tiếng Tây tiếng Mỹ, không có chuyện rượu Tây, nhạc Tây, nhẩy đầm như nhan nhản trong các cuốn*truyện của văn sĩ lớp sau. Trong sách ông, nhân vật chính là một cô bé bán bánh cuốn, sinh hoạt với những ông lang, ông Năm Bụng bán rượu lậu, anh chàng lưới cá và kéo xe v.v... Đọc những trang sách tả cảnh nhà Mùi, với cây cầu bỏ lở dở trong xóm, cái ao nơi Mùi câu cá với Siêu, tình yêu giữa đôi anh em có họ xa, với dậu giăng quanh nhà, với cây đa cổ thụ, con đường xe lửa gần nhà Mùi, ngôi chợ Mùi cân gạo, cửa tiệm của người khách-trú trước mặt cửa hàng bánh cuốn của Mùi v.v..., chúng ta không khỏi liên tưởng đến các đoạn hồi ký sau đây của ông Nguyễn Tường Bách nói về cái nơi mà anh em Nguyễn Tường cùng sống ngày xưa: "Trong trí nhớ của tôi, ngôi nhà tranh ba gian tuy nhỏ nhưng rất đáng yêu. Mặt trước trông ra phía chợ với cửa hàng xén nhỏ, phố cũng vui vẻ, nhất là những ngày phiên chợ tấp nập (...), chung quanh các nhà có nhiều rặng găng lúc quả chín màu hồng rất đẹp, tuy hơi lợ nhưng trẻ con*

vẫn muốn ăn. Cách xa nữa, sát với đường xe lửa, là một cái ao nhỏ, mặt nước hơi vàng, phẳng lặng và đầy thi vị, chung quanh giồng nhiều thứ cây, để chúng tôi trèo lên ngồi vắt vẻo, ngắm xuống mặt nước, để xem có cá nào đớp dưới chân bèo. Thú nhất vẫn là anh em trong nhà vác cần câu ra ngồi dưới gốc cây, câu bằng run hay bằng tép, luôn luôn kéo lên được một con cá rô đen hay một con cá mác trắng tinh trong tiếng kêu vui mừng của các cô em họ

(Nguyễn Tường Bách, Việt Nam những ngày lịch sử Nhóm nghiên cứu sử địa xuất bản. Montréal 1981, trang 17). Xa nữa, vẫn là những đồng ruộng thẳng tắp, chỉ có mấy gò mộ đá gồ ghề và hình ảnh cái cầu kênh bỏ dở nằm gọn trên sông Giàng và hình ảnh cây đa mâm xôi bật lên nền trời. Cây đa này quen thuộc biết bao với chúng tôi vì đã bao lần chúng tôi đến ngồi dưới gốc nó nhìn ra đồng ruộng bốn chung quanh; với những gốc rạ nâu mùa đông và những gò tha ma nhấp nhô (sđd, trang 18). Đương nhiên, cũng có số ít người khá giả hơn, có cửa hàng to, có ruộng cho cấy rẽ, như nhà ngoại chúng tôi, và có tiền cho vay lãi, trong số đó có cả một cửa hàng khách (Hoa Kiều) đó là nhà bà Đồng Phát giàu nhất nhì ở huyện (sđd, trang 19).

(26) Nhật Thịnh Chân dung Nhất Linh, *trang 43.*

(27) Việt Nam, những ngày lịch sử, trang 51.

Ký hoạ của Nhất Linh trong bản thảo bản dịch Đỉnh Gió Hú.

Nguyễn Đình Thẩm

Chân tình

Khi cánh cửa mùa xuân vừa hé mở
Em nhắc ta khắc vội chữ chân tình
Rồi hai đứa leo rào, chui cửa sổ
Vào căn nhà chỉ sống những bình minh.

Chỉ gặp gỡ khi thấy mình đẹp nhất
Chỉ tìm nhau khi thực đã quên đời
Cũng tổ chức một vài phiên họp mật
Để luận bàn nghiêm chỉnh chuyện rong chơi.

Đời em cũ coi mờ như lịch sử
Kể lỡ lầm bằng giọng rất vui tươi
(Chuyện mặt đất nặng mang loài dã thú
Rất tự nhiên, khi thiếu vết chân người)

Dĩ vãng anh vẽ theo màu thủy mạc
Những rối mù thiện ác với đua tranh
Như hậu cảnh mênh mông nền lửa cát
Làm cực kỳ diễm lệ nước hồ xanh.

Chốn ta đến là thiên đường bỏ trống
Em mặc tình sắp xếp lại trăng sao
Anh khuân đá xây quanh làm thạch động
Giữa trùng trùng điệp điệp núi non cao.

Chuyện hôm đó... anh nhớ rồi: bí mật!
Đúng luật rừng hai đứa đã bày ra
Đến thì nhớ gánh đời quăng trước cửa
Về tạm quên mặt đất có đôi ta.

Thôi chỉ nhắc một điều ngoài chốn đó.
Một lỗi lầm ân hận mãi khôn nguôi
Anh lỡ khắc chân tình lên đại thụ
Nên chuyện tình thiên cổ vẫn xanh tươi.

Houston, Texas, 2.1985.

Kỷ niệm ngày khai bút Xoá Cưỡi Mới
bên dòng suối Đa Mê, ngày 03-10-57

Ảnh Nhất Linh chụp bên dòng suối Đa Mê ở Fim-nôm năm 1957.

Văn Học Nghệ Thuật

Phỏng vấn nhà văn Linh Bảo

Lời tòa soạn: *Nữ sĩ Linh Bảo là một trường hợp để chúng ta suy nghĩ. Chúng ta hiện nay là những người cầm bút lưu vong; mà Linh Bảo là một văn tài được phát hiện trong hoàn cảnh lưu vong, là một nhà văn mà hầu như suốt cuộc đời sáng tác là đời lưu vong.*

Sự thành công của Linh Bảo nói gì với chúng ta? Hứa hẹn những gì với chúng ta? — Rồi chúng ta sẽ tìm hiểu sau. Bây giờ Văn Học Nghệ Thuật hãy xin bà cung cấp cho chúng ta một ít tài liệu, dữ kiện. Những cái đó có liên quan đến Nhất Linh, vì vậy cũng soi sáng thêm một vài khía cạnh trong cuộc đời Nhất Linh.

Linh Bảo rời nước ra đi khi còn là một thiếu nữ chưa đầy 20 tuổi, sống ở lục địa Trung Hoa rồi Hương Cảng, những nơi tuyệt nhiên không có sinh hoạt văn nghệ VN nào. Ngẫu nhiên Nhất Linh phát giác ra một nhà văn nơi người thiếu nữ ấy. Địa vị càng ngày càng vững vàng của Linh Bảo trong 30 năm văn học từ ấy đến nay chứng tỏ sự sáng suốt của Nhất Linh.

□

Hỏi: *Thưa chị, chị sang Tàu để du học, rồi để hoạt động chính trị. Hình như chị ra đi không hề có chủ đích để làm văn nghệ. Thế rồi vụt một cái chị thành ra một tác giả do nhà xuất bản Đời Nay in, do Nhất Linh chọn lựa. Một bước, chị nhảy đến thành công lớn ngay. Xin chị cho biết sự việc đã diễn ra như thế nào?*

Đáp: Lúc Linh Bảo còn ở Hồng Kông gặp chị Nguyễn Thị Vinh. Trông thấy bản thảo Gió Bấc viết theo lối nhật ký, chị mượn đưa cho anh Nhất Linh xem. Anh Nhất Linh yêu cầu viết lại thành ngôi thứ ba, vì độc giả VN lúc ấy chưa quen đọc truyện viết dùng ngôi thứ nhất: tôi.

Hỏi: *Khi xuất bản sách, khi đăng bài chị lên báo do ông chủ trương, có bao giờ Nhất Linh sửa chữa hay đề nghị chị sửa chữa gì trong bản thảo không ?*

Đáp: Cuốn đầu tiên "Gió Bấc" anh Nhất Linh hứa sẽ chữa. Không biết có chữa gì không, vì Linh Bảo không đọc lại bản thảo, và cũng không tìm vì không cho là quan trọng. Chỉ có một lần truyện "Áo Mới" đăng trong Văn Hóa Ngày Nay bị chữa mấy chữ thành khác với ý của Linh Bảo. Bị kêu nài, từ đấy về sau, bài của Linh Bảo được để nguyên.

Hỏi: *Không biết chúng tôi có được phép tò mò một chút về vấn đề tác quyền? Đối với một cây bút mới như chị lúc bấy giờ, nhà Đời Nay đối xử ra sao?*

Đáp: Anh Nhất Linh trả 15%, lúc đó là giá cao nhất. Anh không hề giảm bớt vì lý do tác phẩm mới xuất bản lần đầu.

Hỏi: *Trước sau chị có bao nhiêu sách do nhà Đời Nay xuất bản?*

Đáp: Sách Hồng: Chiếc Áo Nhung Lam. Truyện ngắn: Gió Bấc, Tầu ngựa cũ. Truyện dài: Những đêm mưa.

Hỏi: *Về sau vì sao mà chị không giao sách cho nhà Đời Nay xuất bản nữa?*

Đáp: Lúc Linh Bảo gởi về cuốn Con Chồn Tinh Quái là truyện cổ tích thế giới, không phải là một sáng tác văn nghệ, Ngày Mới xuất bản. Những Cánh Diều, Trí Đăng xuất bản. Linh Bảo mất liên lạc với nhóm anh Nhất Linh, nên tất cả đều gửi về Bách Khoa. Anh em ở Bách Khoa làm sao thì làm.

Hỏi: *Xin chị cho biết về những cuộc tiếp xúc với Nhất Linh, những giao thiệp, thư từ v.v... với ông.*

Đáp: Linh Bảo chỉ gặp Nhất Linh vài lần trong suốt thời kỳ ở VN độ một năm. Mỗi lần gặp đều là những buổi họp văn nghệ, hay được anh chị Bảo Sơn mời đi ăn phở, ăn chả cá. Anh Nhất Linh cho Linh Bảo địa chỉ dặn nếu cần cứ đến nhà gặp anh, nhưng Linh Bảo chưa bao giờ đến cả. Những thư anh gửi về việc xuất bản Linh Bảo vẫn còn giữ. Cái thư nhận tiền tác quyền, được chuyển qua Hongkong. Lúc đem thư đi nhận, người ta không đưa nên bức thư bút tích của anh Nhất Linh được giữ lại... cho vui. Nếu người ta đưa tiền thì cố nhiên họ phải lấy cái thư.

Hỏi: *Về vấn đề sáng tác văn nghệ, ông có khuyên bảo chị điều gì?*

Đáp: Lời khuyên Linh Bảo ghi nhớ và cố giữ trọn là phải Chân Thành. Anh dặn: Phải chân thành trong khi viết văn, chân thành trong cuộc sống và nhất là phải chân thành với chính mình. Đời có thể không hiểu ta, bạn bè có thể ghét ta, văn chương có thể không nuôi nổi ta, người yêu có thể phụ ta, nhưng tất cả đều không thể làm ta khổ. Khi ta có Chân Thành làm áo giáp hộ thân, thì giá trị của mình không có gì có thể xóa nhòa được. Mình phải không thẹn với mình thì mới có niềm tin, còn tất cả đều là nước chảy dưới cầu cả.

Hỏi: *Ông có đề cập đến vấn đề chính trị trong các cuộc gặp gỡ?*

Đáp: Không bao giờ anh nói chuyện chính trị.

Hỏi: *Trong suốt thời gian quen biết với Nhất Linh, chị còn giữ kỷ*

niệm nào cho là đáng ghi nhớ nhất?

Đáp: Tất cả các cuộc gặp gỡ đều có đông bạn bè và không có "biến cố ghê gớm" gì để có thể gọi là kỷ niệm đặc biệt. Anh như một người Anh Cả mà tất cả các anh chị em khác đều kính mến. Riêng Linh Bảo, tuổi đời, tuổi văn nghệ đều cách nhau rất xa; đối với anh, Linh Bảo kính trọng vô cùng, nên dù được phép "làm phiền bất cứ lúc nào", Linh Bảo không hề dám đến nhà riêng anh để học hỏi thêm.

Hỏi: *Trước kia, sống "bơ vơ" trên xứ người, chị viết nhiều. Từ 1975 sống giữa một cộng đồng VN càng ngày càng đông đảo, tại sao chị lại ngưng bút?*

Đáp: Linh Bảo có thể trả lời câu hỏi này rất dài dòng, nhưng tự kiểm duyệt hết, chỉ còn lại một câu ngắn gọn: "Chắc là ngày xưa điếc không sợ súng".

Hỏi: *Chị có bao giờ nghĩ:* ***a-*** *Nếu sống luôn trong nước từ 40 năm nay, chị sẽ viết được nhiều hơn?* ***b-*** *Có một văn nghiệp lớn lao hơn?* ***c-*** *Chị có hối tiếc về cảnh đời lưu vong?*

Đáp: **a-** Nếu phải viết văn để mua gạo chắc Linh Bảo phải cố gắng vì hay đói. Nếu không cần thì vẫn là... Không ai bắt được. **b-** Ghê quá. Làm gì có văn nghiệp mà lớn với nhỏ. Ghi lại trên giấy một vài tâm tư, một vài kỷ niệm trong cuộc sống có khi của mình, có khi của những người quen biết chung quanh mà dám nhận là văn nghiệp, thì những văn nghiệp thực phải gọi là gì. Xin lỗi, Linh Bảo không dám. **c-** Hối tiếc tức là nhận đó là một lầm lẫn. Linh Bảo coi lầm lẫn như một bài học, không phải để quên đi nhưng cất đấy để thỉnh thoảng đem ra... học ôn. Còn Hối Tiếc là hai chữ cấm kỵ. Linh Bảo không hối tiếc vì đã sống 40 năm lưu vong. Những nét đẹp nếu Linh Bảo để mất thì... gắng chịu. Linh Bảo cũng không hối tiếc đã không ở VN. Ở hải ngoại, Linh Bảo được thương nhớ ao ước ngày về. Ở đời còn được một cái gì để nhớ thương ao ước còn hơn không có gì cả.

Cảm ơn anh đã hỏi Linh Bảo trực tiếp để Linh Bảo trả lời trực tiếp. Linh Bảo sống khiêm nhường ẩn dật, ít bạn bè, không hề liên lạc với ai từ mấy chục năm nay. Từ khi bà con Việt Nam dọn nhà sang đây, Linh Bảo cũng vẫn sống y như thế. Ít người hiểu Linh Bảo thực như thế nào. Những người quen hơn người không quen một tí lại càng không hiểu, vì họ tưởng là họ hiểu nên không hỏi. Linh Bảo không thích đội những cái mũ không vừa. Chính anh cũng đã phán cho Linh Bảo mấy chữ: du học, hoạt động chính trị, làm văn nghệ. Biết là được tặng những cái mũ đẹp, nhưng không phải của mình, đội vào thì... ngượng. Ra khỏi nước vì thời thế đưa đẩy. Có quen với anh em hoạt động nên được (bị) cho là có hoạt động, viết lách vài bài văn xuôi nên được gọi là làm văn nghệ. Anh thấy không, Linh Bảo chỉ kể những cái mũ đẹp, mũ không đẹp chắc cũng có nhưng Linh Bảo không biết và cũng không muốn biết. Tất cả đều không xuyên thủng được "áo giáp" của Linh Bảo. □

Ảnh Nhất Linh và nhà thơ Đông Hồ chụp tại nhà Đông Hồ.

Nguyễn Tường Thiết

Nhất Linh, cha tôi.

*M*ãi đến năm 10 tuổi tôi mới được thấy rõ khuôn mặt bố tôi. Đó là khoảng cuối năm 1950 khi ông từ Hương Cảng trở về Hà Nội. Trong thập niên 1940-50 cha tôi rất bận rộn với những hoạt động chính trị, ông sống bôn ba nhiều năm bên Trung Hoa. Thời gian này ông chỉ ghé về thăm mẹ con tôi trong những dịp đặc biệt, ngắn ngủi, không đủ cho tôi kịp nhận diện khuôn mặt người bố. Bởi thế, ngày mẹ con tôi tiếp đón ông trở về với gia đình, tôi đã đứng ngây người nhìn ông như nhìn một người khách lạ.

Người khách ấy - Nhất Linh - mặc bộ ka-ki bốn túi, dáng dong dỏng quắc thước, khuôn mặt phong sương, có cặp mắt sâu, đôi mày rậm, vầng trán cao, nụ cười cởi mở dưới hàng râu mép và cái nhìn đặc biệt, nhìn thẳng và sâu vào đôi mắt người đối diện nhưng lúc nào cũng nhiễm một vẻ mơ màng, xa vời.

Đêm hôm đầu tiên đoàn tụ, chúng tôi không ngủ, tất cả thức gần suốt sáng để trò truyện với ông. Trong căn nhà số 15 Hàng Bè Hà Nội, nơi mẹ tôi mở tiệm bán cau khô, vào một đêm mùa Đông, bố mẹ con chúng tôi đã chen chúc nhau nằm trên một chiếc giường tây lớn. Tôi còn nhớ rõ bố tôi nói với chúng tôi ngày hôm sau báo chí sẽ đến gặp ông và ông sẽ tuyên bố quyết định từ bỏ cuộc đời làm chính trị để trở vềvới đời viết văn.

Riêng tôi, nằm sát cạnh người bố xa lạ trong chiếc chăn bông ấm áp, tôi vẫn không nói với ông một lời từ lúc ông trở về nhà. Rõ ràng là tôi đã giận dỗi và phản đối cái cách tiếp đón mà mọi người đã dành cho ông, bằng cách giả vờ ngủ say không tham dự. Nhất Linh thì tinh lắm, ông đoán biết ngay cái gì không ổn trong thái độ của thằng con út. Trong lúc vẫn nói chuyện với mẹ và các anh chị tôi, chốc chốc ông lại thò tay dưới chăn véo mạnh vào đùi tôi để thăm dò thằng con còn thức hay đã ngủ, nhưng tôi chịu đau, lờ đi. Mãi về sau, đau quá, chịu không thấu, tôi phải la lên, tiếng kêu có vẻ tỉnh táo lắm, khiến ông

tung chăn ngồi dậy, nói to: "À thằng này giỏi chịu đau từ lúc nẫy đến giờ, nó chỉ vờ ngủ!". Cả nhà ngơ ngác không hiểu chuyện gì xẩy ra giữa hai bố, con. Thế là sau mười năm xa cách, ông đã tìm cách "đàm thoại" với tôi trong chăn và qua cách ấy hai bố con tôi đã nghĩ về nhau một cách lặng lẽ.

Mẹ tôi thường nói, bố tôi tuổi con ngựa nên suốt đời hay đi, không mấy khi ở gần với gia đình. Bà cũng thường nói khi lấy cha tôi, ông đã cam kết ngay từ đầu rằng mỗi người có một bổn phận, ông có bổn phận với xã hội, còn bà có bổn phận với gia đình. Tôi ít thấy một cặp vợ chồng nào mà sự cam kết ban đầu lại được cả đôi bên tôn trọng lâu dài hơn thế. Thực ra, chẳng phải vì ông hoạt động cách mạng nên hoàn cảnh bó buộc ông phải sống xa gia đình. Ngay sau này khi sống một cuộc đời bình thường, ông cũng không mấy khi ở gần mẹ con chúng tôi. Bản chất và lối sống của bố mẹ tôi hoàn toàn khác biệt, khó có thể dung hợp. Tính ông tuyệt đối ưa chuộng sự giản dị, chân thật, sự mơ mộng, yên tĩnh, ngăn nắp và sạch sẽ. Còn mẹ tôi, suốt đời buôn bán nghề cau để lấy tiền nuôi lũ chúng tôi, nên phải sống trong điều kiện ngược hẳn lại: bà buộc phải thực tế, mầu mè, khách sáo, sống nơi chợ búa ồn ào, bừa bãi, luộm thuộm. Lũ chúng tôi phần lớn sống gần với mẹ, nhưng đôi khi cũng được gửi đi sống bên cạnh bố. Sự giàn xếp trong lối sống của bố mẹ tôi thực là tuyệt diệu vì chính nó đã giữ được hòa khí trong gia đình. Không bao giờ chúng tôi nghe thấy bố mẹ tôi to tiếng với nhau. Trái lại chính vì thời gian sống chung bên nhau hiếm hoi nên cả hai đã tạo cho nhau những ngày sống chung trở thành một chuỗi "những ngày diễm ảo". Mẹ tôi kể lại, trong thời gian trước khi tôi sinh ra, cứ mỗi lần Nhất Linh viết xong và xuất bản được một cuốn truyện mới thì dù mẹ tôi có bận rộn buôn bán đến mấy đi nữa, ông cũng buộc mẹ tôi bỏ hết để cùng sống với ông riêng biệt một thời gian bên bãi biển Sầm Sơn. Ông còn tập cho mẹ tôi hút thuốc lá, uống rượu, thưởng thức thú pha và uống trà tàu buổi sáng, để rồi sau bà cũng nghiện không thua gì ông. Sau này, trong những ngày ở Đà Lạt lạnh lẽo, những buổi sớm mai khi chúng tôi còn nằm vùi trong chăn, thì bố mẹ tôi đã rù rì tâm sự với nhau bên tách trà nóng, rất là tương đắc. Sở dĩ bố mẹ tôi có thể sống xa nhau thường xuyên mà không phiền hà vì cả hai đều có một điểm giống nhau, đó là sự say mê làm việc. Nếu Nhất Linh đam mê viết sách, làm báo và những hoạt động xã hội, thì mẹ tôi cũng mê say trong việc làm ăn buôn bán không kém, có khi lại còn hơn cả ông. Lũ chúng tôi không hề cảm thấy buồn phiền vì thiếu sự chăm sóc thường xuyên của cả bố lẫn mẹ, trái lại còn thấy sung sướng vì cảm thấy mình được tự do.

Sau khi ở Trung Hoa về nước và sống với mẹ con tôi ít ngày, Nhất Linh thu xếp mấy thứ hành trang giản dị dọn qua ở nhà bác Nguyễn Tường Thụy tôi, số 2 đường Lý Thường Kiệt, trong một khu phố tây yên tĩnh, đối diện với Viện Đại Học Hà Nội. Ông ở đó ít tháng

để hoàn thành bức vẽ truyền thần chân dung bà nội tôi. Đó là một bức họa lớn bằng bút chì, nét vẽ đơn sơ sắc sảo, Nhất Linh đã ghi lại hình ảnh sống động bà mẹ của ông trong bộ áo nâu tu hành đang ngồi chắp tay tụng niệm.

Đầu tháng 4 năm 1951, Nhất Linh và toàn gia đình bác Thụy tôi dọn vào Nam. Cha tôi chọn người chị cả tôi và người con út là tôi đi theo ông vào Sàigòn, trong khi mẹ tôi vẫn tiếp tục buôn bán ở Hà Nội với các anh chị tôi cho đến ngày di cư. Ba bố con tôi ở chung với gia đình bác Thụy trong một căn nhà do chính phủ cấp cho công chức sở Bưu Điện, số 12P đường Hồng Thập Tự. Căn nhà tuy rộng, có nhiều phòng, nhưng vì gia đình bác tôi đông con nên cũng thành chật. Cha tôi chỉ xin một phòng nhỏ và xấu xí nhất trong một xó bếp để ở, vì chỗ đó yên tĩnh và biệt lập. Thế rồi chỉ trong vòng tuần lễ, với khiếu thẩm mỹ và sự bầy biện ngăn nắp, ông đã trang trí căn phòng tồi tàn thành một chỗ ở xinh xắn và ấm cúng nhất.

Trong mấy năm ở nhà bác tôi, Nhất Linh chú tâm vào việc xuất bản và tìm tòi những cây viết mới. Ông mở nhà xuất bản Phượng Gian g - ghép tên Phượng Vũ và Cẩm Giàng là quê quán và sinh quán của mẹ và cha tôi - ngoài việc in lại những sách truyện của Tự Lực văn đoàn, ông còn xuất bản truyện của những cây viết trẻ. Chúng tôi, các con bác cả và tôi, lăng xăng khuân từng chồng sách mỏng, loại Sách Hồng dành cho thiếu nhi, và thay phiên nhau đóng dấu bông hoa hồng lên trên bìa sách. Người con trai cả bác Thụy tôi, nhà văn Tường Hùng, lúc đó đang học về kiến trúc, đã vẽ dấu hiệu con Phượng Hoàng tiêu biểu cho nhà xuất bản Phượng Giang. Thời gian này, họa sĩ Nguyễn Gia Trí cũng thường lui tới. Ông đã giúp cha tôi trình bày mẫu bìa các cuốn tiểu thuyết qua nghệ thuật cắt và dán giấy mầu của ông. Bức họa chân dung Nhất Linh bằng sơn dầu được nhiều người biết tới, nhất là sau khi Nhất Linh qua đời và bức tranh được trưng trong những dịp tưởng niệm ông, là do họa sĩ Trí vẽ trong thời gian này. Bức vẽ thực ra còn dang dở vì trước khi vẽ xong, ông Trí đã bị bắt đi an trí một thời gian. Khi ông trở về, định vẽ tiếp thì cha tôi không cho. Thành thử bức chân dung chỉ có khuôn mặt là đầy đủ, còn bàn tay cầm gói thuốc lá thì mới chỉ là mấy nét phác. Sau này cha tôi nói đùa là ông thích để nguyên như vậy vì chính cuộc đời ông cũng là một tác phẩm chưa hoàn tất. Trong những lúc giúp Nhất Linh những công việc lặt vặt của nhà xuất bản, chúng tôi có dịp đọc tiểu thuyết và lần đầu tiên làm quen với các tác phẩm của nhóm Tự Lực văn đoàn và của các nhà văn mới khác. Tôi còn nhớ tôi đã đọc ngay từ khi sách đang in còn thơm mùi mực mới cuốn truyện đầu tay *Những đêm mưa* của Linh Bảo và cuốn *Gió mát* của Tường Hùng. Có một cuốn tiểu thuyết mà Nhất Linh cấm không cho chúng tôi đọc là quyển *Bướm trắng*, ông nói là chúng tôi chưa đủ lớn để hiểu được cuốn truyện này.

Thời gian ở nhà bác Thụy chúng tôi cũng được biết cha tôi mắc

bệnh bao tử. Ông không thể nào ăn cơm ta một thời gian lâu mà không cảm thấy óc ách khó chịu. Ông bèn đổi cách ăn bằng cách đặt mua cơm tháng ở hiệu cơm Tây La Cigale đường Đinh Tiên Hoàng và chị người làm cứ ngày hai lần xách cà-mèn đi lấy đồ ăn về. Bữa ăn chỉ có hai bố con, Nhất Linh và tôi. Ông ăn nhanh và không nói năng. Lúc đầu tôi còn khoái ăn cơm Tây vì lạ miệng, nhưng ăn mãi cũng đâm chán. Hơn nữa ăn một mình với ông thì buồn vì không được đùa nghịch. Tôi bèn thương lượng với các anh họ tôi đánh đổi để được ăn cơm ta chung với gia đình bác tôi. Các anh họ tôi thì đông lắm, mà ai cũng thích ăn cơm tây, nên cứ trước mỗi bữa ăn là xảy ra cuộc tranh giành rút thăm inh ỏi để chọn người đại diện vào ăn chung với "chú Tam".

Chú Tam thường thì rất cởi mở vui tính với lũ trẻ nên ai cũng thích ông. Khi vui ông thường trực tiếp tham dự vào những trò chơi của chúng tôi, hoặc giả ông đặt những giải thưởng hậu hĩnh cho ai thắng những cuộc tranh đua. Nhưng cũng nhiều lúc ông xa lánh tất cả rút vào căn phòng sào huyệt của ông để tìm sự yên tĩnh. Hình ảnh quen thuộc mà chúng tôi thường thấy khi vào phòng ông là thấy ông đang ngồi viết lách trên một chiếc ghế vải, với cặp kính trễ trên sống mũi, bên cạnh ông, trên một chiếc bàn thấp là một ly bia ông uống nhấm nháp, một gói thuốc lá Bastos xanh, một cái tẩu thuốc, một cuốn sổ tay chi chít những ghi chú và con số.

Nhất Linh thường viết trong đêm khuya khoắt. Những khi giật mình thức giấc nửa đêm tôi thường thấy, qua khe cửa, đèn trong phòng ông còn bật sáng. Có đêm lũ chúng tôi lòm còm bò dậy vì có tiếng khóc trong phòng cha tôi. Tiếng khóc lúc đầu còn nhỏ sau lớn dần không kìm hãm được. Lũ chúng tôi ngơ ngác nhìn nhau. Một người anh họ lớn tuổi hơn, ra dáng hiểu biết, giải thích: "Chú Tam khóc vì chú nhớ chú Long đấy!". Sau này tôi biết ông đã khóc âm thầm nhiều đêm vào những dịp khác. Không ai có thể đoán biết ông khóc cái gì, ngay cả mẹ tôi cũng không thể nào biết được. Nhưng sự khám phá này đã gieo vào tuổi thơ của tôi một ấn tượng mạnh mẽ, rằng cha tôi là một người cô đơn và đau khổ. Ngoài ra những giấc mơ kỳ lạ và kinh hãi cũng được tôi hình dung thấy qua giấc ngủ của ông, qua cách ông trằn trọc ú ớ trong đêm. Có buổi sáng thức dậy, ông đã hỏi người chị họ tôi có dạo chơi piano bản nhạc nào đó không, vì ông hoang mang không biết chính ông đã nghe chị tôi thực sự dạo bản nhạc đó hay là tất cả chỉ do ông tưởng tượng ra trong giấc mơ của ông.

Năm 1954, khoảng ký kết hiệp định Genève, cha tôi sang Pháp để chữa bệnh và cũng để thăm người anh cả tôi đã sang Pháp du học từ năm 1949. Đây là chuyến *"Đi Tây"* thứ hai và cuối cùng của ông. Thời gian này mẹ và các anh tôi cũng đã di cư vào Nam. Mẹ tôi mua một căn lầu trong chung cư chợ An Đông để lấy chỗ ở và buôn bán. Khi

Nhất Linh về nước, ông xách theo một cây kèn Clarinette, một loại nhạc khí mà ông đã rành sử dụng từ những năm 1939-40. Cứ mỗi buổi chiều chúng tôi lại nghe tiếng hắc tiêu của ông qua bản Tennessee Waltz mà ông ưa thích văng vẳng từ căn lầu hai chung cư, nghe lạc lõng xa lạ trong cái không khí chợ búa ồn ào của khu phố chợ An Đông. Chúng tôi thấy rõ nơi này chẳng phải là chỗ nương náu lâu dài cho ông được.

Quả nhiên, qua năm 1955, ông xách kèn lên Đà Lạt và quyết định ở luôn trên ấy mấy năm. Thu xếp xong chỗ ở, ông nộp đơn để xin cho tôi thi nhập học vào một trường trung học công lập trên ấy, thế là một lần nữa tôi lại theo ông lên sống trên miền Cao nguyên.

Nhất Linh, sau thời kỳ chữa bệnh bên Pháp, lại rất thích hợp với khung cảnh nên thơ và khí hậu mát mẻ của Đà Lạt, dạo này rất khỏe mạnh. Ông thường đi bộ một ngày đến hơn cả chục cây số. Mỗi buổi sáng sớm, từ căn phòng thuê trên lầu hai nhà hàng Nguyễn Tăng Diên, số 12 đường Yersin, ông thả bộ xuống khu chợ Hòa bình, ăn điểm tâm tô phở Bình Dân đường Hàm Nghi, rồi đi vòng bên kia bờ hồ Xuân Hương, vượt mấy ngọn đồi phía cuối hồ, đến tận khu Chi Lăng gần hồ Than Thở. Lâu lâu ông rủ tôi đi thả bộ cùng với ông. Hai bố con lặng lẽ đi bên nhau, vì ông thường đắm mình trong những kỷ niệm và suy tưởng riêng tư, cho đến lúc tôi mệt nhoài, đòi về. Có lần, đi ngang qua sân cỏ, ông chỉ về phía cái tháp cao của khu trường trung học Yersin và khách sạn Palace thấp thoáng trong sương phía bên kia bờ hồ Xuân Hương nói với tôi là chính tại ngôi trường đó, gần mười năm trước, ông đã cầm đầu phái đoàn Việt Nam dự hội nghị sơ bộ Pháp Việt và cũng thời gian đó, trước nhà hàng Palace kia, nơi thềm xi măng mặt tiền khách sạn, ông vẫn thường ngồi uống rượu để thưởng ngoạn khung cảnh Đà Lạt với bác Thụy tôi, hai người vẫn nhìn sang rặng đồi thông hên này, nơi chỗ chúng tôi tản bộ ngày nay. Cái khung cảnh thơ mộng đó, mười năm sau, đã trở về trong ký ức của ông; nhưng lần này khung cảnh đó ông đã thưởng ngoạn với sự bình thản hơn nhiều của tâm hồn. Nhất Linh hầu như không bao giờ tâm sự với con cái về chính cuộc đời của ông, nhất là cuộc đời chính trị, nhưng có một lần hiếm hoi ông đã tiết lộ với chúng tôi là thời gian khổ sở nhất trong cuộc đời của ông là lúc ông đảm nhận chức vụ Bộ Trưởng Bộ Ngoại Giao trong chính phủ Liên Hiệp.

Cha tôi có biệt tài nhận xét và quan sát rất hén nhậy khiến tôi phải cảm phục. Năm đó tôi đã trúng tuyển kỳ thi nhập học vào lớp Đệ Lục trường trung học Quang Trung. Vì số học trò dự thi vào trường công năm đó rất đông mà nhà trường thì chỉ còn chỗ để thu nhận thêm vài ba học sinh thôi, nên hôm đi thi về tôi đã nói trước với cha tôi là tôi không có một tí hy vọng nào cả. Ngày đi xem bảng, không ngờ lại thấy tên mình trong danh sách những người trúng tuyển, tôi mừng quýnh, vội bỏ về nhà ngay. Lúc bước chân vào nhà, vì muốn dành cho cha tôi

một sự ngạc nhiên, tôi đóng vai thiểu não, báo cho ông biết là mình đã thi trượt. Nhất Linh chỉ cười và nói chắc là tôi đã đậu rồi. Sau đó ông giải thích với tôi sở dĩ ông biết chắc tôi thi đậu vì lúc trước đó từ trên lầu hai ông đã quan sát dáng đi của tôi từ xa trước hai dãy phố, cái cách đi cắm cúi của tôi như chỉ muốn đi nhanh cho chóng về nhà đã khiến ông tin chắc tôi có gì vui ở trong lòng, như vậy thì làm sao mà tôi có thể trượt được.

Một bữa kia trong buổi đi tản bộ thường lệ buổi sáng, cha tôi bất ngờ trông thấy và chỉ cho tôi coi một đóa phong lan nở hoa mọc lưng chừng cao trên thân một cây thông già khẳng khiu bên bờ hồ Xuân Hương. Vẻ đẹp thiên nhiên của đóa phong lan khiến Nhất Linh ngây người ngắm nghía, nhất là cái dáng mảnh mai thướt tha của chùm hoa buông thả xuống tương phản hẳn với nét mạnh mẽ cứng cáp của bẹ lá, và cánh hoa có màu vàng tươi nổi bật trên nền nâu đậm của gốc thông. Ông bèn sai tôi trèo lên cao gỡ nhánh lan xuống. Nhất Linh hẳn là phải xúc động lắm khi ông bất ngờ tìm được thứ hoa quý này vì tôi thấy ông không để ý đến việc thằng con ông trèo lên thân cây cheo leo dám có thể sẩy tay ngã lắm mà chỉ luôn miệng nhắc chừng tôi cẩm kheo khéo để khỏi làm gẫy nhánh hoa.

Mang được cây lan quý về nhà, ông liền trồng trên một khúc cây mục, lại sai tôi đi tìm rêu để đắp vào rễ cho giữ độ ẩm, rồi treo ngay trên tường trong phòng ngủ, cả ngày hôm đó ông say sưa ngắm nghía mãi không chán. Thế rồi từ đó Nhất Linh mê chơi lan. Mê đến độ quên ăn quên ngủ và quên luôn cả việc viết lách, vì dạo này tôi ít thấy ông thức khuya ngồi viết như trước.

Cái thú tản bộ của ông không còn mang mục đích tập thể dục buổi sáng hoặc để giúp ông thả hồn trong giòng suy tưởng nữa mà lúc này đã mang một mục đích mới: ông đi tầm lan, có khi đi suốt ngày, băng rừng lội suối, ông đi một mình hay đi cùng với những người bạn cùng mê lan như ông, để rồi chiều chiều về đến nhà mệt nhoài nhưng hý hửng với một hay hai đóa hoa lạ trên tay. Hôm nào không đi tìm lang thì ông đi tìm những khúc rễ cây lớn có hình thù lạ mắt về nhà gọt dũa để gắn hoa phong lan lên trên hoặc ông lui cui xếp và đóng những thanh gỗ với nhau để làm rổ treo lan, mỗi rổ có một kiểu cọ khác nhau, rồi ông treo lan lên tường, treo cùng khắp gần như kín cả phòng. Mẹ tôi rất bận rộn buôn bán ở Sài-Gòn ông cũng gọi lên Đà Lạt với ông dăm ba tuần để cùng thưởng lan với ông. Cái nhiệt tình của Nhất Linh đã lây sang rất nhiều người khác làm sống dậy phong trào chơi lan và tầm lan của dân Đà Lạt những năm 1956-57. Riêng anh em chúng tôi thấy ông vui thì cũng tham dự với ông nhưng trong bụng không thấy hứng thú gì cho lắm, trái lại lắm lúc còn bực mình vì ông cứ hay sai chúng tôi đi gỡ từng mảnh rêu để mang về cho ông, một công việc mà chúng tôi rất ghét làm. Rêu đúng loại tiêu chuẩn mà ông mong muốn thì chỉ có thể tìm thấy dễ dàng ở vệ đường gần các ống

cống; giữa phố xá đông đúc người đi qua lại mà lại ngồi bệt xuống vỉa hè tần mần bóc gỡ từng mảng rêu xanh bỏ vào trong một cái rổ thì nom có vẻ kỳ quặc, khó coi quá.

Nhất Linh chơi lan công phu hơn những người khác vì ngoài việc tầm lan ông còn ra thư viện tra khảo hoặc đặt mua từ bên Pháp các sách ngoại quốc viết về hoa phong lan trên thế giới, rồi ông tỉ mỉ phân loại, so sánh với hoa ở địa phương; ông lại vẽ từng đóa hoa một, đặt tên hoa, ghi chú từng đặc tính, với dụng ý sau này làm tài liệu viết một cuốn sách về việc sưu tập hoa phong lan. Và chiều nào ông cũng thổi hắc tiêu, nói là thổi cho lan nghe. Ông thổi bản *"J'ai rêvé de vous", vous* đây là chính đám hoa quấn quýt xúm lấy ông, nào là Nhất Điểm Hồng, Huyết Nhung Lan, Bạch Hạc, Tím Đồi Mồi, Hoa Cô Dâu, Bạch Ngọc, Thanh Ngọc, Văn Bao... thứ treo trên vách, thứ cắm trong chậu, thứ bầy trên bàn. Mỗi chiều thứ bẩy, ông lại tổ chức hòa nhạc tại gia, ngoài tiếng hắc tiêu của ông, lại có sự phụ họa lục huyền cầm của giáo sư Vĩnh Tường, khiến khách đi đường phải dừng chân trước khách sạn Du Paque, kẻ ngừng xe hơi, người ghếch xe đạp, để lắng nghe tiếng nhạc hòa tấu vẳng ra từ căn lầu nơi góc đường Yersin trong bầu không khí êm ả yên tĩnh của buổi chiều Đà Lạt.

Qua năm sau vì số lượng hoa sưu tập được mỗi ngày một nhiều, nhất là từ lúc Nhất Linh chuyển hướng chuyển đi tìm loại hoa đất là loại hoa do cụ Nghị Biên (em ruột bà nội tôi) khởi xướng thì căn lầu trên đường Yersin trở nên chật chội quá. Mấy bố con tôi dọn qua một căn nhà mới, số 19 đường Đặng Thái Thân, do ông chủ garage Lê Đình Gioãn, một người bạn lan của cha tôi, để lại. Từ đầu giốc đèo Prenn, phải đi vào một con đường trải đá ngoằn ngoèo mới tới được căn biệt thự nằm biệt lập trên một triền đồi nhìn xuống một thung lũng thông trùng điệp. Tại đây Nhất Linh đã biến căn biệt thự thành một trại lan nhỏ với đủ các loại hoa trồng khắp từ trong ra đến tận ngoài nhà. Lúc này cha tôi đã lôi kéo được những người bạn của ông từ Sài-Gòn lên tận Đà Lạt để cùng đi tầm lan với ông. Nhà văn Đỗ Tốn với chiếc xe hai ngựa và thi sĩ Tô Kiều Ngân với chiếc sáo trên tay vẫn thường đi tìm lan với chúng tôi; và vì có phương tiện xe hơi của Đỗ Tốn và của ông Gioãn nên phạm vi tầm lan cũng rộng hơn hiều, trong chu vi đến cả trăm cây số, từ đèo Ngọn Mục xuống tới Phan Rang hay đèo Bảo Lộc xuống đến Định Quán. Một vài chính khách như ông Phan Huy Quát thỉnh thoảng cũng có mặt trong các chuyến đi của chúng tôi.

Một bữa nọ, trong lúc đi thơ thẩn trong khu rừng thông gần nhà, tôi ngạc nhiên thấy có dăm ba người lính đứng gác ở bìa rừng xung quanh nhà tôi. Lúc tôi về nhà thì được biết tướng Dương Văn Minh cũng vừa lên xe ra về. Tướng Minh có mang đến biếu cha tôi một chậu hoa phong lan và nói chuyện với cha tôi khoảng tiếng đồng hồ trong phòng khách. Anh tôi kể lại với tôi tướng Minh là người cũng mê chơi

lan, nhưng ông đến thăm cha tôi hẳn là còn có mục đích khác ngoài việc xem lan không thôi. Nhưng cha tôi cứ vờ coi như người khách đến thăm chỉ để thưởng lan; trong một giờ đồng hồ ông cứ mải miết nói với tướng Minh về cách thức trồng hoa lan để hai người khỏi phải đả động đến các vấn đề khác. Một hôm khác chúng tôi đi săn lan ở đèo Bảo Lộc. Chúng tôi đi rất đông trên hai chiếc xe hơi; trong đám người săn lan, ngoài các văn nghệ sĩ còn có một cựu bộ trưởng, một chính khách, một nhà cách mạng từng bôn ba hải ngoại, nhưng tất cả không ai nói chuyện thời sự, chính trị. Khi đoàn xe trở về Đà Lạt ngang Liên Khương thì bị chặn lại. Quốc lộ 20 bị kẹt xe đến cả cây số và chúng tôi phải đậu xe bên vệ đường chờ đợi đến cả hai tiếng đồng hồ. Không ai biết chuyện gì xảy ra và đều rất bực mình vì phải chờ đợi quá lâu. Sau đó hỏi chúng tôi được biết lý do kẹt xe vì tổng thống Diệm đi kinh lý trên Đà Lạt, chuyến bay chở tổng thống bị trễ và vì không ai biết lúc nào phi cơ đáp xuống phi trường Liên Khương nên tốt nhất là chặn tất cả các xe cộ lại, bắt chúng tôi phải chờ đợi không biết đến lúc nào. Khi biết chuyện này Nhất Linh nói đùa với đám chúng tôi: "Nếu trong số đây mai sau có ai lên làm tổng thống thì nhớ đến cái ngày hôm nay phải chờ đợi bực mình như thế này nhé!"

Nhất Linh sống thanh bạch và giản dị. Ông giản dị mọi chuyện cho đến mức tối đa. Quần áo ông mặc hay quần áo của chúng tôi ông cấm không cho ủi thẳng nếp, ông nói ủi quần áo làm gì, cốt nhất là giặt giũ luôn cho thật sạch sẽ là đủ. Ông lại càng không hiểu nổi khi thấy chúng tôi ủi cả quần áo lót là thứ mặc bên trong không ai nhìn thấy. Có lần tôi nhờ ông khai một lá đơn cho ông hiệu trưởng trường tôi để xin được nghỉ học một hai ngày vì hôm đó không biết tôi ăn phải cái gì mà cứ phải đi cầu hoài. Trong tờ đơn ông khai huỵch tẹt tôi xin nghỉ là vì lý do "đau bụng ỉa chảy". Tôi tức quá phản đối ông vì thấy trong một lá đơn trịnh trọng thế mà khai như vậy không văn vẻ tí nào mà lại có vẻ thô tục quá. Ông nói mình bị bệnh thế nào thì cứ đúng thế mà khai chứ có gì mà phải ngượng; nhưng sau đó ông cũng chiều tôi sửa lại với lý do "đau bụng tháo dạ" nghe có vẻ "văn chương" hơn. Nhất Linh không bao giờ in một tấm danh thiếp cho chính mình, ngay cả những khi ông đảm nhận các chức vụ lớn và ông rất ghét phải xưng hô chức tước. Trong các đơn từ giấy tờ hoặc có ai hỏi về nghề nghiệp, ông chỉ khai giản dị "nhà văn" thế thôi. Suốt đời ông sống thanh bạch không hề sở hữu một miếng đất hay một căn nhà của riêng mình mà chỉ đi ở đợ hay ở thuê. Vì thế năm 1957 khi ông quyết định mua một lô đất và dự tính xây một căn nhà cho chính ông thì chúng tôi vừa ngạc nhiên vừa mừng vì cho rằng đã đến lúc ông ổn định để bắt đầu nghĩ đến chuyện "an cư lạc nghiệp" rồi.

Lô đất Nhất Linh mua nằm ven quốc lộ 20 Sàigòn-Đàlạt, ngay cây số 27, khoảng hai cây số phía Nam của làng Fim-nôm. Rộng chừng vài mẫu, miếng đất của ông nằm giữa lô đất của cụ Nghị Biên và

của bác sĩ Nguyễn Sỹ Dinh. Từ quốc lộ đi sâu vào khoảng nửa cây số thì giáp ranh với giòng suối Đa Mê, nơi Nhất Linh bắt đầu cho xây móng dựng một căn nhà gỗ tranh đầu tiên của đời mình. Đó là căn nhà do chính ông tự tay vẽ họa đồ, xây cất bằng toàn vật liệu nhẹ, một kiểu nhà trông thoáng khoát, đơn giản và rẻ tiền, đúng tiêu chuẩn kiểu nhà của Hội Ánh Sáng mà chính Nhất Linh đã từng tích cực cổ xúy để xây dựng cho đồng bào ông vào năm 1937, tính đến nay đúng 20 năm về trước.

Trong thời gian xây nhà, Nhất Linh ở luôn dưới Fim-nôm trong một căn nhà gỗ sơ sài trên lô đất của cụ Nghị Biên. Chúng tôi thì vẫn sống ở Đà lạt, chỉ thỉnh thoảng dịp cuối tuần mới đón chuyến xe đò xuống đó thăm ông, Nhất Linh lúc này sống như trong thời trung cổ, đoạn tuyệt hẳn với đời sống văn minh, ông nói không đoạn tuyệt cũng chẳng được vì ở đây thiếu tất cả điện nước và các tiện nghi tối thiểu, cách tốt nhất là phải thích nghi với đời sống mới. Da ông rạm nắng trông ông càng phong sương hơn, ông mặc bộ đồ rừng bốn túi, đi ủng cao, hút thuốc lào, suốt ngày đôn đốc đám thợ khai quang rừng để làm một con lộ nhỏ đi từ quốc lộ vào đến suối Đa Mê. Ông nói với chúng tôi là bây giờ ông không cần đến cả đồng hồ để xem giờ giấc nữa vì ông đã tìm ra được một cách riêng để biết được đại khái thời gian trong ngày. Trong lúc chúng tôi ngồi ăn trong rừng, Nhất Linh nghếch tai nghe ngóng một tiếng chim lạ kêu rồi nói: "Thế mà đã bốn giờ trưa rồi!" Chúng tôi so với đồng hồ thì thấy ông chỉ đoán sai có nửa tiếng. Sai sích nửa giờ là đủ chính xác rồi vì ở đây ông không cần chính xác hơn. Ông giải thích là từ ngày sống ở đây cứ mỗi sáng thức dậy cho đến lúc chiều tối là ông đều lắng nghe và quan sát tất cả các tiếng chim kêu vượn hú trong rừng rồi ghi vào một cuốn sổ tay. Sau một tuần lễ ông khám phá ra là mỗi một tiếng kêu của muông thú đều ứng với một thời gian nhất định trong ngày, thế là ông đã tìm ra một loại đồng hồ riêng cho chính mình ông mà không tốn kém gì cả.

Trước đây trong những giờ rảnh rỗi cha tôi thường dạy tôi thổi hắc tiêu và lúc này tôi cũng đã chơi được kha khá. Trong số các bản nhạc Việt thịnh hành hồi đó, Nhất Linh thích nhất là thổi bản *Hẹn một ngày về* của giáo sư *Lê Hữu Mục*. Một buổi sáng cuối tuần trong lúc tôi thổi hắc tiêu bản nhạc này thì có một người khác ghé Đà lạt muốn đến gặp cha tôi, nhưng lúc đó cha tôi lại ở dưới Fim-nôm. Ông khách có vẻ ngạc nhiên thích thú nghe tôi thổi bản nhạc; sau này tôi mới biết ông chính là Lê Hữu Mục, muốn gặp cha tôi để phỏng vấn và viết một cuốn sách *Thân Thế và Sự Nghiệp Nhất Linh*. Ông Mục và tôi đáp xe xuống Fim-nôm và khi chúng tôi đến trại lan thì cha tôi đang nằm trên võng bên bờ suối Đa Mê say sưa viết lại toàn bộ cuốn trường thiên tiểu thuyết Xóm Cầu Mới.

Thời gian này cha tôi bắt đầu viết lại và viết rất hăng say. Ông sai tôi ra tiệm trên Đà lạt đóng mấy cuốn sách bìa dầy bên trong toàn là

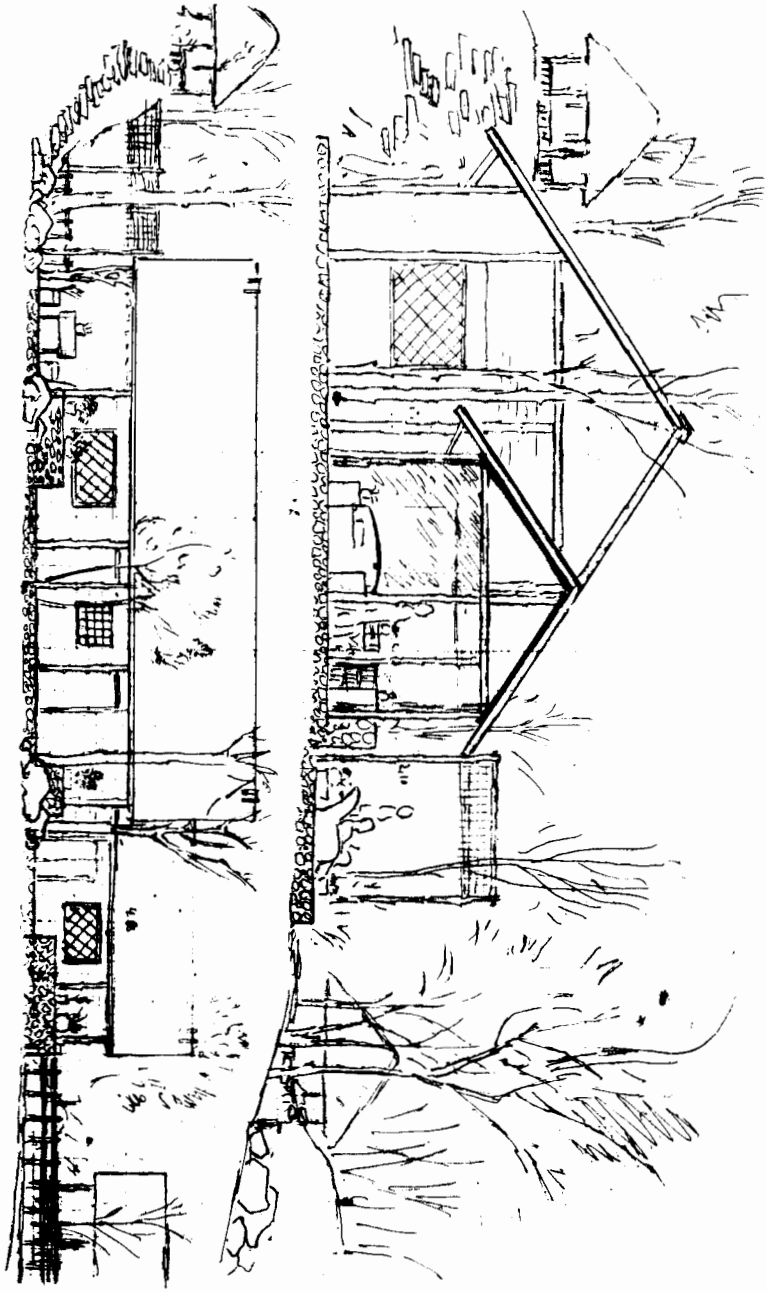

Mẫu ngôi nhà Nhất Linh tự vẽ, ngôi nhà mà đến cuối đời, ông vẫn chưa có được.

giấy trắng không kẽ hàng. Mỗi lần ghé Fim-nôm thăm ông, tôi thấy những trang giấy trắng đã chứa đầy những giòng chữ nhỏ li ti, viết bằng cây bút parker 51; những giòng chữ bị dập xóa, viết chồng lên nhau chằng chịt như cuốn hút trong giòng tư tưởng dồn dập. Để theo kịp được những cảm xúc, hình ảnh, ý nghĩ xô dạt trong đầu, tay ông phải viết nhanh lắm; do đấy mà chữ viết cứ nhỏ dần đi như chân kiến. Đi xa hơn nữa, để cho viết được nhanh hơn hoặc để khỏi phải bận tâm đến cái mà ông cho là không cần thiết, ông đã bỏ hết những quy luật văn phạm, chính tả thông thường. Công việc sửa lỗi chính tả nhỏ nhặt đó thường là công việc của người khác khi bản thảo được đánh máy trước khi in thành sách.

Nhưng rồi một biến cố xảy đến khiến bộ trường thiên *Xóm Cầu Mới* trở thành dang dở. Cuối năm 1957, căn nhà bên giòng Đa Mê của cha tôi còn đang được xây cất nửa chừng. Một đêm kia trời mưa giông bão lớn, sáng ra căn nhà bỗng nhiên bị sụp đổ tan hoang chỉ còn trơ lại nền móng. Nhất Linh buồn rầu đứng nhìn cái nền nhà trơ trọi, hẳn là ông nghĩ đến căn nhà trong mộng của mình, căn nhà mà ông đã nâng niu đặt tên *Thanh Ngọc Đình* để thưởng cho một loài hoa tiên cách nhất đối với ông, mới một sáng một chiều, đã tan hoang như mây khói. Ông nói với chúng tôi giấc mộng con của ông đã không thành, ông không nghĩ đến việc xây cất lại vì cho sự sụp đổ này như một điềm lạ.

Thế rồi ông quyết định giã từ tất cả. Đà Lạt, Fim-nôm, giòng suối Đa Mê và cả trăm giỏ lan mà ông đã chăm sóc từ hai năm nay, để về ở luôn Sàigòn, chấm dứt cái thời kỳ mà ông Lê Hữu Mục đã viết trong đoạn kết cuốn sách của ông là *"một Nhất Linh nằm trùm chăn ở trên Đà Lạt"*. Đối với tôi, thật bụng tôi chỉ mong ông được nằm trùm chăn lâu hơn vì đây chính là thời gian hạnh phúc nhất trong cuộc đời ông mà tôi được biết. Nhất Linh *"xuống núi"* lăn vào cuộc đời làm báo, tham gia đảo chính, thất bại, đi trốn, bị đưa ra tòa, đưa đến cái tự vẫn của ông mấy năm sau, mở đầu một thời kỳ cuối cùng của đời ông với nhiều não nề, nhiều chán chường hơn.

Như đoạn văn kết trong cuốn truyện Đôi Bạn của ông, hai câu thơ sau đây của Nhất Linh, đâu đó, vẫn còn vẳng về Đà Lạt như *"một nỗi nhớ xa xôi đương mờ dần"*:

"Người đi lâu chửa thấy về
"Nhớ người lòng suối Đa Mê gợn buồn".

Nguyễn Tường Thiết

Tacoma, tháng 6/85

Võ Phiến

Nhất Linh siêu hình

Trước 1945 Tố Hữu chưa xuất hiện trên văn đàn. Những người khác, những người về sau ngã theo cọng sản và bây giờ đang hiển hách chia sẻ cái vinh quang của "chiến thắng mùa xuân 75", trong số những người ấy hầu như trước 1945 chẳng có ai quan tâm tới chính trị: Xuân Diệu, Chế Lan Viên, Huy Cận, Nguyễn Tuân, Lưu Trọng Lư, Tố Hữu, Nam Cao, Nguyên Hồng, Nguyễn Văn Bổng v.v... Nhất Linh thì khác. Ngay ở những tác phẩm đầu nhân vật của ông đã đi làm chính trị: Chồng của *Người quay tơ* bỏ vợ yêu ra đi và chết vì việc nước. Rồi nhân vật nổi tiếng nhất của Nhất Linh là Dũng cũng bỏ cảnh giàu sang, bỏ người yêu ra đi. Và trong *Đôi bạn*, còn có Thái, có Trúc, có Tạo v.v... đều bỏ nhà ra đi cả. Rồi sau đó, họ kéo luôn cả Nhất Linh cùng đi theo.

Dũng là một hình ảnh rất đẹp, đẹp thành thơ trong một tác phẩm của Thế Lữ. Nhất Linh ra đi và ông cũng tạo nên một hình ảnh rất đẹp: Trong một thiên hồi ký viết sau khi Nhất Linh qua đời, Thế Uyên nói đến cái giai đoạn ông bác đi làm cách mạng bên Tàu, lúc ẩn lúc hiện, lâu lâu bất thần ghé về trong bộ đồ lạ mắt, trông người phong sương oai dũng. Người cháu trai cũng như mọi thân thuộc bằng hữu chắc hẳn vừa xúc động vừa thán phục, hãnh diện.

Rồi sau này, sau hiệp định Genève, Nhất Linh về nước, thôi việc chính trị, thì các nhân vật tiểu thuyết của ông vẫn tiếp tục ra đi. Như Ngọc, như Thanh, như chị Nam, như Tứ, như Nghệ, như Tường v.v... trong *Giòng sông Thanh Thủy*.

Những nhân vật ấy họ đều đi làm việc nước, nhưng xét ra họ đi vì những lý do khác nhau. Ông Tú trong *Người quay tơ* thì ra đi chính vì lý tưởng cứu nước, trường hợp ấy giản dị. Các người chồng của cô Thoa, cô Trinh, cô Thuận, cô Dung trong *Hai buổi chiều vàng* có thể cũng vậy. Nhưng ngoài ra có những trường hợp khác hẳn. Về các nhân vật của *Giòng sông Thanh Thủy* chẳng hạn, Nhất Linh có tiết lộ động cơ riêng tư của một số người (hình như ông vừa kể vừa tủm tỉm

cười?): Ngọc châu-chấu thì bỏ làng bỏ chị sang Tàu làm cách mạng là vì mối tình đối với cô bé Thúy; cô Thanh bỏ nước ra đi là vì bị chồng phản bội rồi tình nhân cũng phản bội luôn; chị Nam y tá theo cách mạng vì lấy chồng Tàu, chồng chết, bơ vơ trên đất khách; anh Tứ cận thị đi làm chính trị là để trả thù những anh chị bên nhà vợ dám khinh khi mình v.v...

Thử soát lại ta thấy những nhân vật trên đây có một điểm giống nhau: họ đều là những đảng viên hạng thấp trong đảng, ít quan trọng, phần lớn họ ít học (trừ Thanh). Còn hạng khác, như Nghệ, như Tường, những người ở địa vị lãnh đạo, có trình độ cao, thì không thấy Nhất Linh thóc mách về vấn đề này. Tại sao vậy? Thật đáng tiếc, là vì những nhân vật sau này gần với tác giả hơn, có thể cho chúng ta hiểu về Nhất Linh hơn.

Riêng đối với Dũng trong *Đoạn tuyệt, Đôi bạn, Thế rồi một buổi chiều*, một nhân vật không thuộc hạng Ngọc-châu-chấu, hạng chị Nam chồng Tàu v.v..., một nhân vật mà Nhất Linh không hề cười cợt khi nói đến, đối với Dũng thì Nhất Linh đã chú trọng phân tích cái tâm sự của chàng kỹ càng. Điều oái oăm là Nhất Linh nói kỹ mà ít người chú ý nghe.

Thế Lữ hô hoán lớn lối mà mơ hồ về một cái "chí bình sinh" : "Đem chí bình sinh giãi nắng mưa".

Ông Nhật Thịnh trong cuốn *Chân dung Nhất Linh* lại cho rằng: "Dũng bỏ Loan ra đi vì chàng không chịu được sự bóc lột người nghèo khổ của cha chàng" (...) "Chàng thương cha, thương Loan, nhưng lẽ phải đã bắt chàng phải rời bỏ tất cả để lao mình chiến đấu" (trang 121).

Như thế thì cái chí bình sinh của Dũng là làm cách mạng, không phải thứ cách mạng giải phóng để giành độc lập cho nước nhà, mà là cách mạng xã hội chủ nghĩa để xóa bỏ bóc lột? Cách mạng là lý tưởng của chàng, là động cơ chính yếu khiến chàng ra đi: có thế chăng?

Tôi e không hẳn vậy. Dũng quả không thích thái độ của cha chàng khi ông lén lút đến với bà bé, khi ông đánh đập người dân, Dũng không thích các ông anh hèn nhát và bao nhiêu bà con ăn bám vào cha chàng v.v...; nhưng Nhất Linh không bảo là Dũng ra đi vì "lẽ phải", (nghĩa là làm cách mạng để lập nên công bằng xã hội?). Sau khi ra đi, Dũng quả đã lao vào chính trị, cách mạng, nhưng Nhất Linh không bảo những hoạt động ấy là động cơ đầu tiên của sự ra đi.

□

Vậy trước hết vì lẽ gì Dũng ra đi? Theo Nhất Linh, chàng ra đi là để thoát ly. Xin nhặt đây đó những câu nói về sự thoát ly trong cuốn *Đôi bạn:*

"Người ta không thể sống mãi một cảnh đời trong khi người ta

chỉ nghĩ đến việc thoát ra khỏi cảnh đời đó" (trang 188); "Chàng muốn được như con bướm thoát khỏi cái kén tối tăm"... (trang 190), "Chàng chỉ biết rằng lúc đó chàng đã có một cái cảm giác rất dễ chịu của một người vừa được thoát thân" (trang 192). "Dũng cau mày lấy ngón tay đập mạnh điếu thuốc lá cho rơi tàn và nói: — Miễn là thoát được" (trang 231) v.v...

Người ta còn có thể gặp những câu đại khái như thế ở dăm ba trang khác.

Thứ đến, Dũng muốn thoát ly cái gì? Thoát ly một xã hội bất công, có người bóc lột người chăng? — Không. Chàng chỉ mong thoát được cuộc sống buồn nản, buồn tới chết! Lại xin nhặt đây đó:

"Thái đối với chàng là một người đã chán nản quá, gần như không thiết gì đến sống (...) Dũng có cảm tưởng rằng Thái đi như là đi thay cho mình, hình như tất cả những nỗi chán chường, đau khổ của một đời mình Thái đã đem theo đi hết" (trang 32), "cuộc sống vô vị và ngày nọ tiếp theo ngày kia giống như những viên đất kia" (trang 48), "Chàng sẽ cưới Loan làm vợ, về ở với Loan bên ấp Quỳnh Nê, rồi suốt đời hai người gần nhau, yêu nhau mãi mãi... Dũng không dám nghĩ quá nữa vì câu hỏi: "Thế rồi sau làm sao? Lại ngày nọ kế tiếp ngày kia... Không chờ đợi" (trang 49).

Sau cùng, tại sao cuộc sống Dũng thấy nó đáng chán? Có phải vì đó là cuộc sống nô lệ ở một nước mất độc lập chăng? Có phải vì là cuộc sống bất công dưới chế độ phong kiến, tư bản chăng? — Không. Cuộc sống buồn nản vì nó là cuộc sống, thế thôi. Nhất Linh nói rất nhiều về vấn đề này, và chính về vấn đề này ông có nhiều đoạn hay nhất:

"Sống mà nghĩ đến mình sống thì bao giờ cũng buồn" (trang 71). "Dũng châm một điếu thuốc lá hút rồi đưa mắt ngắm nghía đám người nhà quê thảm đạm, quần áo xơ xác trước gió, đương đứng đợi bên bờ sông. Họ đứng yên, không nói, vẻ mặt bình tĩnh, không nghĩ ngợi gì; chuyến đò mà họ đợi sang. Dũng thấy là hình ảnh của cả cuộc đời; họ sinh ra, sống thản nhiên ít lâu, không hiểu vì cớ gì rồi lại khuất đi như những người bộ hành, một buổi chiều đông, qua bến đò, in bóng trong chốc lát trên dòng nước trắng của cuộc đời chảy mãi không ngừng" (trang 70, 71). "Anh Thái đi như vậy để làm gì: Chẳng qua không biết làm gì nữa thì liều lĩnh" (trang 31). "Còn bao nhiêu các anh khác cũng bó buộc như Thái, cũng phất phơ vô định như Thái..." (trang 78) v.v... Vì cuộc sống suy cho cùng chẳng có ý nghĩa mục đích gì, con người sinh ra ở đời chẳng biết vì cái cứu cánh tối hậu nào, cho nên ta không biết làm gì, sống đều đều ngày nọ tiếp ngày kia thì nãn không chịu được, muốn thoát ly, mà có thoát ly khỏi cảnh sống đều đặn trong gia đình thì rồi cũng vẫn không tìm ra lối thoát thực sự, cũng vẫn cứ buồn nản "... mà thoát ly rồi, cái đời tương lai của chàng sẽ đại khái như đời của Thái và Tạo, hai cảnh đời mà trước kia mới nghĩ đến chàng đã thấy buồn nản vô cùng" (trang 158).

Như vậy nhân vật Dũng ra đi không phải vì chủ đích đeo đuổi một sự nghiệp gì, vì muốn làm cái gì, mà chàng ra đi vì muốn thoát khỏi cảnh sống hiện tại, muốn thoát khỏi một sự bế tắc. Chàng ra đi không phải vì lý do chính trị, mà là vì những băn khoăn triết lý, siêu hình.

Chuyện chính trị, những bất bình về chính trị thì chẳng có gì là khó hiểu, có thể mang ra nói bô bô cho người khác nghe, kể cả những người ít học, vì thế mới có tuyên truyền chính trị cho quần chúng. Các băn khoăn dày vò triết lý rắc rối hơn, cho nên Dũng buồn phiền vì chẳng ai hiểu mình, mà cũng không thể giãi bày với ai, kể cả đối với người tin yêu, như Loan. Có lần chàng bảo Loan "Cô chẳng thể hiểu được" (trang 111). Nếu là chuyện khổ vì bất công xã hội thì kẻ nghèo phải khổ hơn người giàu. Đàng này trước cảnh bến đò Gió, Dũng thấy buồn vì "như thấy rõ hình ảnh cuộc đời" thì những người nhà quê nghèo rách lại có "vẻ mặt bình tĩnh, không nghĩ ngợi gì", họ sống "thản nhiên". Dũng như có ý thèm muốn thái độ của họ.

Dũng bơ vơ giữa gia đình, bên cạnh một cô gái ngoan và những người nhà quê đơn giản, nhưng trong số các nhân vật tiểu thuyết của Nhất Linh thì chàng không bơ vơ, không phải là trường hợp độc nhất. Dũng có nhiều tri kỷ, nhiều kẻ hiểu chàng.

Anh chàng Phạm Đài trong truyện "Làm gì mà băn khoăn thế?" ở *Người quay tơ* càng bị dày vò đau khổ hơn: "cái băn khoăn vô cớ vô hình như nhấm gan đục óc, muốn giũ đi mà không tài nào được"... "ăn cơm cũng không thấy ngon, động làm cái gì thời khó chịu, mà cứ ngồi yên không làm gì thời khó chịu hơn" (trang 50, 51). Rồi cái anh Trần Lưu trong truyện "Giấc mộng Tử lâm" cũng lại có một vẻ gàn gàn kỳ cục vì mải miết đi tìm ý nghĩa của cuộc đời.

Vậy ngay từ những tác phẩm đầu tiên Nhất Linh đã cho thấy ông bị những thắc mắc siêu hình ám ảnh. Có lẽ vì quá chú ý đến các luận đề xã hội gây sôi nổi trong tiểu thuyết của ông, đến các hoạt động xã hội và chính trị trong đời ông, mà người ta ít chú ý đến khía cạnh triết lý của ông chăng?

Kể ra Nhất Linh không có thái độ nào khác thường. Những thắc mắc của ông từng ám ảnh cả một thế hệ thi ca tiền chiến như Hoài Thanh trình bày trong *Thi nhân Việt Nam* đã làm cho người kỹ nữ của Xuân Diệu cảm thấy bơ vơ tưởng như "giá băng tràn mọi nẻo", đã thổi cái buồn hiu hắt mênh mông vào toàn bộ thơ Huy Cận v.v...

Tuy nhiên ngay thời ấy thái độ triết lý ấy ít thấy phản ánh vào tiểu thuyết, có chăng hình như chỉ ở hai anh em ông Nhất Linh: ở ông và ở Hoàng Đạo. Thật vậy, Duy trong *Con đường sáng* của Hoàng Đạo cũng có một thời kỳ hoang mang, nhân một hôm nhìn ngắm giàn đậu nảy ra những suy tưởng về cuộc sống rồi đi đến quyết định về con đường mình đi.

□

Điều đáng để ý là những băn khoăn triết lý của Nhất Linh đột nhiên chấm dứt vào lúc ông xuất ngoại làm chính trị. Từ khi ở Tàu về, trong các bài báo, các tác phẩm viết ở miền Nam sau 1955 không hề thấy bóng dáng các băn khoăn kia nữa. Đến một tuổi nào đó, như thể là ông tự dưng tìm được sự bình ổn trong tâm hồn.

Nhưng có phải chính vì thế mà Nhất Linh bỗng xa cách thế hệ thanh niên hậu chiến ở miền Nam? Thời kỳ sau 1955 ở miền Nam tư tưởng Sartre bắt đầu quấy động giới trẻ. Các sáo ngữ, các danh từ thời thượng nhan nhản trên sách báo lúc bấy giờ là: buồn nôn, phi lý, dằn vặt, suy tư, khắc khoải, băn khoăn, hiện hữu v.v.. Trong một thời như thế sự thanh thản tâm hồn của ông thành ra xa lạ. □

Võ Phiến

(Trích Hai Mươi Năm Văn Học Miền Nam 1954-1975)

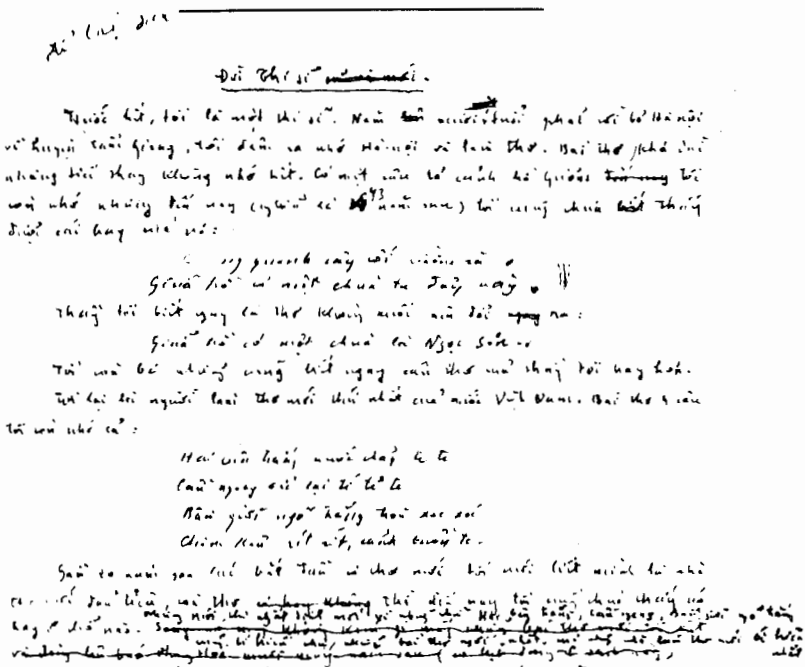

Bản thảo Đời Thi sĩ.

Hoàng Xuân Sơn

Đỏi mấy thuở yên vui ?

Mặt trời nở trên cây
sao đêm hoài tuyệt vọng ?
tôi đứng giữa chân ngày
tóc thưa dần cõi mộng.

Em lạc mất vì sao
trong kỹ hà tinh tú
tôi chống mỏi đường sào
trên lối về ẩn dụ.

Một con thuyền ra khơi
cũng trôi đi bào ảnh
thì dáng nguyệt bên trời
soi chi lòng khổ hạnh.

Tâm bút ở đầu môi
vẽ một vòng sơ tán
em gõ cửa xuân thì
tuyết băng dài vô hạn.

Mai hoa tàn nụ biếc
rừng quá tuổi nghinh phong
Sâm Thương còn chuyển dịch
mưa nắng vẫn chung lòng ?

Phương xưa mù mịt sóng
cố lý bệnh thiên thời
bước qua cầu tâm động
đời mấy thuở yên vui ?

Hoàng Xuân Sơn

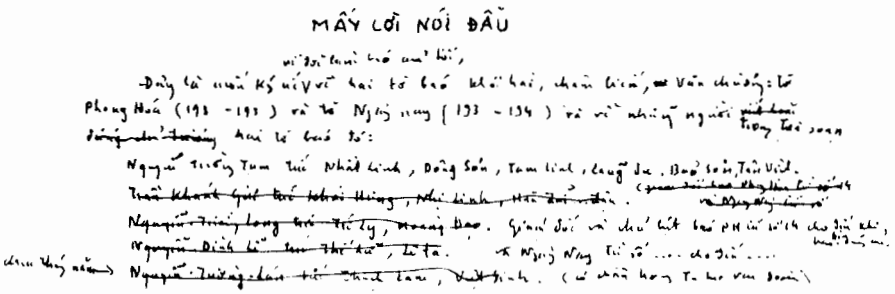

Bản thảo Đời Làm Báo

Tập hồi ký dang dở của Nhất Linh

Đời lãm báo

Mấy lời nói đầu.

Đây là cuốn ký ức về đời làm báo của tôi, về hai tờ báo khôi hài, châm biếm, văn chương, tờ Phong Hóa (193...-193...) và tờ Ngày Nay (193...-194...) và về những người trong tòa soạn hai tờ báo đó.

* Nguyễn Tường Tam tức Nhất Linh, Đông Sơn, Tam Linh, Lãng Du, Bảo Sơn, Tân Việt. Giám đốc và chủ bút tờ Phong Hóa từ số 14 cho đến khi báo bị đóng cửa, và Ngày Nay từ số ... cho đến... (có chân trong Tự Lực văn đoàn).

* Trần Khánh Giư tức Khái Hưng, Nhị Linh, Hàn đãi đậu, giám đốc báo Ngày Nay từ số 80 (10-10-1937) (có chân trong Tự Lực văn đoàn).

* Nguyễn Tường Long tức Tứ Ly, Hoàng Đạo... chủ bút báo Ngày Nay từ số ... (có chân trong Tự Lực văn đoàn).

* Nguyễn Đình Lễ tức Thế Lữ, Lê Ta (có chân trong Tự Lực văn đoàn).

* Nguyễn Tường Lân tức Thạch Lam, Việt Linh, chủ bút báo Ngày Nay từ số 99 (27-2-38) (có chân trong TLVĐ).

* Hồ Trọng Hiếu tức Tú Mỡ (có chân trong TLVĐ).

* Nguyễn Tường Cẩm, giám đốc tờ Ngày Nay từ số 1 đến số...

* Nguyễn Tường Bách, giám đốc tờ Ngày Nay trong khi Khái Hưng, Hoàng Đạo ở trại giam và Nhất Linh ở hải ngoại từ số ... (trong số 8 người này có hai người đã qua đời và năm người biệt tăm tích, vậy còn lại một mình Nhất Linh).

Tuy là cuốn sách về báo và người viết báo, nhưng những người viết báo đó lại là những người viết văn (tiểu thuyết, thơ...) nên trong cuốn ký ức này không thể không nói đến phần viết văn của những người viết báo.

Tác giả

Dưới đây kê tên những người không ở trong tòa soạn nhưng

thường có bài đăng ở hai tờ báo:

— Lê Thạch Kỳ tức Chàng thứ 13 (viết bài khôi hài về khoa học).
— Đỗ Đức Thu (tiểu thuyết).
— Xuân Diệu, có chân trong TLVĐ (thơ mới).
— Huy cận (thơ mới).
— Trọng Lang (phóng sự)
— Bùi Hiển (truyện ngắn)
— Tô Hoài (truyện ngắn)
— Đinh Hùng (tranh khôi hài)
— Nguyễn Công Hoan (truyện ngắn)
— Vi Huyền Đắc (kịch)
— Phạm Thị Cả Mốc (tên thật là Phạm Cao Củng) thơ khôi hài.
— Mụ béo Sàigòn (tên thật: không có) thơ khôi hài.
— Bút Sơn ở Sàigòn (người đã đẻ ra xã xệ) (tên thật chưa biết. Xin ông Bút Sơn (nếu còn sống) và các bạn ông cho biết tên thật).
— Nguyễn Khắc Hiếu (dịch Đường thi).
— Nhất Sách (?) (tranh khôi hài).

Các họa sĩ đã từng vẽ giúp:

— Nguyễn Gia Trí
— Tô Ngọc Vân
— Trần Vinh Lộc
— Nguyễn Cát Tường
— Trần Văn Cẩn
— Lưu Văn Sìn (?).

*
* *

Đây là bảng kê những người và báo đã được Phong Hóa, Ngày Nay nói tới (hoặc khen hoặc chê, nhưng chê nhiều hơn khen). (1)

---

(1) Bản thảo chỉ viết tới đây là dứt.

Hồi ký của Nhất Linh.

Đời thi sĩ *

Trước hết, tôi là một thi sĩ. Năm mười tuổi phải rời bỏ Hà Nội về huyện Cẩm Giàng, tôi đâm ra nhớ Hà Nội và làm thơ. Bài thơ khá dài, nhưng tiếc thay không nhớ hết. Có một câu tả cảnh hồ Gươm tôi còn nhớ nhưng đến nay (nghĩa là 43 năm sau) tôi cũng chưa thấy được cái hay của nó:

Chung quanh cây cối rườm rà
Giữa hồ có một chùa ta đây này.

Thầy tôi biết ngay là thơ không xuôi nên đổi ra:

Giữa hồ có một chùa là Ngọc Sơn.

Tôi còn bé nhưng cũng biết ngay câu thơ của thầy tôi hay hơn. Tôi lại là người làm thơ mới thứ nhất của nước Việt Nam. Bài thơ bốn câu tôi còn nhớ cả:

Hai bên trắng nước chảy te te
Cầu ngang bắc lại tí tẻ te
Bầu giời ngõ trắng tròn xoe xoe
Chim kêu rỉu rít, cảnh buồn te.

Gần hai mươi năm sau lúc bắt đầu có thơ mới tôi mới biết mình là nhà thơ mới đầu tiên, còn thơ thì đến nay tôi cũng chưa thấy nó hay ở chỗ nào. Nhưng mới thì nhất định mới vì những chữ *hai bên trắng, cầu ngang, bầu giời ngõ trắng* cũng bí hiểm như những bài thơ mới nhất của những nhà làm thơ mới bí hiểm nhất.

Được cái viết thơ mới, thầy tôi chịu không biết chữa thế nào. Thầy tôi chỉ lắc đầu thở dài, cho tôi là một thằng bé lẩn thẩn. Rất tiếc là năm tôi 13 tuổi thì thầy tôi mất và vì thế không được cái vui thấy con mình bốn năm sau có hai bài thơ đăng ở Trung Bắc Tân Văn. Thơ ấy vịnh cảnh đi thuyền chơi trăng trên Hồ Tây. Tôi còn nhớ hai câu:

Con thuyền đè sóng tênh tênh vượt.
Chiếc bóng sau người lướt thướt theo!

Thầy tôi vốn hay làm thơ và thích thơ đúng niêm luật (1), chắc phải cho hai câu trên này là đúng niêm luật và đối chọi chua chát. Hai bài

thơ của tôi cũng không hơn không kém gì mấy nghìn bài thơ đăng báo Trung Bắc Tân Văn hồi đó (1922), nhưng riêng đối với tôi thật là một kỷ niệm êm đẹp: tên tôi và văn tôi lần đầu tiên được nêu lên báo.

Trong báo Phong Hóa lúc bắt đầu cổ động cho thơ mới tôi cũng có viết ít bài nhưng đến khi có thơ Thế Lữ, Xuân Diệu, Huy Cận ra đời thì tôi tự thấy mình là người thừa trong làng thơ.

Bài thơ cuối cùng của tôi trong đời làm báo là bài *Dân Quê*. Bài ấy đã làm cho báo Phong Hóa (đăng bài thơ ấy) suýt bị đóng cửa, tôi bị mời ra ty kiểm duyệt và báo bán tăng thêm được hai nghìn số.

Từ đấy tôi không làm thơ nữa.

Mười năm sau (1945) ở hải ngoại về Hà Giang, tôi lại làm thơ nhưng làm thơ... chính trị. Hồi ấy Hà Giang bị Việt Minh bao vây phải mở chợ phiên lấy tiền giúp quân đội. Nhà thi sĩ mặc binh phục, đi giầy cao ống cầm kéo cắt giây chăng cửa trong khi một tràng súng liên thanh nổ vang cả tỉnh lỵ Hà Giang và mấy cô thiếu nữ dâng hoa. Nhà thi sĩ thì thích hoa, nhưng sợ tiếng súng. Nhà chiến sĩ thì thích súng và sợ hoa. Người tôi lúc đó vừa thích vừa sợ lại vừa sợ vừa thích thật là phân vân khó tả. Nhưng biết làm thơ cũng là một cái lợi. Chợ phiên có bán một bức tranh vẽ bó hoa và người mua tranh cứ nhất định đòi phải có bài thơ vịnh của nhà thi sĩ chiến sĩ thì họ mới trả 2.000 đồng (gần hai vạn bạc bây giờ). Thế là tôi lại phải làm thơ. Thơ rằng:

Trăm đóa hoa tươi hợp sắc mầu.
Muôn nghìn người Việt dạ như nhau
Bó hoa biểu hiện tình đoàn kết
Của khắp nhân dân vạn kiếp sau.

Nhà thi sĩ mơ mộng hão huyền: muôn nghìn người Việt dạ như nhau và đoàn kết! Trước sự thực, nhà thi sĩ thở dài.

Bài thơ tuy mơ mộng nhưng thực là "hàng hàng châu ngọc" vì mỗi chữ đã bán được bảy trăm đồng bây giờ. Chưa bao giờ tiền nhuận bút của tôi lại nhiều như vậy, nhưng than ôi, tiền lại không vào túi mình.

Đến lúc tôi làm bộ trưởng ngoại giao trong chính phủ liên hiệp và trưởng phái đoàn phái bộ ở Đà Lạt để đàm phán với Pháp thì tôi lại có dịp làm thơ... khôi hài, và làm cả thơ Tây.

Những thơ ấy tôi cùng làm với ông bạn quen đã lâu, rất vui tính, ông Nguyễn Duy Thanh lúc đó là cố vấn chuyên môn của phái đoàn. Đoàn trưởng phái bộ Pháp là ông Max André (Mạc Ăng Đê). Sau gần một tháng hai bên thăm dò ý kiến nhau đủ thứ, thì ông Max André phải về Pháp. Chúng tôi (ông Thanh và tôi chứ không phải cả phái đoàn) họp kín ở trong phòng tôi và hai người cùng nhỏ lụy làm thơ sầu biệt ly:

Ới Mạc quân, hỡi Mạc quân!
Tóc tơ ngắn ngủi có ngắn ấy thôi
Anh đường anh, tôi đường tôi.

Biết bao giờ lại nối lời nước non.

Mấy câu thơ này không hay gì lắm, mà lại phải cái sáo nữa! Quả nhiên tôi và ông Mạc, ông đường ông, tôi đường tôi, không bao giờ gặp nhau cả. Mới gần đây, ông bạn tôi có dịp gặp ông Mạc. Ông có nhắc đến tôi. Xin cảm ơn ông nhưng trời đã định vậy, ông và tôi *không bao giờ lại nối lời nước non nữa.*

Bài thơ ấy chúng tôi có dịch ra tiếng Pháp và thơ dịch hay hơn nguyên văn nhiều:

Oh! Max André! Ah! Max André!
Cheveux noir si court que ça!
Toi, chemin toi, moi, chemin moi,
A quand se relieront les paroles d'Eau et
de Montagne, moi pas connaitre!

Thơ Tây đến thế, thật là tuyệt và thật là cảm động, đọc nghe thật trúc trắc và thật êm ru. Nhất là câu "si court que ça" điệu ngắn củn và bỏ thõng đã tả được ý nghĩa của câu thơ như cái tàu đương chạy mau thả hơi hãm phanh gấp. Thanh âm *"que ça"* tả thật đúng tiếng hơi phì hãm phanh. Câu sau cùng kéo dài lòng lòng (trái hẳn với câu thứ hai ngắn củn) cốt để tả rõ thời gian dài vô hạn cho đến lúc hai bên lại nối lời nước non. Trong đời thi sĩ của tôi có mấy câu thơ tây trên đây là hay nhất!

Rồi chúng tôi lại làm thơ ta (lục bát lối ca dao) * bằng chữ Tây:

Depuis que je te connaisse
Jusqu'ici c'est presque un mois
A quand on se revoir?
Bien! On se quitte, aur'voir monsieur!
(Đờ puy cờ dơ tơ con nết
Duýt ki si se pét koong moa
A cằng ong xơ rơ voa
Biên! Ông xơ kít, ô voa me sừ.

Trong đời chính trị khô khan của tôi, mấy câu thơ này đã làm tôi trở lại cái đời sống vui vẻ của nhà viết báo khôi hài. Nếu cái cười chữa được bệnh thì trận cười vì mấy câu thơ này đã chữa được cái bệnh nghiêm trang giả vờ của tôi lúc giữ việc ngoại giao.

Khi qua đất Trung Hoa lần thứ hai, ở Nam Kinh tôi lại có làm hai bài thơ "Đốt lò than" và "Vịnh cụ N...". Nay chưa tiện đăng.

Đó là hai bài thơ sau cùng của tôi và cũng là hai bài thơ cuối cùng của tôi, tôi mong thế!

*
* *

Thơ mừng cụ Nguyễn Hải Thần, 70 tuổi, tóc chưa bạc sợi nào, cụ bà mới đẻ con trai.

Thần mộng đêm qua báo một câu
Báo rằng cụ Nguyễn sống còn lâu
Dân đen chưa thoát phường xanh mắt
Trời biếc đâu cho cụ bạc đầu
Càng nỏ, càng dai, càng giúp nước
Để danh, để tiếng, để về sau
*Đưa thơ mừng cụ bẩy mươi tuổi **
*Cụ đọc, cụ cười, cụ vuốt râu **

Nam Kinh tháng chạp năm 1946

Nhóm than đun nước.

Nước lạnh cho nên phải đốt lò
Hai bàn tay trắng những than tro
Chiếc mồi vừa nhóm còn leo lét
Ngọn lửa bùng lên đã sáng lòa
Than cựa thân hồng kêu lách tách
Nước giam ấm chật réo vo vo
Bật vung sức ép phì hơi tỏa
Chắc chẳng bao lâu nước sủi mà!

Nam Kinh 12-1946

---

(1) Trích ra đây bài thơ thầy tôi làm khi rời huyện Chí Linh:

Lên ngựa chia tay luống ngại ngùng
Tình xưa bát ngát với non sông
Ai về nhắn nhủ giang sơn ấy
Sự tới nghìn thu vẫn đỉnh chung.

CHÚ THÍCH CỦA TOÀ SOẠN VHNT.

* *Trong di cảo, Nhất Linh ghi ở góc trên tờ bản thảo là để lại sau*, có lẽ vì ông thấy phần này không thích hợp với tập hồi ký định viết về đời làm báo.

(*) Có lẽ Nhất Linh lầm. Đây là thể thơ Song thất lục bát, chứ không phải *lục bát lối ca dao.*

* *Nhất Linh có chữa hai câu kết thành:*

Nước nhà lắm việc thân già mỏi
Miệng nửa cười vui, nửa ngậm sầu.

Phạm Công Thiện

Ancient devotion (phurva-Yoga)

Triều ngưỡng xa xưa...

1.

Đã đi thì đã đi rồi
Thượng phương trùng điệp thấy gì nữa đâu
Hạ phương ngày tháng bể dâu
Sắt son tình cũ phượng cầu túy hương
Có còn gì nữa mà thương
Buổi trưa nằm ngủ thấy nường năm xưa.

2.

Đã đi rồi đã đi chưa
Thượng phương lụa trắng đong đưa giữa trời
Đã đi mất hẳn đi rồi
Hà phương tịch mịch trùng khơi phong kiều
Chuyển hình trên đỉnh cô liêu
Lửa bay thành ngọn hồng điều mật ngôn
Đại Huyền biến ngưỡng triêu tôn
Tiền thân Tây Tạng nhập hồn chiêm bao
Án nga nga nẵng bạch hào
Một luồng sáng rực chiếu vào trái tim.

3.

Năm nàng thiên nữ tôn nghiêm
Trùng quang ngũ sắc ứng điềm tán không
Án Đa La tịch mịch hồng
Mười phương xuất hiện những đồng sinh thiên

Bát Nhã là gái thiên tiên
Khoan thai cởi áo mây hiền trên cao
Gió lùa thơm tóc tơ đào
Thập bát Không Định tiêu dao tiếng đàn
Trời mưa chim ngủ trên ngàn
Sắt son tình cũ nước tràn sang sông.

4.

Đã đi rồi có đi không
Thượng phương trùng điệp cỏ hồng thúy hương
Đi đâu mà lại lên đường
Hạ phương còn gặp cô nường năm xưa
Đã đi rồi đã đi chưa
Sắt son triều ngưỡng tình xưa hiện về
Phượng cầu ngũ lĩnh sơn khê
Một bông hồng nở bốn bề lặng im
Năm nàng tiên đậu vào tim
Âm nhập dương khởi lim dim xuất thần.

5.

Nhập định Tam Muội Tần Thân
Trở về động cũ như lần gặp xưa
Đã đi rồi đã đi chưa
Đền thiêng triệu ngưỡng người xưa kiếp nào
Tình bay lên nóng trăng sao
Gió lùa thơm tóc cô nào năm xưa
Đã đi rồi đã đi chưa
Thương phương lụa trắng đong đưa giữa trời
Đã đi mất hẳn đi rồi
Hạ phương tịch mịch bỏ đời biệt tăm.

Phạm Công Thiện
Los Angeles, ngày 25-5-1985

Ký trình.

Ngày giờ đã khẩn cấp!

Báo cáo - Cống hiến ý kiến - Yêu cầu.

A/ Việc thống nhất các đảng phái quốc gia.

Khẩu hiệu: Một chủ nghĩa! Một chỉ huy! Và đối ngoại thì muôn mặt.

Nguyên tắc:

a) Chủ nghĩa: Duy Dân chủ nghĩa của P.B.Châu (đổi mới).

b) Một chỉ huy, một tổ chức: Các đảng phái ở trong thống nhất theo một chỉ huy, các đảng phái ở ngoài này đã thống nhất dưới một chỉ huy rồi.

c) Ngoại giao muôn mặt: Tùy sự tiện lợi mà lấy tên riêng. Ở hải ngoại đối với 16 lấy VNQDĐ, đối với 2 lấy tên khác, ở trong nước lấy ĐV đối với dân chúng, đối với 32 lấy tên khác v.v...

d) Một lá cờ.

e) Một đảng ca.

Lời bàn thêm:

a) Một chủ nghĩa: Nội dung chủ nghĩa đại khái đã giống nhau còn tên thì nên lấy tên Duy Dân vì đúng và gọn nhất. Ở ngoài này huấn luyện đoàn thể đã lấy tên Duy Dân. Vậy Sinh hoạt quân bình và dân tộc sống còn của ĐVQDĐ v.v... bắt đầu từ nay đổi ra Duy Dân chủ nghĩa. Vậy: *trong cũng như ngoài lấy Duy Dân chủ nghĩa làm căn bản lý tưởng và thực hành ngay việc nhất nguyên hóa về lý tưởng này - tụi cộng sản muôn mặt nhưng chung quy vẫn là cộng sản, thì chúng mình cũng muôn mặt nhưng chung quy vẫn là tụi Duy Dân.* Ngoài này dựng Duy Dân học xã để nghiên cứu, thảo sách và gửi về. Trong ấy cũng lập Duy Dân học xã lấy cuốn sinh hoạt quân bình và tiếp hợp với anh A (tìm ở 64) lấy tài liệu nghiên cứu cho rộng rãi đầy đủ hơn (B và C và D cùng thương thảo ngay đi.

b) Một chỉ huy: Ở ngoài này đã có cơ cấu chỉ huy thống nhất rồi

(xem biên bản của HNCHB). Ở trong ấy nếu đã lập rồi thì xin cống hiến ý kiến này: đừng lập một ủy ban liên hiệp mà tổ chức v. n riêng. *Cần phải có một cơ cấu chỉ huy toàn thể tổ chức quy vào một*, theo đúng cái nguyên tắc một chủ nghĩa, một chỉ huy, tổ chức (còn như việc đặt trung ương ở ngoài hay ở trong, thì tùy ý bên trong quyết định).

c) Muôn mặt: Hai cái nguyên tắc trên kia đã theo đúng thì chính sách muôn mặt có thể đưa mà không sợ sự phân chia, tị nạnh. Chính sách muôn mặt có nhiều lợi:; không sợ tan cả đoàn thể khi thất bại, không sợ mất hết tín nhiệm như là nếu chỉ có một tên, sự vận dụng về ngoại giao được mềm mại, uyển chuyển, không sợ phạm đến lòng tự ái rất thông thường của đảng viên lúc nào cũng có cảm tình với tên đảng cũ.

d) Cờ: Tùy trong định liệu. Lá cờ do anh E vẽ rất hợp vì đẹp, khỏe, hùng và ý nghĩa đúng với Duy Dân: duy trì một khối sâu cho chắc (màu đen) phấn đấu bằng máu (màu đỏ) để bước lên con đường sáng (màu trắng).

e) Đảng ca: Tùy ở trong định. Đề nghị bài Hồn Nước của F. Chỉ lấy ra một nửa thôi (hỏi H). Lời và bản âm nhạc gửi ra.

B/ Đối ngoại.

Xin xem tờ biên bản và người về sẽ báo cáo đầy đủ thêm: Yêu cầu để đối phó với ngoại giao.

a) 27: Mật mã.

b) 54.

c) 6 và 32: Cho biết người mình đem 27 và giấy của I của K đã về tới chưa. Những người chính là L, M, N, O, P (hỏi H thì biết họ).

C/ Đối nội.

Báo cáo, xem biên bản. Ở trong đối với CS cũng nên một thái độ như ngoài này. Đối với các đảng bạn thì theo như mục A.

D/ Tổ chức.

Báo cáo xem biên bản.

a) Ở trong lập ngay trung ương chấp hành ủy viên hội.

b) Các tỉnh đảng bộ cho thành lập ngay không nên e dè vì sợ tiết lộ.

c) Chú trọng đặc biệt về việc lập khu đảng bộ ở biên giới, lập các giao thông trạm: *Phải liên lạc được với ngoài và liên lạc cho đều.* Đây gửi về mật mã viết thư. Định ám hiệu để nhận nhau.

d) Chú trọng về việc khuếch trương tổ chức các nhân sĩ tại dã (những người có thế lực ở nhà quê) để thực hiện việc nông dân cách mệnh (nắm được nông dân là nắm được thắng lợi), một mặt tổ chức một đội *cách mệnh nhà nghề* chọn trong bọn trí thức thất nghiệp, chưa vợ con, bọn này không trực tiếp với dân quê vì sợ bại lộ, chỉ trực tiếp với các nhân sĩ tại dã, huấn luyện tổ chức họ cho cứng, bày kế hoạch, cung cấp tài liệu cho họ v.v... rồi để họ trực tiếp với dân quê.

Như thế nắm một người được trăm người mà khó bại lộ.

d) Thực hành việc lập đội chiến đấu tuyên truyền (theo như tờ báo cáo do 4 đưa về).

e) Đặc Biệt: Việc đưa một số người ra:

— 10 người sung vào ban chấp hành bộ ở hải ngoại để tăng cường hải ngoại bộ, đủ nhân tài đối phó với ngoại giao (cả 16 lẫn 2), với việc tuyên truyền quốc tế và với cuộc nhập Việt đã khẩn cấp gần tới. Tư cách người đó: phải trí thức cao, có nhận thức về chính trị, có đủ tư cách để sung vào cơ cấu chỉ huy của đảng ở hải ngoại. Viết văn Pháp giỏi, một hai người viết và nói giỏi tiếng Anh, nếu lại kèm thêm nghề như về thuốc, về vẽ, về kiến trúc thì hay lắm vì giúp thêm được về kinh tế. Bên này mở clinique có thể đủ tiền hoạt động. Người đó trong ấy chọn. ngoài này đề nghị: Q, R, S, T... Những người có nghề cần đem khí cụ ra: thuốc vẽ, thuốc chữa bệnh...

— Một người ra ở bí mật, xem xét tình hình ngoài này rồi về báo cáo.

— Đặc biệt: Tìm hết cách đưa U ra, để giúp về doanh nghiệp. Một mình U ra được có thể đủ tiền hoạt động ở ngoài này: hoặc làm rượu mùi, xà phòng, nước hoa, thuốc đánh răng, kem mặt, son môi v.v... Một thứ thành công cũng đủ kiếm ba, bốn trăm vạn một tháng. Đem các produits chimiques cần ra, các essences aromatiques.. Chỗ này phải nhờ B hết sức dẫn dụ U - Những người ra phải đem theo một tờ tuyên ngôn, có đóng dấu (và đem cả dấu ra để dùng lúc cần) một bản tuyên ngôn bằng chữ Pháp, tốt hơn là chữ Anh, một bản quốc ngữ. Đem ra ít quà, như lá cờ thêu, thuốc quinine... để tặng yếu nhân.

E/ Huấn luyện: Nhất nguyên hoá chủ nghĩa. Một tên Duy Dân. Lập Duy lý luận. Khuyến khích đảng viên học tiếng Anh để đủ người đối phó sau này.

F/ Tuyên truyền: Gửi ra các tài liệu về việc tuyên truyền quốc tế: các sách nghiên cứu về Đông Dương, các thống kê về kinh tế, địa dư, lịch sử, lịch sử cách mệnh: các nhân vật (có kèm ảnh). Thật nhiều các ảnh về Việt Nam: phong cảnh, nhân vật v.v... ảnh in đen để ngoài này làm clichés đăng báo.

G/ Kinh tế: Nguyên tắc: *phải tự mình có kinh tế mới có thể làm cách mệnh.* Nhờ vào người, mất cả chủ quyền. Nguồn gốc:

— Ở trong đưa ra *mười vạn bạc* ra ngoài làm nền tảng. Bá chủ được mấy nghìn người ở ngoài này, thế tăng rất mạnh. Bận sinh nhai nhiều người không hoạt động được. Thiếu tiền đành bỏ nhiều người trong tay chỉ huy của Tàu.

— *U ra được rất mạnh.*

— *Mở clinique hay triển lãm.*

— *Tổ chức kinh tế* ở trong nước không dính dáng gì đến đảng, *mở hiệu công khai ở Hà Giang, Lao Kay rồi vận hàng hóa (không kênh c ng).* Ở trong bán lấy lời, ngoài này có hàng sang là cũng có lời.

Tốt hết cao su sống. Thứ đến: *produits chimiques, essences chế rượu, chế nước hoa, thuốc tây, hạt tiêu v.v...* (gương Đồng Minh Hội). Còn đối với Y thì mình có đất cũng miễn có thì thôi. Nhất định *không mong ở Tàu, đủ vẫn hơn, nhờ ở thôi. Mình có tiền là có giá trị trên ngoại giao.*

G/ Yêu cầu thêm:

— Cho biết tình hình ở trong, lực lượng (đủ chi tiết).

— Chương trình 3 hay 6 tháng ở trong.

— Tình báo về...

— Tình báo về các đảng phái lịch sử, người phụ trách v.v...

Mau lên mới kịp đối phó !

Hải ngoại chấp hành bộ.

Nguyễn Tường Tam, Nghiêm Kế Tổ,
Vũ Hồng Khanh, Lý Đông A
(và một nhân vật nữa) cùng ký tên tắt.

Bản thảo Kỷ trình chính trị.

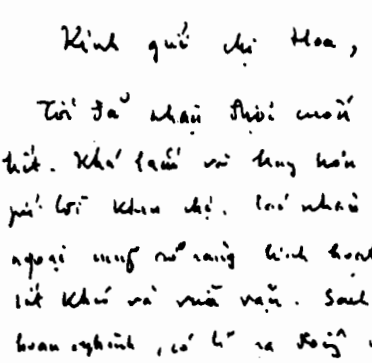

Lá thư Nhất Linh gửi cho Linh Bảo.

Thư Nhất Linh gửi Linh Bảo

Sàigòn, ngày 29 tháng 5 năm 1953

Kính gửi chị Hoa,

Tôi đã nhận được cuốn *Gió Bấc* (1) và đã đọc hết. Khá lắm và hay hơn lần viết đầu. Xin gửi lời khen chị. Các nhân vật quốc nội và hải ngoại cũng rõ ràng linh hoạt hơn, đoạn kết cũng rất khéo và vừa vặn. Sách chị ra chắc sẽ được hoan nghênh, có lẽ ra đồng thời với *Thương Yêu* (2) và *Gió Mát* (3). Ba cuốn, ba tâm sự, và mỗi cuốn một vẻ.

Tôi sẽ chữa lại văn, xóa bỏ ít đoạn (việc này cũng mất độ mươi hôm) rồi đánh máy đưa kiểm duyệt. Cái chính là hay, còn văn là phụ; song hoàn toàn thì vẫn hơn.

Trong ba cuốn T.Y, G.M, G.B, cuốn của chị ít xếp đặt, ít tiểu-thuyết-hóa nhất; những cuốn sau cần phải bố cục v.v... nhưng thôi để đợi khi chị viết cuốn thứ hai. Chị đã có cốt cách nhà văn, cứ thế mà tiến, yên tâm mà tiến, còn nhiều rực rỡ về sau đợi chị.

Chúc chị mạnh và nếu tiếng đàn vẫn còn văng vẳng cũng không sao vì cái đó có ngăn cản gì đâu việc chị viết *Gió Bấc*. □

Nhất Linh

Chú thích của Toà soạn VHNT

(1) Gió Bấc, tác phẩm của nhà văn Linh Bảo. Chị Hoa tức là nhà văn Linh Bảo.

(2) Tác phẩm của nhà văn Nguyễn Thị Vinh.

(3) Tác phẩm của nhà văn Tường Hùng.

Giấy giao kèo.

Một bên là ông Nguyễn Tường Tam, giám đốc nhà xuất bản Phượng Giang.

Một bên là bà Linh Bảo, nhũ danh Võ Thị Diệu Viên.

Hai bên đã thỏa thuận những điều sau này:

Điều 1: Bà Linh Bảo thuận giao bản quyền cuốn Gió Bấc và cuốn sách hồng Chiếc Áo Nhung Lam mà bà là tác giả cho nhà xuất bản Phượng Giang.

Điều 2: Nhà xuất bản Phượng Giang có quyền tái bản sách kể trên mãi mãi, với những điều kiện trong giao kèo này, nếu kỳ hạn tái bản không để quá hai năm một lần.

Tỷ dụ: ngày 15-1-53 là ngày nhà xuất bản Phượng Giang tái bản lần thứ nhất, nếu đến 14-1-55 không tái bản thì nhà Phượng Giang mất quyền ấy, và bản quyền hoàn toàn trở về tác giả; nghĩa là quá ngày 14-1-55 tác giả có quyền giao cho bất cứ nhà xuất bản nào khác hay lại giao cho nhà Phượng Giang, theo những điều kiện nào khác là tùy ý tác giả.

Điều 3: Hoa hồng về phần tác giả là 15% (mười lăm phần trăm) của giá bán lẻ hai cuốn sách ấy - tính theo giá nơi phát hành - và sẽ trả 15 ngày sau ngày phát hành. Nếu là sách phỏng dịch thì số hoa hồng hạ xuống 12%

Điều 4: Số in là 2.000 cuốn (hai nghìn cuốn / một truyện và nhà xuất bản chịu nhận sự kiểm soát về số in).

Điều 5: Nếu vì lẽ gì nhà Phượng Giang in trên 2.000 cuốn (mà tổng số không quá 3.000 cuốn / thì chỉ trả hoa hồng cho tác giả như là in 2.000 cuốn thôi; sau khi bán hết 2.000 cuốn mới tính thêm tiền hoa hồng trả cho tác giả. Nếu in 5.000 cuốn thì sẽ tính trả hoa hồng ngay 3.500 cuốn.

Làm thành hai bản, ngày 27-11-1953

Ký thuận,
Nhất Linh.

Ký thuận,
D. Viên

Phạm Duy

Thời kỳ chuẩn bị (1930-1938) ... Đi tìm một nhạc ngữ mới ...

Trích trong nửa thế kỷ âm nhạc Việt Nam.

Vào những năm đầu của thập niên 30, tôi mới là cậu bé đang bước vào tuổi lên mười! Không như những thiếu nhi, thiếu niên trong các thập niên sau này, sẽ có hàng chục, hàng trăm bài hát cho tuổi của các em, lúc đó, tôi không có tới dăm ba bài ca để hát một mình, hát chung với bạn bè hay là hát biểu diễn cho ai nghe cả !!!

Âm nhạc cổ truyền như *Hát cò lả, Hát trống quân, Hát quan họ* ... hoàn toàn vắng mặt tại các thành phố! Ngay cả trong các vùng thôn quê là nơi xuất xứ của các loại dân ca đó, người dân dưới chế độ thực dân cũng không còn hết lòng ca hát trong các vụ *"hát hội, hát đám"* nữa! Những điệu dân ca mà tôi được nghe họa hoằn trong những ngày lễ (như lễ 14 Juillet do người Pháp tổ chức tại chính quốc và tại các nước thuộc địa để ăn mừng lễ phá ngục Bastille, chẳng hạn) là loại *Hát xẩm*, hát ngay trên vỉa hè nhà tôi ở 54 Phố Hàng Dầu, Hà Nội!

Nếu tôi có được nuôi dưỡng thêm bằng âm nhạc vào lúc đó thì cũng chỉ là đi coi *Hát chèo văn minh* của cụ Nguyễn Đình Nghị tại rạp Sán Nhiên Đài, coi tuồng cải lương của Trần Phèn (hơi khác với cải lương Nam Kỳ) tại rạp Quảng Lạc, hay là nghe những Bài ca Huế của Bà Ấm Chung là người mà mẹ tôi nuôi ở trong nhà để dạy cho hai chị tôi đánh đàn tranh! Cũng còn là những bản *Hát bộ miền Trung* của một ông lái buôn nước mắm, mỗi khi từ Nghệ An chở nước mắm ra bán tại ngoài Bắc, thì hay đến ngụ ở nhà tôi, được Mẹ tôi coi như em nuôi, tôi phải gọi là Cậu! Cậu Xuân này là người dạy cho tôi cái tính

hài hước! Ngoài ra, tôi cũng được nghe nhạc Pháp, loại *"chanson à la mode"*, nghe thì thích đấy, nhưng chưa lấy gì làm say mê cho lắm!!!

□

Cậu bé lên mười, ở trong một thành phố Việt Nam, vào những năm 1931, 32... nếu muốn có cái gì mới để hát thì không có thể làm khác hơn là dùng một vài điệu hát đã biết, rồi làm lời ca mới! Chẳng hạn, dùng điệu *Bình Bán* để làm một bài hát ve gái:

"... Tôi chờ cô tối qua
Suốt canh chày chẳng thấy cô
Chờ bấy lâu mới biết cô là
Cô là người tôi hằng mơ ước yêu..."

□

Như vậy là trong những năm đầu của thập niên 30, vì chưa có ai dám nghĩ đến chuyện sáng tác ca khúc mới (với cả nhạc điệu với lời ca) cho nên người ta chỉ dám dùng các điệu đã quen biết để làm lời ca mới phù hợp với nhu cầu của mình! Một số điệu Tầu, đã từng được thu dụng trên sân khấu Việt Nam, cũng được lũ thiếu niên chúng tôi soạn lời ca mới để hát chơi! Hát tán gái bằng điệu *Mãi Tạp Hóa :*

"... Mình ơi! Có đi Bờ Hồ?
Cùng ta chén kem kẹo dừa!
(hồi đó, kéo nhau đi ăn kem ở bờ hồ Hoàn Kiếm là một cái luxe)
Cứ đi, cứ đi mình nhé!
Trong túi có vài Rồng Xanh
(nghĩa là tờ giấy bạc có vẽ con rồng xanh).

"... Mình ơi! Tôi xin một điều
Cùng nhau thề thốt cũng liều
Xin mình chớ nên từ chối
Chúng mình có thiếu cái chi?"

Và dùng luôn một điệu Tầu để chế diễu Hoa Kiều, điệu *Bài Tạ :*

"... Bên Tầu ngộ ở bên Tầu
Bên Tầu ngộ mới qua đây
Qua Nam Việt bán buôn làm giầu
Mới đến ngộ có cái đòn gánh
Mới đến ngộ bán chè khô
Chè lỗ ngộ bán mì khô
Bán không được kéo nhau về Tầu..."

□

Tóm tắt lại, trong thời gian này, lũ thiếu nhi hay thiếu niên chúng tôi cũng như một số những người lớn, chỉ làm một công việc rất dễ dãi: hoặc dùng điệu nhạc cổ Việt Nam để soạn lời ca mới, có khi là lời ca tiếng Pháp, hoặc dùng những điệu ngoại quốc đa số là điệu Tầu để soạn bài hát chơi! Sự chắp vá này chỉ nói lên một nhu cầu *"có cái mới trong ca hát"* và chỉ được coi như đang ngấp nghé đang sửa soạn để có một loại ca nhạc nào đó, khác với *"nhạc cổ truyền"*, *"nhạc dân ca"* đã có từ lâu và đang suy tàn...

□

Tư Chơi - Huỳnh Thủ Trung và "Bài ta theo điệu Tây"

Tuy nhiên, điệu Tầu hay điệu hát cổ truyền, vốn nằm trong ngũ cung quá quen thuộc, dẫu có hát lên với lời ca mới, vẫn chưa thỏa mãn được cái nhu cầu *cần thay đổi một không khí âm nhạc* của tuổi trẻ hồi đầu thập niên 30! Cái mới lúc đó, đối với chúng tôi là những bài hát Tây Phương, được phổ biến tại Việt Nam dưới hình thức dĩa hát loại 78 tours, hoặc được phô diễn trên màn ảnh chiếu phim nói (cinéma parlant).

Người đầu tiên biết sử dụng điệu hát Tây và phổ biến trong công chúng Việt Nam là nghệ sĩ Huỳnh Thủ Trung tức Tư Chơi. Ông là người sáng tạo ra hình thức tiểu ca kịch (opérette) theo kiểu Âu Tây, mà ông đặt tên là *"hoạt kê hài hước"*, trên sân khấu các đoàn hát Trần Đắt và Phước Cương vào khoảng 1933-1934. Sân khấu cải lương lúc đó đã có hai loại tuồng, gọi là *Tuồng Tàu* với tích truyện cổ, diễn viên đi hia, mặc áo giáp, chỉ không có vẽ mặt nhiều như trong Hát Bộ, và *Tuồng Tây* với tích truyện tân thời, diễn viên ăn vận quốc phục và âu phục. Tuồng cải lương, có phần âm nhạc thoát thai từ *Nhạc tài tử miền Nam* gồm các bản *Bắc* bản *Nam*, bản *Oán* và có thêm bản *Quảng*. Giàn nhạc đệm là các thứ nhạc cụ dân tộc, có thêm một giàn nhạc Tây phương ở dưới đất, giữa quan khách và sân khấu, diễn tấu những bài bản Tây trước giờ mở màn hay giữa buổi hát (entracte). Ngay từ khi xảy ra thế chiến I, một bài hát rất phổ thông trong binh lính Pháp là bài *Madelon* cũng đã được giới cải lương Nam Kỳ thu dụng để toàn ban ra hát chào khán giả, lẽ dĩ nhiên là với tiếng Việt :

"... Xin chào đồng bang và xin chúc quý quan an vui!!!"

□

Trên sân khấu các đoàn Trần Đắt và Phước Cương, ngoài việc soạn ra những tích tuồng mới phản ảnh xã hội Việt Nam vào lúc đó, phần nhiều là *hài kịch*, nghệ sĩ Tư Chơi còn muốn *cải cách* cả phần âm

nhạc! Ông không muốn dùng các bài bản có tính chất cổ truyền trong opérette của ông nữa! Nhạc Tây phương, qua những bài hát *Chansons à la mode* đã bắt đầu thịnh hành trong xã hội đô thị Việt Nam. Những bản hát Pháp như *J'ai deux amours, Ma Tonkiki, Ma Tonkinoise*... đã được nhiều người biết đến. Bài *J'ai deux amours* do Joséphine Baker hát trong đĩa hát, được nghệ sĩ Tư Chơi đưa ngay lên sân khấu cải lương, với lời ca của Nguyễn Thành Châu tức Năm Châu.

"... Buồn thay nghề hát
Trong xứ ta nhiều gương xấu!
Tìm bạn đồng tâm
Đâu thấy ai? Nào đâu???"

Lập tức trong đám thanh niên chúng tôi cũng có câu hát theo điệu J'ai deux amours:

"... Giò này giò nóng
Ai muốn mua thì xin cứ
Bỏ một hào ra
Ai muốn mua thì mua..."

Một xu hướng đi tìm không khí mới cho âm nhạc Việt Nam đã thực sự ra đời khi nghệ sĩ Tư Chơi khẳng định đường lối soạn nhạc của ông! Ông soạn một số bài hát mà ông gọi đích danh là *"Bài ta theo điệu Tây"*! Hoặc ông dùng nguyên vẹn những điệu Tây! Hoặc ông phóng tác từ một điệu Tây, chẳng hạn điệu *"Hoài Tình"* của ông, rất phổ biến trong giới cải lương, có thể khởi sự từ bài Tabou (1) (Bài này, theo tôi, cũng còn là bài đẻ ra bản *"Đêm Đông"* của Nguyễn Văn Thương sau này!!!)

Tôi là người được vinh dự gặp anh Tư Chơi lần đầu tiên tại Sàigòn vào năm 1944. Hồi đó tôi đang hát Tân Nhạc trong đoàn hát Đức Huy và đoàn đang diễn tại rạp Cinéac ở đường La Grandière (sau này đổi tên là đường Lê Lợi - rạp hát cũng bị phá đi và nhường chỗ cho những cửa hàng trong đó có tiệm vàng Nguyễn Thế Tài) và anh Tư Chơi thì đang ở địa vị cao sang nhất trên sân khấu Cải lương! Anh có vẻ thích thú những bài *"ca cải cách"* mà tôi hát mỗi đêm, hát trong một rạp rộng lớn, đông khách và không có micro, ampli écho... gì cả!

Sau này về già, anh Tư Chơi nghiện rượu nặng, hàng đêm thường lui tới quán Anh Vũ ở đường Phạm Ngũ Lão là nơi tôi đang dựng trường ca *Con đường cái quan*, để cho đỡ nhớ ánh sáng tiền trường (limelight!!!). Có lần anh mời về nhà ăn bữa cơm có món mắm cá đặc biệt hương vị miền Nam. Ngoài bài *Hoài Tình* đã kể, anh Tư Chơi Huỳnh Thủ Trung còn để lại trong *"nhạc mục cải lương"* những bài như Hòa Xuân, Nặng Tình Xưa, Tiếng Nhạn Trong Sương...

Tôi muốn viết thêm ở đây một nhận xét về *"nhạc ngữ"* của cải

thời *"Bài ta theo điệu Tây"* này: tuy khởi sự đi tìm chất liệu mới cho nhạc Việt bằng cách thu dụng các điệu Tây phương, nghĩa là dùng các điệu nhạc thuộc loại *"có chủ thể"* (tonal), nhưng thường thường các bài hát đó đã dần dần bị *"ngũ cung hóa"* đi, một phần lớn là vì các nghệ sĩ cải lương không quen hát những bài được soạn với *âm giai thất cung!*

□

Cùng một lúc với việc anh Tư Chơi tung ra trên sân khấu loại hát anh gọi là *"Bài ta theo điệu Tây"*, thì trong giới yêu nhạc với đa số là nam nữ trong tuổi thanh xuân cũng có phong trào chuyển ngữ các bài hát Tây do các ca sĩ thời thượng như Tino Rossi, Rina Ketty, Albert Préjean, Georges Milton... hát vào dĩa hát 78 tours!

Các nghệ sĩ sân khấu Việt Nam trẻ đẹp hát hay như Ái Liên, Kim Thoa... lại được một hãng dĩa của người Pháp là hãng Béka mướn để thu thanh các *"Bài ta theo điệu Tây"* vào dĩa hát. Suốt mấy năm liền, từ 1935 cho tới 1938, rất nhiều các bài hát của Pháp như Marinella, C'est à Capri, Tant qu'il y aura des étoiles, Un jour loin de toi, Celle que j'aime éperdument, Les gars de la marine, L'Oncle de Pékin, Guitare d'amour, Créola, Signorina, Colombella... và của Mỹ như Good Bye Hawaii, South of the border... đã được phổ biến mạnh mẽ với lời ca tiếng Việt, soạn bởi một nhà báo trẻ tên là Mai Lâm, bạn thân của nhạc sĩ Lê Thương. Sau này, tôi cũng được gặp anh Mai Lâm ở Gia Định để cám ơn anh đã làm cho chúng tôi say mê những *"Bài ta theo điệu Tây"* hồi còn nhỏ!

Làm sao mà chúng tôi không thích những *"Bài ta theo điệu Tây"* cho được? Trước hết, những bài mà tôi vừa dẫn kể ở trên, không những rất hay về ý nghĩa (lúc đó chúng tôi cũng đã giỏi tiếng Pháp lắm rồi!!!) Lại còn được những giọng hát ngọt lịm của Tino Rossi, lanh lảnh của Rina Ketty, hài hước của Georges Milton hay bình dị của Albert Préjean... làm tăng giá trị! Rồi bây giờ lại còn được Mai Lâm soạn những lời ca rất phù hợp với tuổi mơ mộng của chúng tôi!!! Đây cũng là lúc Tino Rossi đã trở thành một thần tượng của giới trẻ! Đã có những hội *"Ái Tino"* được thành lập! Một thanh niên có giọng hát tốt, sau này là một nhạc sĩ được nhiều người biết tới, nhạc sĩ Canh Thân, bắt đầu cuộc đời ca hát của anh bằng cái tên Tino Thân !!!

Trong mấy chục *"Bài ta theo điệu Tây"* của hồi giữa thập niên 30, tôi chỉ còn nhớ lõm bõm vài bài, chẳng hạn bài:

C'est à Capri.

C'est à Capri que je l'ai rencontrée.
Ngày đua xe hoa năm đã qua, bao tình sâu xa!
Je fus charmé encore plus que surpris.

Còn như in sâu trong trí tôi bao ngày vui qua...
De mille fleurs elle était entourée.
Người mà tôi yêu, tôi đắm say, tôi hằng mơ!
Au milieu d'un jardin de Capri.
Đến với tôi, trong ngày vui, trong hội hoa...

Tout comme dans un poème
Ngày nay anh tới đây, đợi chờ nắng!
Me voyant elle me sourit.
Mà sao em nỡ sao, em biệt bóng?
Je lui ai dit: je vous aime.
Lòng anh ôi chứa chan mối tình ái.
C'était au pays de Capri.
Lời thề nguyền non nước em đành sai !!!

Có bài tôi chỉ còn thuộc vài câu tiếng Việt mà thôi:

Creola :
Phút mơ màng! Gần bên em khác chi Thiên Đàng ?
Và Trời sao chứa muôn kho tàng? - Đôi mắt em bừng sáng chào Xuân sang !!!

Un jour loin de toi :
Một ngày xa mặt em là một ngày anh buồn tênh!

.....

Em ơi! Thân hình em - hầu như in trong tâm óc,
Ngày quên ăn, đêm quên giấc, luôn luôn mơ màng!!!

.....

Xa em trong một khắc - tày ba thu đau xa cách !!!

Ngoài những bài mơ mộng một cách rất ngây thơ như vậy, cũng có những bài vui và hơi tục tĩu:

Celle que j'aime éperdument :
Tôi trông thấy có cô con gái - Đi quanh phố vén chân lên đái!
vân vân...

□

Tôi gọi thời gian từ 1930 cho tới 1938 là *"Thời kỳ chuẩn bị"* của tân nhạc Việt Nam! Tôi cũng không đồng ý với một số bạn bè khi họ dịch chữ *"tân nhạc"* là *musique moderne!* Dịch như vậy, có thể làm cho người Âu Mỹ hiểu lầm là loại *"nhạc tân kỳ"* - Nên dịch là *nouvelle musique, new music!*

Sự hiện diện rất hùng biện của những *"Bài ta theo điệu Tây"* trong thập niên 30 đã chứng tỏ tuổi trẻ Việt Nam lúc đó không còn rung động trước dòng nhạc cổ truyền đang ở trong thời kỳ suy nhược

nhất của nó! Lúc đó, trong phạm vi văn học, thơ cũng như tiểu thuyết Việt Nam cũng đã chuyển mình! Nhóm Tự Lực Văn Đoàn với những kiện tướng như Nhất Linh, Thế Lữ, hay các nhà văn, nhà thơ độc lập khác như Nguyễn Tuân,Xuân Diệu, Huy Cận... cũng đã không còn viết văn hay làm thơ theo lối cổ điển như những nhà nho cuối mùa trước đây!

Phong trào *"Bài ta theo điệu Tây"* chưa được coi là sự hình thành của tân nhạc, nhưng nó là động cơ thúc đẩy tuổi trẻ sáng tạo một dòng nhạc mới, phù hợp với nhu cầu lúc đó! Thanh niên nam nữ lúc đó cũng đã bắt đầu học nhạc lý, học sử dụng các nhạc cụ Tây phương rồi! Một nhạc viện do người Pháp mở ra vào năm 1927 (Conservatoire Francais d'Extrême-Orient (2) cũng đã đào tạo được thế hệ nhạc sĩ Việt Nam đầu tiên đi theo đường lối nhạc cổ điển Âu Tây: Nguyễn Xuân Khoát, Nguyễn Văn Giệp, Nguyễn Hữu Hiếu, Phạm Văn Nhường... Mấy vị này cũng đã hành nghề tại nhà hàng lớn nhất Hà nội là Taverne Royale...

Ở các thành phố lớn, các hội *"ái nhạc"* (Philharmonique) cũng được thành lập để truyền bá nhạc cổ điển Tây phương. Võ Đức Thu là nhạc sĩ tốt nghiệp về Piano ở Hội Philharmoniqe Saigon.

Mặt khác, các nhạc sĩ trẻ, hoàn toàn là *"amateur"* tài tử cũng đã tự học nhạc, đã viết ra những bản nhạc đầu tay của mình, nhưng chưa dám đưa ra trước công chúng, mới chỉ trình bày cho nhau nghe trong những buổi họp mặt có tính chất *"salon littéraire"*, coi đó như là sự phản ứng trước phong trào *"Bài ta theo điệu Tây"* mà họ cho là *"đầu cua tai nheo, ngoại lai, chắp vá!!!"*.

□

Kỳ sau: thời kỳ thành lập (1938-1945)
Những thử thách và thành quả đầu tiên.

---

(1) Theo Vương Hồng Sển, Hồi ký 50năm mê hát - NXB Nam Chi - Sàigòn 1968 -

(2) Nhạc viện này đóng cửa vào năm 1930, sau ba năm hoạt động.

Nguyễn Tất Nhiên
(trường thi Cũng Cần Cho Hạnh Phúc)

Rào nhân bản

27

có chú bò trong một lúc nghỉ ngơi
chợt nhận thức ra được điều phi lý
sao dưới ách phải nai thân nô lệ
khi đất trời rơm cỏ chẳng riêng ai !?
chú nhìn quanh đồng loại thản nhiên nhơi
lũ đồng loại tuyệt chưa hề ý thức
mầm đối kháng sơ hình lần thứ nhất
cũng chính là mầm đau khổ tiên thiên !

đó là điều ta muốn nói cùng em
sống, nhẫn nhục bằng thứ tâm vô thức
nhân thế chỉ cần được đôi con mắt
của loài bò mặc nhận ách trên vai !

nhìn nhau đi em, thoáng ánh u hoài
thể hiện cả thiên-niên-rào-nhân-bản !

28

sáng sáng nghiêng-triềng vai công tác gánh
phân tù đi bón chuối tươi rau xanh
khuya phủ trùm hồi hộp tiếng lanh canh
chìa khóa mở, gọi lên phòng khảo mật
hăm bốn giờ luân phiên sinh hoạt chật
hộp giam chia toán hưởng, toán đứng chờ
phiên ngủ nghê, phiên chồm hổm nhá bo-bo

phiên được hóng chút khí trời bên cửa
bạn tù ơi, tình người là chỗ đó
ta được quyền tuần tự cũng như ai
bạn tù ơi, ta còn thở lai rai
còn lì lợm bác lập trường duy vật
nhờ chúng bây vài ba khi bất chợt
kịp nhận ra con thú đẹt ngất ngư
chú công an chưa đầy tuổi đôi mươi
đến phiên trực lén cho ta dịp nghỉ
ta biết chú dù buộc ràng chỉ thị
nhưng lòng nhân là truyền thống ông bà !

xét cạn cùng, nhân loại vẫn chưa xa
nguồn cội tâm linh từ thời thượng cổ.

tình người hiếm khan, nhưng luôn sẵn có
đó là điều ta muốn nói cùng em
ý thức làm thừng, xích nghiến, vòng thêm
thì tâm cảm đỡ vai trì dưới ách !

29

chú công an thẩm tra còn non choẹt
cứ vênh vênh, gì cũng "biết hết rồi" !
ta đóng trò qua mặt chú như chơi
"đảng", "nhà nước" thần thông như quỉ chắc ?

ta lẩy bẩy trước búa, kìm, roi sắt...
chú dương dương tự đắt với... anh già!
lầm to rồi chú nhỏ, chú sẽ thua
chú sẽ chẳng làm chi nên trò trống!
bởi máu chú mạch còn trương rất chóng
tình người là chỗ đó đấy chú em !
chất người là chất nóng của con tim
kẻ chính trị hoạt đầu luôn lợi dụng
chú với ta vậy đứa nào "phản động"
khi mỗi thằng máu vẫn đỏ trong tim ?

30

đó là điều ta muốn nói cùng em
tìm mỗi nhịp bật ra từng nghĩa sống
tìm mỗi nhịp yêu thương hay thù hận
phạm vi rào-nhân-bản nới hay thu !

31

ta ngồi đây nghe sông núi ngậm ngùi
nghe gió lá chào nhau từng đợt vội
rồi bỗng thấy mình vô vàn đắc tội
tội loài người đã gán ghép thiên nhiên
chẳng núi sông nào thúc giục chiến tranh
hỡi những kẻ đang nhân danh sông núi !
chẳng cơn gió nào nỉ non hờn tủi
hỡi những ai mượn gió thác ý tình !

ta ngồi đây nghe thảng thốt một mình
thấy nhân loại đều nhân danh hết thảy
khiến cuộc sống này bất toàn mãi mãi
tội nhân danh là giềng mối khổ đau !

hỡi những giật giành thủ lợi riêng tư
thoải mái chỉ đậu trên bàn tay thông
sương tuyệt diệu long lanh trên cánh nõn
vì muôn hoa luôn cười nụ vô tư.

hỡi những mắt phàm chú thích bao nhiêu
điều phi lý vào thiên nhiên vô ngữ
cố biện bạch cho bàn tay chiếm hữu
mà không hay nghẹt thở bởi tay mình !

hỡi những ai hằng quan niệm đấu tranh
là máu đổ, là kẻ thù ngã gục
thế hệ nào cũng nhân danh áp bức
đến khi nào tiệt tận bất công đây ?

hỡi những ai hằng quyết chí xây đài
chiến thắng trên xác thù theo bước tiến
chúng ta thử cùng đổi thay quan niệm :
đấu tranh là tranh đấu diệt nhân danh !

hỡi những tâm hồn san phẳng bất công
chưa thấu đáo lẽ cuộc đời đơn giản
xã hội người chẳng cách chi bình đẳng.
mầm bất công lại nẩy giữa các ngươi !

hỡi những ai thệ nguyện hiến dâng đời
cho cách mạng đến thiên đường nào đó
ta xác định quyết nhiên không hề có
thiên đường nào do triết thuyết xây nên

thử cùng ta thay đổi cách hy sinh
cùng đối diện niềm cô đơn nhân bản
nếu vật chất tạo thiên đường cộng sản
sao nhiều đảng viên cao cấp ly khai?
sao khi không nhà tư bản đại tài
tìm lối thoát nổ dòn tan phát súng !?

Nguyễn Tất Nhiên
(trích trường thi Cũng Cần Cho Hạnh Phúc, sẽ in)

Tạp chí Văn Học Nghệ Thuật
Số 1 ra mắt và số 2 đặc biệt về hội họa.
TÌM MUA NGAY Ở CÁC HIỆU SÁCH.

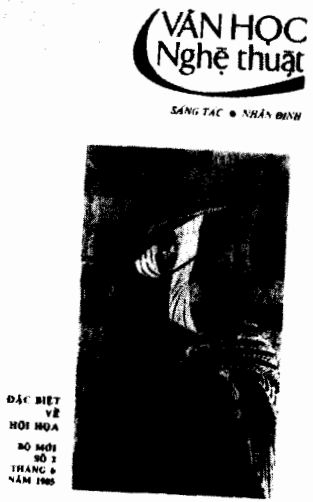

Phan Lạc Tiếp

Mất lưới

Sáng thứ bảy, còn sớm lắm, vợ chồng tôi còn nằm nướng trong chăn, tuy đã thức nhưng chưa ai muốn dậy. Tôi duỗi chân, duỗi tay để cho thân thể dãn ra. Thở một hơi dài, và thấy như cả một tuần quần quật làm việc vừa tan đi. Tiếng nước mưa rả rích ở bên ngoài. Và hình như đâu đó có cả tiếng mấy con chim kêu lít chít từ một hốc nhà đâu đó. Tôi nghĩ tới con chim. Trời mưa mù mịt và lạnh giá như thế này, chim bay đi đâu được... Đang lan man nghĩ ngợi như thế thì điện thoại bên cạnh giường reo lên. Tôi vội vã nhấc ống nghe. Ở đầu dây bên kia tiếng người bạn của vợ tôi hối hả:

— Anh hả. Anh cho tôi nói chuyện với "bà ấy"đi anh.

Tôi đưa ống nghe cho vợ tôi. Chẳng biết ở đầu dây bên kia bà bạn nói thế nào, chỉ thấy vợ tôi kêu lên "thế hả"," tội nghiệp quá"... Rồi thằng chồng nó, con nó..." Tôi bị cuốn hút vào sự hốt hoảng của vợ tôi. Tôi nhìn vào mặt vợ, nước mắt đã đầm đìa. Tôi gặng hỏi:

— Gì vậy ?

Vợ tôi bịt vội một đầu ống nghe, và nói vội vã :

— Con Chuyên chết rồi, lát nữa em nói lại.

Chuyên là một trong mấy người bạn của vợ tôi, học với nhau từ nhiều năm đầu ở Trưng Vương. Khi tụi tôi lấy nhau thì Chuyên đang sửa soạn lấy chồng. Tôi có gặp Chuyên mấy lần. Chuyên không đẹp lắm, nhưng phải nói là rất có duyên và lịch sự. Gia đình Chuyên là một gia đình lớn từ ngoài Trung vào Sàigòn. Dưới thời đệ nhất Cộng Hòa, ông bố Chuyên và các người anh lớn của Chuyên là những người từng giữ cái chức vụ lớn trong chính phủ, nhờ tài năng, uy tín và tất nhiên là quen biết khá lâu với gia đình họ Ngô. Năm 1965, tụi tôi

lập gia đình, Chuyên có đi ăn cưới. Hôm ấy Chuyên mặc một chiếc áo kim tuyến hồng nhạt, tóc gài một cái kim có gắn mấy hạt kim cương nhỏ. Tuy làm dáng kín đáo, nhưng rõ ra là một cô con gái nhà quyền quý.

Sau đó cuộc chiến mỗi lúc mỗi thêm khốc liệt. Cuộc chiến đã cuốn hút mọi sinh hoạt quanh nó phải ùa theo. Và riêng tôi, thì sau đó lúc thì linh đinh trên tàu biển, lúc thì lầm lũi trên các vùng đồng bằng sông rạch Cửu Long giang. Mỗi khi được về thăm nhà, thăm vợ con, thì giờ ít quá, nào có thể ghé được tới ai. Tôi không biết Chuyên sau này thế nào. Đôi khi vợ tôi có nói loáng thoáng là "con Chuyên nó đã bỏ học dược, nó bỏ thằng fiancé của nó bên Tây, nó thế này, thế khác..." Tôi nghe bên tai này, bỏ qua tai kia. Tuy nhiên khi bình tĩnh lại thì hình như trí nhớ tôi tự động ghép lại các dữ kiện ấy và thấy riêng cuộc tình của Chuyên không bình thường như mọi người, ít nhất như bà xã của tôi. Chuyên là con của một bà vợ thứ nào đó của ba Chuyên. Nhưng khi Chuyên vừa sinh ra bà mẹ Chuyên đã đem Chuyên trả lại cho ba Chuyên. Từ đó Chuyên lớn lên trong một gia đình đông đảo của rất nhiều dòng con dưới sự săn sóc chu đáo và rất thương yêu của bà mẹ già. Chuyên thông minh, càng lớn càng đẹp. Năm 16 tuổi đã hứa hôn với một sinh viên đang theo học bên Pháp. Cứ như mọi người thấy, thì như thế cuộc đời Chuyên chỉ đợi vài năm nữa, khi vị hôn phu học xong, về nước, ba Chuyên sẽ tìm cho một chức vụ nào đó, và Chuyên sẽ nghiễm nhiên làm một bà lớn... Nhưng không hiểu sao, có thể tại cuộc chiến mỗi lúc mỗi khốc liệt, vị hôn phu của Chuyên không về nước nữa. Đối với Chuyên có lẽ cũng chẳng sao. Hứa hôn thôi, đâu có gì quan trọng. Gia thế của Chuyên, sắc đẹp của Chuyên... thiếu gì cơ hội cho Chuyên kiếm một người khác, một vị hôn phu khác. Và người ấy đã đến. Trong một dịp đi dự cuộc vui cuối năm của phân khoa dược, Chuyên gặp một người. Và cứ như là Chuyên kể lại thì *"Mày ạ, tao gặp thằng này lần thứ nhất, nhớ nha, chỉ mới lần thứ nhất thôi, là tao muốn xỉu... Tao, tao cũng không biết tại sao nữa, có lẽ tại đôi mắt của anh ta quyến rũ quá, tại anh ta cao ráo. Cao hơn mọi người đến nửa cái đầu. Anh ta mời tao nhảy, và tao líu díu theo ngay..."*

Từ đấy Chuyên chìm vào mối tình mới của nàng, hay nói đúng hơn là mối tình đầu của nàng, của chính nàng chọn chứ không phải qua sự dàn xếp nào của cha mẹ, gia đình. Người con trai ấy tên Hoàng, đang tập sự năm chót trong các bệnh viện. Hoàng cũng yêu Chuyên lắm lắm. Những lần Chuyên đến bệnh viện gặp Hoàng, thấy Hoàng đi chững chạc từ hành lang dài đến, Hoàng mặc áo choàng trắng, đeo ống nghe... tất cả đều làm cho Hoàng thêm hấp dẫn, cuốn hút và rất đàn ông, rất trí thức. Sau đó, Hoàng cởi áo choàng, dàn xếp với bè bạn, và hai đứa rủ nhau đi chơi. Từ cửa bệnh viện bước ra, đi trên những con đường nhỏ trải sỏi trắng, hai bên là những đám cây được cắt xén thật kỹ. Trên đầu họ là bầu trời được đan lưa thưa bằng

những cành lá lao xao gió thổi. Lúc ấy Chuyên như thấy mình bay bổng, như mình chẳng còn phải là mình nữa.

Rời bệnh viện, hai đứa đèo nhau đi trên chiếc Vespa cũ, thả khói mù mịt và rất ồn ào. Càng xa bệnh viện, cái hào quang của Hoàng hình như công khai nhạt đi, và đen theo với đám khói của chiếc xe của chàng. Có lúc Chuyên nhìn chiếc xe và nói: *"Hay là anh lấy tiền của em anh mua chiếc xe khác đi..."*. Mới chỉ nói có thế Hoàng đã giận ngay. Và lúc ấy Hoàng đã giận Chuyên đến cả tuần lễ. Nhưng rồi Chuyên lại đến bệnh viện tìm Hoàng, những ngày vui lại đến với biết bao nhiêu là ngọt ngào, thi vị. Lúc ấy nền đệ nhất Cộng Hòa sắp hết. Những tai tiếng về những người quanh gia đình họ Ngô như được thổi phồng lên, được thêu dệt lên làm cho mọi người chán ghét chế độ. Trong những người được nhắc đến có gia đình của ba Chuyên. Và người tỏ ra bực dọc, nếu không muốn nói là khinh bỉ những người đầu não của chế độ, trong đó có Hoàng. Và vì thế, khi Hoàng sắp ra trường, phải chọn đơn vị, Chuyên đã ngỏ lời:

— Em lo lắm. Nếu anh phải đổi đi đâu xa... Hay là anh đến gặp ba, nói với ba một tiếng là ba lo cho anh được liền.

— Sao em biết là ba lo được.

— Vì em đã nói qua loa với ba rồi... Hơn nữa ba cũng muốn gặp anh. Giữa ba và anh sao em thấy khó quá à...

Hoàng đã chậm rải, nói với Chuyên :

— Cô Chuyên. Tôi là con nhà nghèo. Tôi chỉ trông vào chính bàn tay và khối óc của tôi thôi. Con đường tôi đi là chính tôi sửa soạn, xây đắp. Tương lai của tôi chính phải do tôi mà thành. Tôi không thể nhờ vả ai được...

— Thôi anh nhờ ba chứ nhờ ai xa lạ đâu.

— Em không biết. Em không thấy sao? Chế độ này sẽ sụp đổ nay mai. Xã hội cần phải cải tổ lại. Có như thế chúng ta mới có hy vọng chống cự lại kẻ thù từ phương Bắc đến... Tôi, tôi chấp nhận tất cả.

— Nghĩa là anh bằng lòng đi đơn vị tác chiến.

— Có sao đâu. Chính phủ đã bỏ tiền ra cho tôi ăn học. Tôi có nhiệm vụ phải thi hành các nhu cầu của chính phủ một cách ngay thẳng và công bình...

□

Từ đó cuộc tình giữa Chuyên và Hoàng tan vỡ. Hoàng quá tự ái, quá lý tưởng. Chuyên cũng quá tự ái không liên lạc gì với Hoàng nữa. Và Chuyên ốm nặng. Ốm lăn lóc cả tháng. Cho đến khi bình phục thì Chuyên không còn đủ khả năng và kiên nhẫn đi học lại được nữa. Chuyên bỏ trường Dược vì thế. Gia đình Chuyên biết chuyện đó cố khuyên giải Chuyên, nhưng vô hiệu. Chuyên bình phục dần và lại đẹp nõn nà trở lại. Chuyên lại thấp thoáng kẻ đón mời. Nhưng buồn

thay, với ai Chuyên cũng đều vui vẻ, lịch sự, nhưng Chuyên chẳng yêu ai. Điều ấy dễ hiểu, nhưng cuối cùng Chuyên yêu một người con trai nhỏ hơn Chuyên mấy tuổi. Anh chàng này từ lâu vẫn coi Chuyên như chị, vẫn chở Chuyên đi đây đi đó, kể cả cái lần chở Chuyên đến gặp Hoàng. Do đó anh chàng ấy đã theo dõi, biết và chia sẻ cùng Chuyên mọi vui buồn. Người đó cũng đã bị cuốn hút vào chuyện tình của Chuyên và yêu Chuyên lúc nào không biết. Khi Chuyên ốm, anh chàng này đã săn sóc Chuyên thật kỹ. Với Chuyên, anh ta hoàn toàn như một người em hữu ích. Nhưng giữa lúc Chuyên bơ vơ như thế thì anh chàng ấy lúc nào cũng có bên Chuyên... Họ yêu nhau thật lạ, và lấy nhau bình thường. Từ đó Chuyên là một người khác. Vẻ khuê các thuở con gái như bay đi đâu mất ở trên mây. Giờ chỉ còn là Chuyên với đôi tay tần tảo, buôn bán và Chuyên đã giầu, giầu rất nhanh trong các năm sau cùng của miền Nam. Các đứa con của Chuyên cũng lần lượt ra đời mau lẹ, tinh khôn và ồn ào. Lúc ấy là lúc đôi khi Chuyên có đến thăm vợ chồng tôi, vội vã vui trong cái bề bộn của cuộc đời làm mẹ và làm vợ. Nhưng có một hôm, Chuyên đến, sau một lúc lâu, Chuyên đã nói với vợ tôi:

— Mày ạ, Hoàng vừa lấy vợ.

— Thế à, vợ tôi hỏi vậy.

Chỉ có thế, nhưng tôi hiểu là mối tình của Chuyên chưa hết. Nó chỉ như đám than hồng bị mờ dưới đám tro mỏng. Chỉ một khơi động nhẹ, đám than ấy lại tỏa sức nóng nồng nàn.

□

Chuyên và gia đình kẹt lại khi Việt cộng vào Sàigòn. Năm 1976 gia đình Chuyên chạy chọt mai mối đi được theo đường bán chính thức. Xuống ghe chật vì có mấy trăm người. Sau nhiều vất vả họ đã cập bến Mã Lai. Biển động dữ dội. Một số đã đổ bộ lên bờ. Một số còn mắc lại dưới ghe thì lính Mã Lai chĩa súng bắt mọi người xuống hết ghe. Lại lội ra trèo lên ghe cũ. Tàu chiến Mã Lai đã giòng giây kéo ghe ra và trong lúc vội vả, cẩu thả, ghe của gia đình Chuyên đã bị lật úp. Biết bao nhiêu người chết, trong đó có Chuyên. Người bạn của vợ tôi cho biết như thế, và vợ tôi đã khóc.

Từ đấy, trong các ngày rằm, mùng một, hay cả các buổi sáng tinh sương, khi đứng trước bàn thờ Phật, vợ tôi cầu nguyện nhiều lắm, trong đó có xin Trời Phật phù hộ cho Chuyên được siêu thoát... Và cũng từ đó trong các bữa ăn, các cuộc họp bạn, những cảnh huống của Chuyên lại được nhắc đến, để xót thương và để thấy rằng cái giá của Tự Do sao mà đắt quá.

□

Năm 1977 tôi làm việc cho một cơ quan thiện nguyện. Đang ngồi lục các đống hồ sơ thì có điện thoại từ một người ở cơ quan khác gọi lại. Anh ta nói:

— Ông có người bạn muốn gặp ông đây này. Lại ngay.

Tôi định hỏi xem ai, thì đầu dây đã cúp. Cũng không có gì bận bịu lắm, tôi lái xe lại ngay cơ quan bạn. Vừa bước vào cửa, tôi đã nhận ngay ra Hoàng. Hình ảnh một vị bác sĩ y khoa chững chạc trong tấm áo choàng không còn nữa, nhưng giữa cái bắt tay và cái nhìn, vẫn đầy lòng phấn đấu, đầy tự tin. Tôi hỏi:

— Qua đây hồi nào ông?

— Thì mới hôm qua.

— Đã làm thủ tục gì chưa?

— Rồi. Hỏi lòng vòng mới biết có ông ở đây...

Trong bước đầu gặp nhau ấy, tôi đã nói với Hoàng: "Từ giờ này cho tới ba tháng sau, bất cứ ông có gì trở ngại, không hiểu, bất cứ về lãnh vực gì, cứ gọi tôi, tôi sẽ tận tình hướng dẫn ông theo sự hiểu biết của tôi, để ông có thể có được mọi quyền lợi dành cho dân tị nạn. Sau đó nếu ông còn gì thắc mắc nữa, ông cứ gọi lại, nhưng lúc ấy chúng ta sẽ bàn.. Còn sau 6 tháng trở đi, nếu tôi có gì không biết, tôi sẽ hỏi lại ông."

Hoàng cười vang, nụ cười đầy nghị lực và tự tin vô cùng. Tôi chắc chắn Hoàng sẽ lại sẽ thành công mau lắm. Trong một bữa ăn vui tại nhà tôi, khi bưng tô phở lên, Hoàng nhìn một chút, nghiêng đầu nói:

— Ông à. Mấy năm nay mới lại được ăn tô phở thế này. Khi ở trong trại cải tạo tôi đâu có ngờ lại có lúc được ăn tô phở vĩ đại và phong phú như thế này.

Vừa ăn Hoàng vừa vui cười kể chuyện. Nhiều lắm, tôi nhớ không hết. Đặc biệt Hoàng nói về cái ăn:

— Trong tù mình phải cực nhọc lắm mới giữ được chút nhân phẩm ông ạ. Cả ngày lẫn đêm, lúc nào cũng chỉ nghĩ đến ăn. Đánh nhau toạt máu đầu vì một miếng cháy là chuyện đã xảy ra, và rất thường. Vì thế, khi được bà xã tôi tiếp tế cho ít gói mì, thì sao mà sướng thế. Vì không biết bao lâu còn được nhận quà nữa, nên phải ăn dè xẻn. Một gói mì tôi ăn trong 4 ngày. Nếu chiều nay một phần tư gói mì sẽ được ăn, thì sáng hôm ấy tôi đã sướng rồi. Chỉ nghĩ đến nhìn sợi mì nóng hổi, nước mì ngọt lịm và thấy nước dãi ứa ra đầy mồm... Bây giờ sang đến đây, được ăn như vầy. Muốn ăn bao nhiêu thì ăn, muốn nói gì thì nói, muốn đi đâu thì đi, thật là sướng quá, sướng quá... Tôi thực tâm mà nói, là có phải làm y công để nuôi vợ con cũng quá vui rồi. Đâu có còn phải sợ ai, đâu có còn bị mấy tụi công an khu vực kiểm soát, đâu có còn những đêm nằm mơ thấy được miếng cháy giấu trong áo ăn dần.

Hoàng cười thật vui và nói tiếp:

— Ông đạt được như thế là quá may, kẹt lại chắc còn lâu nó mới

cho ông về. Cỡ ông, nó còn đày còn lâu. May cho ông lắm đấy. Bây giờ ông có công việc làm, có xe cộ, nhà cửa như vầy là nhất rồi.

Tôi lắc đầu nói:

— "Lịch sử" về việc kiếm việc của tôi là một chuyện dài. Mười nghề khác nhau từ đó đến nay. Còn các thứ nhà cửa, xe cộ là nợ cả đấy. Mai kia ông vô xong cái bằng, những thứ này ông đâu có thèm để ý đến...

Rồi thời gian qua mau. Mấy tháng vui với cảnh tự do đã nguội, con người tháo vát, tự tin nơi Hoàng đâu có ngồi yên như thế. Hoàng đã lần mò dần dần và đã theo học lại y khoa. Một lần tôi tới nhà chơi, quanh đống sách đầy bàn, Hoàng than thở:

— Ông ạ. Bạn bè qua đây sao lạ quá. Các vị ấy đi trước đã có bằng cấp, mở phòng mạch mới, tiền vô như nước. Xin các vị ấy chỉ đường đi, các vị chỉ một đống sách như vầy. Mượn từ thư viện về "nhai" muốn chết, đến khi biết ra thì đâu có vậy. Thi cử A, B, C quẹt, học tóm tắt thôi. Hỏi lại các vị ấy thì các vị ấy nhe răng ra cười.

Ngưng một lát, Hoàng lại nói:

— Hại nhau quá. Dù "em" có bằng lại, "em" cũng chỉ xin ngày mười người khách là em đủ xài như ông cố nội thằng Việt cộng rồi, "em" đâu có cần gì hơn. Các "đàn anh" đi trước, các "đàn anh" vô ghê quá, còn cản đường em nữa, chán thật.

Nghe Hoàng nói, tôi cũng chỉ biết cười. Cũng từ đó Hoàng ít lại thăm gia đình tôi, vì quá bận học thi. Rồi bằng đi cả năm, một hôm Hoàng gọi lại báo tin:

— Ông ơi, tôi vô được cái bằng rồi. Mai ông nhớ ghé tôi để ăn với tôi một bữa, mừng cho tụi này.

Hôm sau tôi đến Hoàng, không quên mang lại vài món ăn Hoàng thích. Bữa ăn đơn giản bày ra trong bếp một căn phố nhỏ hẹp, nhưng tiếng cười của Hoàng thì thật tưng bừng. Tôi nâng ly lên và nói:

— Thôi, từ nay hoạn lộ của ông lại mở, ông lại có quyền lượm bạc như xưa...

Hoàng cười rồi nghiêm nghị nói :

— Tôi có nghiên cứu qua các khu vực làm ăn của bạn bè. và đặc biệt về cái lề lối làm việc của họ. , tôi chán quá.

— Sao ?

— Con hổ nó còn không ăn thịt con, chứ mấy anh em làm quá. bẩn quá. Tôi không thể nào nhắm mắt như họ được. Vừa vừa thôi chứ...

Hoàng nói nhiều lắm, thành khẩn lắm, hăng say lắm.Đợi cho Hoàng lắng lại, và vừa lúc vợ tôi và bà xã của Hoàng vào nhà bếp, tôi kéo Hoàng ra phòng khách và nói :

— Nay ông thi cử đã xong, khỏe rồi, tôi nói cho ông hay tin này:

— Gì vậy, tốt hay xấu đây.

— Tất nhiên là không vui.

— Gì mà ghê quá vậy.

Lặng đi một chút, tôi khẽ nói:

— Chuyên đã chết.

— Đã chết?

— Vâng, Chuyên chết khi tàu đã đến được bờ biển Mã Lai...

Hoàng lặng rất lâu. Ánh đèn từ trên cao chụp xuống tôi chỉ thấy khuôn mặt Hoàng chìm trong khoảng tối âm u.

Sau bữa ăn ấy, tôi ít có dịp gặp Hoàng lại nữa. Rồi được tin Hoàng mở phòng mạch tại một thị trấn khá xa nơi tôi cư ngụ. Ngày tết tôi nhận được thiệp của Hoàng, ngoài các chữ đã in sẵn, chỉ có chữ ký rất vội của Hoàng mà thôi. Ngắm nghía mãi tờ thiệp, tôi đã viết cho Hoàng một lá thư ngắn trong đó có các câu này: "Nhìn tấm thiệp với nét chữ vội vã của ông, tôi biết là ông không có nhiều thì giờ, và như thế là ông đông khách. Mừng cho ông..." Trong lúc viết thư ấy cho Hoàng thì quanh tôi, biết bao nhiêu điều tai tiếng gần xa về cái dịch vụ bất chánh của các vị bác sĩ Việt Nam. Tôi nghĩ đến Hoàng. Người thanh niên xuất thân từ một gia đình bình thường học hành thành tài, chỉ trông vào "chính bàn tay và khối óc của mình". Hoàng đã khẳng khái từ chối sự giúp đỡ của vị hôn thê và chấp nhận một vị trí nào đó trong công bằng và ngay thẳng. Hoàng đã thấy được cái ty tiện, xảo trá của Việt cộng. Hoàng đã nếm trải cái đắng cay tủi nhục của trại học tập cải tạo. Hoàng đã thấy giá trị của con người nhiều khi không bằng một miếng cháy khô... Hoàng hay quá, lý tưởng quá. Trong cái gian nan nghèo khổ, Hoàng đã thắng được. Trong cảnh huống "nửa người nửa thú" của cái trại cải tạo học tập, Hoàng đã đứng vững được. Giữa bão táp của biển khơi, Hoàng đã thắng được... Con người ấy trong như một phiến ngọc, mạnh như một khối thép và tưng bừng như chính những tiếng cười của Hoàng.

Từ đó trong những giờ phút gian lao của việc mưu sinh, hình ảnh Hoàng như ẩn như hiện trước mắt tôi như một ngọn đèn trong đêm tối, như một cái nắm tay ân cần hướng dẫn giữa đường khuya. Tôi thấy vui hơn, sung sướng hơn trong lao động. Vì thế mỗi lần đôi bàn tay tôi xây xước, chảy máu, hay chai đóng cứng, tôi lại thấy như đó là một niềm hãnh diện của mình. Mặc dù không nói ra, trong lòng tôi đôi lúc đã thấy rằng mình thua Hoàng xa quá. Thua xa cái nghị lực bừng bừng của Hoàng. Cái nghị lực cũng đã khiến Hoàng đứng vững được trước mọi gian nan...

□

Cái Tết thứ 9 của tôi tại đây vừa qua đi trong lặng lẽ giữa những ngày lao động dài. Tôi ngồi trước màn ảnh truyền hình, qua mục tin tức thời sự. Hình ảnh khu phố Bolsa hiện ra với các cửa hàng Việt Nam. Những mảnh giấy đỏ chữ kim tuyến còn ông ánh trên các cửa kính "Cung Chúc Tân Xuân", nhưng sự việc thì khác hẳn. Cảnh sát

Mỹ từng toán với súng ống, còng tay, đèn chớp lấp loáng. Rồi những bác sĩ Việt Nam được điệu ra, hai tay bị còng. Các ống kính quái ác cứ xoáy vào các bộ mặt bàng hoàng của các nạn nhân. Cảnh này liên tiếp cảnh khác, nơi này tiếp theo nơi khác. Một nữ dược sĩ còn rất trẻ, vừa mở cửa dược phòng là bị còng ngay. Đôi mắt bơ vơ, hốt hoảng... Rồi các lời bình luận hằn học tiếp theo... Tôi bị cuốn hút vào sự việc trên màn ảnh. Vừa đau xót, vừa tức giận và nhục nhã. Hai bàn tay tôi nắm chặt lại. Vừa lúc ấy màn ảnh hiện lên một cảnh tương tự tại một thị trấn khác, trong khu thương mại Việt Nam và kìa Hoàng, bác sĩ Hoàng hiện ra, trong áo choàng trắng và đôi mặt bàng hoàng... Tôi căng to cặp mắt để theo dõi sự việc trên màn ảnh. Và cũng chính lúc ấy màn ảnh hiện lên khuôn mặt của Hoàng. Vẫn khuôn mặt ấy, đôi mắt ấy hướng về tôi. Hoàng liếm môi rồi mím lại. Đôi quai hàm hằn lên đầy nỗi chịu đựng. Tôi như đọc thấy trong đôi mắt ấy bao nhiêu bỡ ngỡ, bàng hoàng và rất nhiều cay đắng. Cảnh sát đã đưa Hoàng vào xe. Ánh đèn xanh đỏ lấp loáng, và hết.

Tôi lặng đi rất lâu, bất động. Hai tay tôi lần lượt xoay xoay vào cổ tay mình. Tôi có cảm tưởng như chính tôi vừa bị còng. Và lúc ấy tôi thấy như thinh không chẳng chịt bao nhiêu là mắt lưới đang bủa xuống quanh tôi. Từ đó, tôi hẫng đi như người vừa rơi xuống một vực thẳm tối tăm. Trong những chuỗi ngày miệt mài lao động tôi thấy rằng: Giữa nỗi đắng cay của kẻ thất trận tha phương, chúng ta sống giữa nơi này mà như mù lòa chói mắt, không thấy được những mắt lưới vô hình rình rập chung quanh. Tôi chỉ còn thấy đôi bàn tay thô cứng vì lao động của mình. □

Phan Lạc Tiếp
San Jose tháng 7/85

PHÂN ƯU

Nhận được tin buồn nhà văn

THANH NAM- TRẦN ĐẠI VIỆT

đã qua đời tại thành phố Seattle tiểu bang WA Hoa Kỳ ngày 2 tháng 6 năm 1985, sau một thời gian bệnh ngặt nghèo.

Ban chủ biên và các văn hữu cộng tác với Văn Học Nghệ Thuật xin phân ưu cùng chị Túy Hồng, và cầu chúc cho linh hồn anh Thanh Nam chóng về Cõi An Lạc đời đời.

Võ Phiến, Nhật Tiến, Lê Tất Điều, Võ Đình, Trúc Chi, Phạm quốc Bảo, Bùi Vĩnh Phúc, Nguyễn Tất Nhiên, C.H.T.N.Nha Trang, Nguyễn Mộng Giác, Trùng Dương, Trần Diệu Hằng, Đoàn Thêm, Phan Lạc Tiếp, Đỗ Quí Toàn, Luân Hoán, Chu Vương Miện.

Vũ Huy Quang dịch

Mimi-Nashi Hoichi

truyện ngắn của nhà văn Nhật Lafcadio Hearu.

Quãng chừng trên 700 năm trước, tại địa danh Dan-No-Ura, trên sông lạch nơi cửa biển Shimo Uoseki, một đại chiến diễn ra giữa lực lượng Heiké, lãnh chúa Taira, và lực lượng Genji, lãnh chúa Minamoto. Lực lượng Heiké bị tuyệt diệt, các tử sĩ chôn tại mồ chôn tập thể, nay còn có tên là Antoku Tenno.

Biển cả và bãi biển vùng đó đầy hồn ma ai oán cho tới 700 năm sau bởi uất khí của những người tử trận.

Ma ám lên cả tới những con cua vùng đó. Dân trong vùng gọi là cua Heiké. Có con mang phảng phất nét mặt người trên vỏ cua. Vào những đêm tối trời, các đốm lân tinh bay là là vùng biển, vùng rạch quyện lấy nhau trông rất rõ, dân đặt tên là Lửa Ma, Oni-bi. Lửa này chập chờn xen với tiếng gió rít, tiếng sóng gào ghê rợn tới đỗi không ai không công nhận dư âm của trận đánh kinh khiếp vẫn còn diễn ra tới tận giờ này.

Giòng giõi họ Heiké còn sống sót những thế kỷ sau đó thường phải làm lễ giải oan các vong hồn uổng tử bằng cách làm những thuyền trận rồi cho những người tế lễ đánh đắm. Lại còn thêm vụ chiêu hồn người chết bằng cách xây thêm một ngôi chùa, kế cận ngay nghĩa trang đã chôn họ để thờ cúng bài vị. Các ngôi mộ được xây có vòm chứ không bị san bằng như thuở xưa. Dẫn rồi bớt được những sự tác hại, tuy nhiên hiện tượng ma quái không phải tuyệt hết được.

Sống tại ngôi chùa Akamagaséki — ngôi chùa được dựng lên gần nghĩa trang chôn các dũng sĩ Heiké — có một gã mù, tên là Hoichi, có biệt tài kể chuyện vừa đệm nhạc cụ cổ biwa (gồm bốn dây và khảy

bằng miếng sừng chuốt nhỏ). Gã này từ bé đã được dạy cách kể chuyện sao cho hấp dẫn cùng với cách đệm bằng đàn biwa, gã xuất sắc tới đỗi vượt tài cả các sư phụ hắn, rồi trở nên nhà nghề. Gã nổi danh, vì khi nhắc đến hắn, ai cũng biết và muốn nghe hắn kể sự xung đột giữa Heiké và Daji. Người ta còn đồn khi hắn cất tiếng hát bài Dan-No-Ura, ngay cả bọn giết mướn cũng không cầm được giọt lệ.

Trước khi dời về chùa, Hoichi rất nghèo. Sau gã được nhà sư trụ trì chùa hết lòng chăm sóc và đỡ đầu. Nhà sư được nghe hắn kể chuyện vài lần đã bị tài nghệ của hắn hấp dẫn, rồi mời hắn về ở luôn trong chùa. Hoichi chỉ còn việc trả ơn khi nhà sư rảnh rỗi bằng cách biểu diễn tài nhạc và tài kể chuyện của hắn cho vị sư nọ nghe.

Một đêm mùa hạ, vị sư phải đi việc tang ma với các chú tiểu, Hoichi ở chùa một mình. Và vì trời nóng, gã lần mò ra hành lang trước buồng ngủ ngồi hóng gió. Hoichi có ý đợi nhà sư, và vì buồn bã, hắn lấy đàn biwa ra tập dượt thêm. Đã quá nửa đêm mà không ai về, trời vẫn quá nóng nên Hoichi vẫn ngồi ngoài một mình hóng gió. Sau cùng gã chợt nghe tiếng chân nơi cửa hậu chùa. Cửa hậu này thông với khu vườn nhỏ. Bước chân nặng nề của vài người đi thẳng đến Hoichi, gã này chỉ dùng tai nghe cũng biết không phải bước chân quen thuộc của nhà sư. Đang bỡ ngỡ, bỗng một giọng kêu tên hắn, đầy uy quyền của một Samurai chính gốc: "Hoichi!".

Gã mù ngập ngừng, tiếng quát lại cất lên "Hoichi!". Gã đáp lại "Hai!" Gã run sợ tiếp thêm "Thưa ngài, tôi mù — Tôi không biết được ai gọi".

Giọng nói dịu dàng hơn "Đừng sợ, ta đến đây vì có lệnh. Chúa công ta, địa vị cực tôn quý có ghé thăm Akamagoséki, với rất đông tùy tùng, ngài đã thăm viếng nơi trận đánh Dan-No-Ura ban ngày và nghỉ đêm gần đây. Có người nói ngươi có tài thuật lại trận chiến này, Chúa công cho đòi ngươi đến. Đứng dậy, cầm đàn biwa và đi lập tức".

Không ai muốn cãi lời một Samurai hết cả, Hoichi móc quai dép, đứng lên với cái biwa bước đi như chạy theo người ra lệnh. Khi hắn hơi lơi bước, hắn mường tượng bàn tay dìu hắn cứng như sắt, cảm thấy đầy đủ giáp trụ leng keng trên người của một Samurai sắp lâm trận.

Hoichi có lúc tự an ủi: nếu hắn trình diễn trước một đại sứ quân, chắc sẽ có tiền thưởng hơn so với một bộ tướng. Và hắn chưa được vinh dự này lần nào. Thình lình người kiếm sĩ dừng bước. Hoichi có cảm tưởng như vừa bước tới một cửa thành thiệt lớn, sau tiếng quát "Kaimôn!" Oai vệ của kiếm sĩ ra lệnh cho lính gác, Hoichi tiếp tục bước, giống như đi ngang một khu vườn bao la, qua nhiều trạm kiểm soát. Bỗng một giọng cung kính cất lên "Hoichi đã tới, xin trình diện". Vô số bước chân dồn dập, cửa, liếp kéo, mở. Có nhiều giọng đàn bà sang quý thì thầm bên trong. Rồi một người dìu hắn bước lên bờ tam cấp, hắn đoán biết lúc nào phải bỏ dép đang mang ở chân, và rồi hắn bước lên những thảm lụa mát rượi. Hắn có cảm tưởng các đại quý tộc

tụ họp xung quanh, đang nhìn hắn. Những giọng nói nho nhỏ, cho hắn biết thêm tầm quan trọng đêm nay. Chắc chắn có đại sứ quân ngồi trên kia.

Hoichi được ra lệnh thong thả; có người hầu cận đưa cho hắn cái gối quỳ. Sau khi lên dây đàn, một giọng đàn bà quyền uy tới mức hắn cảm thấy đó là giọng của Rojo (vị chánh thất của lãnh chúa), ra lệnh:

"Cuộc kể chuyện phải được bắt đầu ngay bây giờ — và có đàn biwa kèm theo!"

Vì quá nhiều chi tiết quanh trận đánh Dan-no-ura, Hoichi cất tiếng thưa:

"Cả câu chuyện quá dài, kính xin cho kẻ mù này biết sẽ được hân hạnh kể phần nào?"

"Ngươi hãy kể phần bi tráng nhất"

Hoichi cất tiếng. Hắn tả tỉ mỉ từ tiếng gào của biển — đệm theo một cách tuyệt diệu với đàn biwa — tới cảnh chiến thuyền va chạm nhau, tiếng gầm thét của chiến sĩ, tiếng rít của đường tên, tiếng bật của dây cung, tiếng sắt thép va chạm của võ khí với những đường gươm thần tốc, tuyệt hảo, tiếng vỡ của giáp trụ cùng tiếng sột soạt của da thịt bị băm vằm...

Thỉnh thoảng có tiếng thì thầm quanh hắn "Hay quá", "Sợ quá, hấp dẫn quá..." Hoichi ngày càng cao hứng, hắn cất tiếng ca những bản hùng ca xuất trận đầy bi tráng với hết cả tâm hồn, hắn chuyển qua chi tiết của sự tàn sát tới đàn bà, con nít, cả về vương tôn Nii-No-Ama, đã chịu thảm tử trong tay mẹ — thì vô khối tiếng thì thầm nổi lên, và như không nén được, vô số tiếng khóc bật lên nức nở xót thương cho những người xấu số; Hoichi bỗng rùng mình kinh sợ bởi chính cảnh hắn vừa diễn tả, vừa bởi vẻ đau thương hắn gây ra cho các công tôn vương tử nghe hắn kể chuyện. Rất lâu, những tiếng khóc rên rỉ còn mãi khi hắn đã dứt lời.

Tiếng đàn bà mà hắn đoán là người đã ra lệnh lúc đầu lại cất lên "Chúa công rất hài lòng. Sẽ có tiền thưởng xứng đáng cho ngươi, kể từ mai, đúng như giờ tối nay, sẽ có người tới rước ngươi. Chúa công sẽ nghe ngươi trong sáu đêm thôi. Đặc ân cho ngươi được đến đây, ngươi không được hé ra cho người nào biết. Chúa công vi hành phải được giữ hoàn toàn bí mật. Giờ, người được về!"

Hoichi - cảm thấy người tiễn và dắt hắn ra cửa cũng là người đã dắt hắn vào nội cung. Khi tới chùa thì trời đã gần sáng. May mắn là không ai biết bí mật này. Vị sư cũng trở về nhưng sau gã một lát. Mọi người yên trí Hoichi vẫn ngủ. Dĩ nhiên ban ngày Hoichi phải ngủ bù. Tối đến, vị Samurai lại xuất hiện và mang Hoichi đi trình diễn nghệ thuật của hắn. Sau lần thứ hai này, hắn không được may mắn vì chùa đã phát hiện sự vắng mặt của hắn. Vị sư nói:

" Bạn Hoichi, bần tăng rất lo vì bạn lòa mà còn đi ra ngoài ban đêm có một mình. Có gì bạn cho chúng tôi biết, tôi cho người đắt bạn

đi. Bạn đi tận đâu mà không ai được biết như vậy".

Hoichi trả lời "Bạn à, tôi có việc riêng mà cần tới đổi không đi ban ngày được. Tôi phải làm một mình. Xin để mặc tôi".

Nhà sư quá ngạc nhiên vì Hoichi tự nhiên tỏ ra nghiêm trọng và cứng đầu nhiều hơn là bực mình. Nhà sư cảm thấy có sự bất thường và không hỏi thêm gì - nhưng kín đáo dặn dò cho người theo dõi hành tung của Hoichi về đêm.

Ngay tối sau, hai chú tiểu lập tức thắp đèn lồng, âm thầm theo bước Hoichi. Đêm ấy trời đen như mực, và có mưa. Một lát thì mất hút Hoichi, hai chú cảm thấy lạ lùng vì Hoichi mù mà đi nhanh lạ thường. Chia nhau ra, họ đi kiếm quanh vùng kế cận, sục sạo mãi khi tới gần nghĩa trang Amidaji, họ nghe tiếng đàn biwa nổi lên một cách giận dữ.

Hai chú tiểu nhìn về phía nghĩa trang. Trời đen như mực, vài đốm lân tinh bay là là. Họ lần mò lại gần thì thấy Hoichi ngồi một mình trong mưa, trước ngôi đại mộ Antoku-Tenno. Gã mù say sưa chơi đàn, cất tiếng hát bản Dan-no-ura. Quanh gã ánh lửa ma trơi nổi lên cùng khắp, y như Hoichi ngồi giữa rừng nến. Cảnh tượng vừa lạ, vừa kinh sợ vì lửa ma Oni-bi vây quanh một mình Hoichi chưa bao giờ hai chú tiểu thấy nhiều đến thế.

Hai chú tiểu cất tiếng gọi Hoichi. Gã mù trả lời giọng trang trọng:

"Làm rộn tôi trước đại hội công tôn là điều không tha thứ được!". Dù cho trong cảnh kỳ bí đáng sợ, nghe giọng Hoichi, hai chú tiểu phì cười và phải lôi kéo lẫn vật lộn mới mang được Hoichi về chùa.

Hoichi được cho thay quần áo khô, nghỉ ngơi cho lại hồn, và được cho ăn. Sau đó nhà sư bắt Hoichi kể lại đầu đuôi câu chuyện.

Phải khuyên giải cùng tỏ thái độ giận dữ, nhà sư mới làm Hoichi kể lại chuyện của chính gã đầu đuôi.

Vị sư nói "Bạn Hoichi, bạn bị ma làm. Nếu tôi biết sớm hơn, bạn đã không ngày càng tệ như vậy. Bạn phải nghe tôi, rằng bạn đã ra nghĩa địa mà ngồi qua hai đêm rồi. Bạn đã nghe và nói chuyện với ma quỷ. Nếu bạn tiếp tục tuân lời chúng, bạn sẽ bị hại rất thảm khốc cho ngay bản thân bạn. Tôi phải có việc rời chùa nên không ở gần bạn được hôm nay, nhưng tôi sẽ giúp bạn chống lại ma quỷ. Tôi bảo vệ thân thể bạn bằng cách viết mật chú lên chính thân bạn.

Ngay trước chiều tối, Hoichi đã được vẽ bùa, chú trên khắp thân thể bằng bút lông. Vị sư nói "Thân thể bạn sẽ không bị ma làm hại, tuy nhiên tối đến bạn không được trả lời bất cứ câu gì với lũ ma quỷ. Hoichi à, bạn cứ ngồi chỗ cũ, giống như nhà tu ngồi thiền, chỉ cần không trả lời, không cất tiếng là thoát nạn".

Bùa, chú trừ tà vẽ toàn thân Hoichi, từ đầu mặt, cổ, tay, chân, kể cả gan bàn chân, vẽ theo mật tông Hannya- shin-Kyò.

Tối đến, sau khi vị sư và các chú tiểu đi khỏi, Hoichi ra hành lang

ngồi, đàn biwa bên cạnh, Hoichi xếp bán-già im lặng, theo tư thế ngồi thiền. Gã không dám ho và thở rất nhẹ, hàng giờ như vậy.

Rồi, gã nghe thấy tiếng chân của nhiều người. Họ bước qua cửa hậu Chùa như lần trước, đứng trước mặt gã: "Hoichi!". Có tiếng kêu tên gã. Gã không đáp lại. Giọng nói cất lên lần thứ hai, rồi lần thứ ba, ngày càng gay gắt "Hoichi!".

Gã mù im lặng. Giọng nói càu nhàu "Không ai à? Ta phải kiếm hắn mới được". Nhiều bước chân lục lạo quanh hành lang, và phòng ngủ của Hoichi. Một quãng im lặng lâu lắm, tim Hoichi như vỡ tung khi có giọng thì thầm bên tai hắn "Này đây là cái đàn biwa, này đây là đôi tai của Hoichi, ta không thấy gã đâu cả. Hoichi biến đi mất rồi, cả mồm miệng tay chân hắn, do đó hắn không trả lời được. Nhưng còn lại đôi tai hắn mà ta thấy đây. Ta sẽ mang đôi tai này về trình Chúa công, lệnh Chúa công truyền ra vẫn được tuân hành bằng cách này hay cách khác."

Ngay sau đó, Hoichi thấy đau như buốt da bởi đôi vành tai của hắn bị những ngón tay như sắt giựt ra khỏi đầu hắn. Hoichi nghiến chặt răng để giữ sự im lặng tuyệt đối. Rồi những bước chân nặng nề bước trên hành lang nhỏ và xa dần. Gã mù cảm thấy máu ri rỉ từ hai bên lỗ tai rách nhưng gã vẫn không dám đưa tay lên gạt.

Trước khi rạng đông, nhà sư và đoàn tùy tùng về tới chùa. Bước lên hành lang, nhà sư dẫm lên vật gì lầy nhầy. Giật mình, vị sư lấy lồng đèn soi thì thấy máu đọng từng vũng dưới chân. Hoichi ngồi bên, như đắm chìm trong cơn thiền định, máu vẫn chảy ri rỉ hai bên tai.

"Hoichi, Hoichi, bạn có đau lắm không!".

Nghe giọng quen thuộc của vị sư, Hoichi từ từ mở mắt, và bật khóc.

Hoichi kể lại chuyện.

Nhà sư thảng thốt kêu: "Thương thay cho bạn. Lỗi hoàn toàn do tôi. Khắp thân thể bạn được bảo vệ không chỗ nào sót, trừ đôi vành tai. Các chú tiểu sơ sót mà tôi cũng quên không kiểm soát lại. Dù sao, từ nay bọn ma quỷ không làm hại bạn thêm nữa được".

Vị thầy thuốc trong làng được gọi tới săn sóc vết thương cho Hoichi, và ít lâu sau Hoichi đã lành. Chuyện Hoichi bị ma bắt vì tài kể chuyện càng làm gã thêm danh tiếng. Nhiều danh gia tới tận Akamagaéki cốt chỉ được gặp và nghe hắn. Và Hoichi có thêm tiền của... Nhưng từ khi hắn bình phục vết thương, hắn có thêm cái tên Mimi-Nasshi-Hoichi, có nghĩa là "Hoichi cụt tai".

Thơ Trúc Chi

Đồng Lau có kẻ làm thơ
Lãng du để nhịp hải hồ sóng đưa
Gác chuông có buổi ngủ nhờ
Nhìn sao hôm mọc chợt ngờ tiền thân

Nghiêng bầu nhắp ánh nguyệt luân
Chén xa vô thủy chén gần vô chung
Cuộc say nào chẳng vô cùng
Chén nào chẳng khởi duyên trùng trùng duyên.

Chùa bên con vượn tu thiền
Đãi người khách tục rượu tiên một tuần
Vượn rằng men chốn không môn
Hương chưa vô diệt vị còn vô sinh

Mai sau có nhẹ gánh tình
Buổi tu không áo nhật bình cũng tu
Về đây ta lại tạc thù
Hồi chuông sóng rượu qua bờ phù sinh

Nực cười chú vượn mắt xanh
Dễ ai quẩy đỡ gánh tình cho ai
Rượu thơ dóng trước còn dài
Cái sầu vạn cổ chất đầy dóng sau

Ngao du quẩy gánh tiêu sầu
Tới lui hoàn vũ ra vào càn khôn
Thong dong ngồi tựa đầu non
Một bờ sương đọng mấy cồn mây trôi

Kiếp sau dù lỡ làm người
Thì xin phổ trọn điệu bài tình ca
Sóng sầu chờ lặng dư ba
Trả Ta cho Nghiệp trả tơ cho tình

Màn sao che trọn giấc lành
Chiếu trăng rộng trải lót hình phù du
Đếm sao có buổi thử đùa
Mà trong vô lượng lững lờ cái không

Giọt sương ngủ trọ nhánh tùng
Bỏ về thiên cổ buổi vừng đông lên
Lâng lâng chuông sớm qua miền
Hơi sương nương lớp sóng thiền về khơi

(trích tập Mấy Lần Tơ Vương)

Giá mỗi cuốn $ 8.50(kể cả cước phí)
Muốn mua sách xin gửi về:
Tuần Báo Dân Tộc
414 E. William St, 3.
San Jose, CA, 95 112, Phone : (408) 998 8290.

Võ Ngã

Đêm Linh Thánh

Được thả dây cương, con ngựa bước một đi xuống núi. Chặng đường này, sáu mươi năm trước, một bọn người khai phá Viễn Tây đã vượt qua vào đúng lúc rạng đông, trong chết chóc, nhưng bây giờ chỉ là một đoạn đường bình thường, tuy có nhiều đèo cao dốc thẳm. Trên lưng ngựa, Kwan Fung Wu lơ đãng nhìn cánh đồng hoang vu trước mặt, hồi tưởng lại quá khứ cũng ly kỳ và dài dặc như con đường vạn lý đã đi qua. Bỗng anh cất tiếng ngâm, giọng trầm trầm, cảm khái:

Sứ pụ so di dẫn,
Chen lí phu dẩu sỉnh.
Sú liảo phu di xi,
Sinh sảm sanh dử mỉn...

Thập bộ sát nhất nhân,
Thiên lý bất lưu hành.
Sự liễu phất y khứ,
Thâm tàng thân dữ danh...

Giọng ngâm thật buồn nhưng mắt anh sáng rực như chứa đựng một ý chí sắt thép.

Theo cha đến Mỹ khi mười lăm tuổi, Fung Wu đã làm đủ nghề: phu làm đường xe lửa Xuyên Mỹ, phụ bếp trong một quán ăn Trung Hoa, rửa bát trong một tiệm ăn Pháp, bồi bàn trong một cafeteria Mễ... Không nơi nào anh ở quá nửa năm. Giờ đây anh theo dấu chân những người đi tìm vàng vùng Cựu Kim Sơn. Nhưng chính anh không đi tìm vàng. Mục đích của cuộc viễn hành gần như vô định chỉ có mình anh biết...

Mấy hôm nay Fong Wu đi qua nhiều thị trấn bỏ hoang: El Paso, El Dorado, El Poco, San Perdido... Các thành phố ấy nhà cửa vẫn y nguyên duy chỉ có hồn đã đi mất khi bọn người săn vàng đổ xô nhau đi tìm những mạch mỏ mới. Cho tới chiều nay, trên đường ngược lên phía Bắc, anh cũng chỉ gặp những làng mạc không hồn. Bỗng anh reo lên: "A ha!... Có thế chứ!..." vừa thúc ngựa chạy nhanh thêm. Thì ra trước mặt, trong một thung lũng tiêu điều, thấp thoáng một gác chuông, một giáo đường..., một saloon,... nhiều nhà ngang, phố dọc. Thị trấn này có vẻ lớn hơn các làng đã gặp nhiều. Trong nắng chiều, nhà cửa sơn phết xanh, đỏ, trông thật đẹp mắt. Nhưng quái lạ! Không mái nhà nào có khói bốc lên! Không một bóng người qua lại. Chả lẽ cả đàn bà, con trẻ cũng đi đào vàng?... Fong Wu thúc ngựa phi lên. Tới gần, thấy cửa giáo đường mở toang, phố xá vắng ngắt... Trời đất! Một thành phố đẹp đẽ như vầy mà họ cũng nỡ bỏ đi! Đúng là thả mồi bắt bóng. Fong Wu thở dài, xuống ngựa, buộc cương vào lan can saloon, đẩy cửa bước vào; bàn ghế vẫn y nguyên, chỉ phải cái đầy bụi. Quầy rượu nhện giăng cũng nguyên vẹn, không bị đập phá. Chắc có người nào đó đã tung tin là vừa tìm một vùng đầy mỏ vàng nên dân chúng mới ùn ùn kéo nhau đi, không kịp phá phách cho đã đời. Nhìn lên tường saloon, Fong Wu bỗng cười sằng sặc, chi chít những dòng chữ viết sai chánh tả, khi thì chất phác, ngây thơ, khi thì tiểu lâm, tục tĩu: "Madre de Dios! Soy el hombres mas rico de este Pueblo!", ...", Son of bitch! I'm tycoon now...", "Putain de moine!... Demain je pourrai enculer toutes les filles de Paris!!!". Fong Wu lắc đầu: dân Pháp đánh chết cũng không bỏ được cái tính làm bộ ta đây dí dỏm, vì dưới câu tiếng Pháp lại có một câu khác, chắc của người khác viết, phê bình anh trên: "Pauvre con! Tu ne sais pas qu'elles sont toutes véreuses?..."

Đúng là "tháp Babel".

Đi một vòng quan sát thấy trong quán hết nhẵn mọi thứ, Fong Wu phủi bụi trên một bàn, cởi bọc trên lưng lấy ra một khúc bánh mì khô: "Tiệc Giáng Sinh của mình đây!" Anh gặm mẩu bánh mì một cách ngon lành, cởi bi đông đeo bên hông đưa lên miệng tu một ngụm nước lạnh. Xong bữa tiệc Giáng Sinh.

Trời bắt đầu nhá nhem tối. Anh trải chiếc mền vẫn buộc trên lưng ngựa xuống sàn nhà, gỡ chiếc yên ngựa xuống làm gối, phủ nửa chiếc mền lên người. Mười phút sau Fong Wu ngáy khò khò. Anh vô tư chăng? Chưa chắc. Nhưng chắc chắn tâm tư anh an lạc hoàn toàn.

□

... Tửu quán "The Cactus Flower" đêm nay vui quá mức. Tiếng cười nói ào ào. Quanh quầy rượu khách bu đầy. Ai nấy ăn mặc tươm tất: áo jacket đàng hoàng, quần ũi thẳng nếp, cổ thắt "nơ", nhưng tức

cười là ai nấy đều kè kè khẩu "côn bạt" bên hông, dây đạn quanh bụng. Chỉ có Fong Wu là áo quần lam lũ, mặt mũi phong trần, hông không súng, thắt lưng không bao đạn. Anh ngồi riêng một bàn trong góc quán. Chờ mãi cô hầu bàn chả thấy lại, anh búng hai ngón tay đánh "tách" một cái để gọi. Bàn bên cạnh, một tửu khách lừ đừ quay lại, mặt mũi rất cô hồn. Hắn hất hàm hỏi Wu: "Mày muốn gì? Làm tàng há!..." Tuy thấy khi không lại có người cố tình gây sự với mình, Fong Wu vẫn cười, miệng ngoác đến mang tai: "Thưa ông, tôi muốn xin việc làm, tôi muốn xin một chân đầu bếp!... Tôi nấu cơm giỏi lắm: cơm Tàu, cơm Tây, cơm Y-Pha-Nho, đủ cả..." Câu trả lời chẳng ăn nhập gì với câu hỏi làm người ngồi cùng bàn với hắn phì cười. Tên cô hồn quắc mắt; như có phép phù thủy, khẩu côn-bạt đã nằm gọn trong tay hắn, họng chĩa vào ngực Wu: "Rỡn mặt hả? ..."

— Thực mà, tôi đâu có rỡn, Wu trả lời. Tôi là đầu bếp có hạng mà. Nếu ông mướn tôi, ông sẽ hài lòng với món bác-bơ-cu có một không hai của tôi.

— Ai thèm thuê "đồ gà chết" như mày!

— Tôi đòi ít lương lắm, thế nào chả có người thuê.

Wu quay sang người vừa mới cười ban nãy: "Chắc ông cũng muốn có một người đầu bếp giỏi với đồng lương rẻ mạt?

Thấy tên da vàng dám ngang nhiên cãi tay đôi với hắn, tên cô hồn hét lên: "Tao cấm mày...". Nhưng Fong Wu đã cướp lời: "... Cấm tôi làm việc cho ông ấy? Ồ! Thì hai ông sẽ nói chuyện với nhau! ... Tôi sẽ theo ông nào nhanh tay nhất!"

Vừa nói Fong Wu vừa nhìn vào họng súng tên cô hồn, như muốn bảo: "Thì hãy đọ súng với ông ấy đi, xem ai bắn nhanh!..."

Người ngồi cạnh tên cô hồn cắn môi để khỏi cười thành tiếng, trước cách "đá ba lông" của Fong Wu. Ông ta vội dàn hòa: "Thôi mà, ông bạn! Cãi nhau với nó làm gì? Đêm nay là đêm Christmas, đêm của Tình Thương mà!..." Tên cô hồn thở một cái thật dài, như để trút nỗi bực dọc; hắn đút súng vào bao, rồi quay lại nhấm nhá ly huýt-ky.

"Tách!", tiếng búng tay khô khan lại vang lên sau lưng hắn. Hắn quay phắt lại nhìn Wu, đôi mắt tóe lửa. Nhưng Wu đâu có nhìn hắn. Anh đang vẫy cô hầu bàn, một tay làm hiệu rót rượu vào miệng. Tên cô hồn gầm lên: "Tao cấm lũ chó da vàng chúng bay không được có những cử chỉ hỗn xược đối với người da trắng! Lôi thôi tao bắn bể sọ!..." Người ngồi bên cạnh vội can: "Thôi mà! Đêm nay là đêm linh thánh! Bỏ qua đi, ông bạn!..." Tên cô hồn lầu bầu chửi thề, trong khi cô hầu bàn tiến lại, hỏi trống không: "Muốn gì?"

— Champagne! Wu trả lời gọn lỏn.

Từ lúc tên cô hồn to tiếng, cả phòng quay lại nhìn, im phăng phắc. Chàng trai Trung Hoa bấy giờ nét mặt lạnh như tiền. Anh nhón lấy chiếc dao ăn bằng hai ngón tay, đưa lên trước mặt và thong thả uốn chiếc dao lại. Con dao hình như mềm như bún, xoắn lại thành vòng, thành nhiều vòng, càng lúc càng sít nhau. Mọi người nín thở,

say mê nhìn Fong Wu làm "xiếc Á Đông". Khi cô hầu bàn mang chai Champagne đặt lên bàn với một cái ly hình hoa uất kim hương thì chiếc dao đã biến thành một cục sắt tròn. Đặt cục sắt xuống bàn, Wu tập trung sinh lực và ý chí vào lòng bàn tay rồi đập mạnh xuống. "Rầm!" Khối sắt lún sâu vào bàn như bị đập bởi một búa tạ. Toàn thể các tửu khách vỗ tay. Wu cúi đầu cám ơn, rồi cầm chai champagne lên. "Phắc!" cườm tay phải nhanh như điện chặt vào cổ chai; cổ chai gẫy lìa, ngọt sớt, rượu phun ra như mưa. "Merry Christmas, men!" Wu giơ chai lên chúc mừng cử tọa. Toàn thể cùng nâng ly chúc lại: "Merry Christmas, You too!". Dân địa phương có tiếng là phân biệt chủng tộc, nhưng giờ đây họ thấy rằng tên da vàng này cũng có vài ngón nghề đáng nể. Mặt tên cô hồn xám ngắt nhưng Fong Wu không hề để mắt tới hắn. Anh lại cầm chiếc đĩa đựng bánh mì lên, một loại đĩa bằng sứ thô, dầy và khó vỡ, một ngón tay búng vào chiếc đĩa; cái búng coi bộ hời hợt như không nhưng "cách!" chiếc đĩa vỡ đôi. Anh bẻ một miếng nhỏ và "tăng!", trên cây thông Giáng Sinh một ngọn đèn cầy tắt phụt. "Tăng! tăng! tăng!... Mấy ngọn đèn cầy khác lần lượt tắt, trong khi Wu vừa cười vừa nói: "Đây chỉ là một trò chơi chẳng giết được ai, trừ phi bắn trúng mắt, yết hầu...". Cả phòng im phăng phắc, nhìn chàng trai da vàng biểu diễn tuyệt kỹ. Khi ngọn đèn cầy cuối cùng tắt phụt, toàn thể lại vỗ tay hoan hô. Một người đứng tuổi, tóc hoa râm, tay cầm ly rượu, ngồi xuống cạnh Fong Wu, thân mật bảo: "Khá lắm, anh bạn trẻ! Anh học trò chơi này ở đâu đấy?"

— Cám ơn! Tôi học bố tôi đấy! Fong Wu trả lời. Có điều bố tôi dạy ném dao chứ không phải dạy búng sỏi! Loại dao nhỏ và mỏng như lá liễu, chúng tôi gọi là "dao lá liễu". Bố tôi có lần đã dùng dao lá liễu giết một lúc chín tên chó săn của triều đình Mãn Châu..." Wu cao giọng cốt cho mọi người nghe thấy với ngụ ý: "Với chính mũi liễu đao trong tay, tôi sợ chi côn bạt của các ông!"

— Thế kia ư! Sao ông ta lại giết người như ngóe vậy? Mà triều đình Mãn Châu là cái triều đình nào vậy cà? Người kia tò mò hỏi, giọng có vẻ thán phục:

— Ồ! Chúng nó là một bọn cướp nước, chúng tôi là những người yêu nước, không đội trời chung với chúng. Khi ông già tôi bị bọn chó săn vây bắt tại Quảng Châu, ông đã phải giết chúng để thoát thân. Giết mặt đối mặt chứ không phải giết lén lút, khi chúng không có võ khí để tự vệ.

— À, ra thế đấy! Các anh là những người yêu nước sao không kêu gọi đồng bào làm cách mạng?

— Có chứ! Đã ba trăm năm nay chúng tôi làm cách mạng. Giọng Fong Wu bỗng trầm hẳn xuống, pha một chút ngậm ngùi. Nhưng "mưu sự tại nhân, thành sự tại thiên", máu người ái quốc Trung Hoa đổ đã nhiều nhưng thời cơ chưa tới. Thuở thiếu thời, ông già tôi gia nhập một tổ chức Phục Quốc có tên là "Hội Hoa Hồng". Anh ngẩng đầu, nhìn trần nhà ngâm nga, chẳng cần biết người đối thoại có hiểu gì

không:

Không màng làm tướng quân,
Nguyện làm bông hồng đỏ.
Không màng làm vĩ nhân,
Nguyện đi viết lại sử...
Không màng sống trăm năm,
Chỉ nguyện đời đất tổ.
Không màng thân với danh,
Chỉ nguyện bông hồng nở...

Im lặng một lúc để dằn nỗi xúc động, anh giảng tiếp: "Nhưng về già, ông già tôi đọc các sách triết của Voltaire, Montesquieu, Diderot... nên nhận thấy tôn chỉ Phản Thanh Phục Minh không hợp với thời đại mới. Ông đã thoát ly Hội Hoa Hồng để gia nhập một đảng cấp tiến mà lý tưởng là thiết lập một nền dân chủ công chính như ở đây. Này, đố ông biết các nhà cách mạng nước tôi hay nhắc đến tên ai nhất?"

— Làm sao tôi biết được! Tôi có sang Trung Hoa bao giờ đâu? Fong Wu cười khà khà "Đúng! Nhưng những người mà tôi nói đây lại là người... Mỹ!!! Vậy ông thử đoán xem."

Người kia nhìn Fong Wu một cách chăm chú rồi gật gù: "Hình như tôi đoán được rồi. Có phải là... Washington?"

— Trúng phóc! Còn một người nữa, ông thử đoán xem!

— Chắc là... chắc là Franklin quá

Fong Wu nắm tay ông kia lắc mạnh: "bội phục, bội phục! Ông đoán đúng quá. Nói về Franklin, người nước tôi có hai câu thơ ngưỡng mộ:

Ám tranh tạo hóa lôi đình lực,
Minh trước quân vương bạo ngược quyền.

Câu trên ám chỉ ông là nhà bác học đã chế ra ống thu lôi, câu dưới ca tụng ông đã góp phần không nhỏ vào nền độc lập của nước Mỹ."

Người đối thoại với Fong Wu hớn hở ra mặt vì không ngờ hai vị anh hùng nước mình lại được người ngoại quốc tôn sùng như vậy. Ông ta hứng chí nói với Wu: "Chúc nước anh sớm có một Washington!"

Wu trịnh trọng trả lời: "Cám ơn! Chúng tôi đã có một lãnh tụ có tầm vóc lớn lao như vậy rồi. Mấy năm trước tên tuổi ông ta được giữ hoàn toàn bí mật, nhưng bây giờ không cần thiết nữa vì bọn chó săn Mãn Thanh đã dò ra rồi: đó là bác sĩ Tôn Dật Tiên. Hiện thời bố tôi đang bảo vệ an ninh cho bác sĩ, tại Luân Đôn".

Câu chuyện mỗi lúc một thêm tương đắc, ông già tâm sự: "Hồi còn trẻ tôi có tham gia cuộc Nam Bắc phân tranh để thống nhất đất nước. Tôi đầu quân với cấp bực binh nhì, giải ngũ với cấp bực thiếu úy. Tôi đi lính chẳng phải vì thích đánh nhau mà vì muốn phục vụ xứ sở. Tôi chỉ kính [illegible]ng những người nào dám hi sinh cho một mục đích

cao cả... như các anh chẳng hạn!". Câu sau cùng ông nói oang oang như để mắng xéo tên cô hồn. Rõ ràng là với tư cách một cựu sĩ quan quân đội Union, ông chống lại chủ trương chia rẽ chủng tộc. Trong khi ông đang say sưa kể lại những chiến tích thời trai trẻ thì chuông giáo đường đổ hồi, báo hiệu giờ hành lễ Mi-Sa bắt đầu. Tuy Fong Wu theo đạo Phật nhưng cũng ngoan ngoãn theo chân ông bạn già đến nhà thờ. Đứng hàng ghế sau cùng, anh kính cẩn nghe cha xứ mở đầu buổi lễ: "In nomine patri et fili et spiritus santi, amen..."

Trong khói hương tỏa ngát, tiếng phong cầm rộn rã bay lên. Fong Wu thầm niệm : *"Thỉnh nguyện tối thượng tôn Hài Đồng!*

Tái giáng sinh,
Giải chúu Sa-Ba khổ ách!..."

... Chúa Hài Đồng!
Xin Người hãy thêm một lần,
Giáng thế;
Xin thêm một lần,
Trái đất ngát hương hoa...

□

Trong thành phố bỏ hoang, gió biển đìu hiu thổi. Cửa saloon kêu kẽo kẹt từng hồi. Trên gác chuông chiếc dây thỉnh thoảng lại đong đưa, đụng vào chiếc chuông làm vang lên những âm thanh nho nhỏ. Trong đêm thanh vắng, tiếng chuông vang đi rất xa, đến tai Fong Wu đang mơ ngủ. Thỉnh thoảng anh cười sằng sặc. Có lẽ anh đang sống lại đêm Thánh Vô Cùng hai năm trước, tại thị trấn biên thùy sát Mễ-Tây-Cơ. Có lẽ anh đang niệm dưới chân thánh giá:

Chúa Hài Đồng !
Xin Người hãy thêm một lần.
Giáng thế !
Xin thêm một lần,
Trái đất ngát hương hoa !...

Võ Ngã

Luân Hoán

Thơ cho vợ.

Năm giờ sáng em bắt đầu đến sở
trời mờ mờ tuyết lạnh vướng bên chân
ổ bánh nhỏ trong tay chừng đã mỏi
métro sang bus đã bao lần?

Đường thì rộng đời thì dài mệt mỏi
em âm thầm như một bóng chim bay
lọn tóc rối giấu trong vành khăn ấm
mắt chong đèn trong ngọn bút anh đây.

Ngồi trong sở em vừa làm vừa học
câu đầu tiên hai chữ "bonjour"
đời lận đận ở đâu rồi cũng khổ
"Ça va bien..." em can đảm có thừa.

Có nhiều lúc người chung quanh hỏi chuyện
chẳng hiểu gì cũng "Oui" vội cho qua
tối về nhớ lần mò tra tự điển
thắc mắc nhức đầu buồn bã thở ra.

Đời như vậy phải chăng anh có lỗi
vì yêu em vì quyết định lên đường
cơm với áo tự do và cộng sản
mất hẳn rồi hai tiếng "quê hương!"

Đêm trằn trọc nằm nhìn em say ngủ
muốn hôn lên nỗi mệt mỏi bơ phờ
nỗi chua xót mà em từng chịu đựng
sợ môi hồng làm vỡ giấc em mơ.

Làm sao giấu giùm anh niềm hãnh diện
được làm người, được có vợ con
mười năm nhốt giòng thơ trong lồng ngực
giờ thả bay cho nhẹ tâm hồn.

Em yêu dấu hãy lạc quan tin tưởng
dù thế nào cũng đã hồi sinh
ngẫm cho kỹ vẫn đóng vai nô lệ
nhưng ít ra cũng có phút sống cho mình.

Thơ anh đã viết cho em nhiều lắm
thêm bài này ngàn bài nữa mai sau
nhưng chắc chắn chẳng bao giờ nở hết
những nụ hồng trong giòng máu tim anh.

Hãy ngủ ngon hỡi em yêu hiền thục
mai cuối tuần em về sớm đọc thơ
gắng đừng khóc để mình anh gánh chịu
xứ lạ quê người lạnh nỗi bơ vơ.

Luân Hoán
Montreal ngày 15-3-85

Phan Thị Trọng Tuyến

Xóm nhỏ buổi trưa.

Từ lúc biết chắc chắn ngày giờ, chuyến bay, không khí trong nhà bỗng nhiên đổi khác. Sự sôi nổi ban đầu cách đây gần bốn năm, khi nhận được giấy tờ bảo lãnh của anh Hai tôi, đã bị đè bẹp, nguội lạnh theo ngày tháng. Bây giờ, rút kinh nghiệm dù biết chắc chắn sẽ đi, cả nhà chẳng ai bảo ai, tự động biến nỗi vui mừng, hồi hộp của mình thành những sinh hoạt bình thường nhưng với một tốc độ... gia tăng.

Ba tôi xách xe đạp đi thăm mấy ông già từ sáng sớm, má tôi cứ đi ra đi vô, tính toán, thu xếp; xong xách giỏ đi vô xóm đến nhà cậu Ba tôi. Chị Ngọc cũng sắm sửa bộ cánh, bôi dầu thơm ngát, dắt xe đạp, nối gót ba tôi, đi thăm đám bạn... trẻ.

Căn nhà bỗng rộng thênh thang, buồn bã. Tôi lên sân thượng ngồi nhìn mặt trời mọc cũng sớm hơn. Má tôi quên rầy như mọi lần (có bữa công an nó tưởng ăn trộm nó bắn là tao... chôn mày sớm!"

Tôi ngồi thu-lu cạnh mấy chậu cây, cái áo lạnh trên vai. Buổi sáng tinh khiết, đầy hứa hẹn, xô bồ, bụi bặm như đã chết cả trong đêm. Đường phố thức giấc nhẹ nhàng, chậm rãi. Tôi ngồi lặng lẽ, mở mắt, lắng tai, cố thu hồi tất cả những hình ảnh, âm thanh. Mọi người, mọi vật tự nhiên mang một vẻ gần gũi, thân mật. Mặc dù má tôi vẫn nói:

— Đi xa má chỉ nhớ cây cối, cảnh vật, còn con người... ôi thôi, nói chi cho thêm rầu, bạc bẽo, ác nghiệt, đối xử với nhau nhiều khi còn thua súc vật.

Đó là bởi má đã sống mấy mươi năm nên má cay đắng như vậy, còn tôi...

Tôi ngồi cho đến khi... xô bồ bụi bặm bắt đầu trút xuống con đường. Đ`. công an ở đầu ngõ bắt đầu ồn ào với tiếng tu huýt, tiếng

gọi, tiếng cười, tiếng nạt nộ. Người ta tấp nập qua lại, những nét mặt đăm chiêu, chịu đựng, lo âu, nhiều khi làm tôi nao nao. Cùng sống chung trên đất này, sao kẻ buồn người vui, kẻ thua người được, tranh giành nhau mọi thứ, để rồi dường như sau đó chẳng ai được yên ổn?

Tôi rời sân thượng, trở xuống nhà..., đóng đồ ở ban-công, nhìn ngõ hẻm đã thức dậy tự bao giờ.

*

Cái xóm nhỏ ngày càng đông người, nhà cửa cái cao cái thấp, cái nhìn đông, cái nhìn tây, cái hướng nam, cái hướng bắc. Không tìm ra được một thứ tự nào. Mái lá, mái tôn, mái ngói xen lẫn với mái vải nhựa, bạc phết, vá víu...

Cả xóm chỉ có nhà tôi với ba cây dừa, ông ngoại trồng từ ngày tôi chưa sinh ra, và nhà bà Sáu với cây mận sum suê, là có chút màu xanh, tạo thành một điểm mát mắt của cái xóm kỳ lạ này. Một xóm, ngoài mặt tiền thì có vẻ ngay ngắn, sáng sủa, đằng sau lưng xiêu vẹo, nhốn nháo, lung tung. Nhà bà Sáu đối diện với nhà tôi, cả hai nằm gần khúc quanh của hẽm. Những thân dừa cao, muốn hái trái phải lên sân thượng. Dừa ăn được cũng hơi lâu. Thỉnh thoảng cũng có những bàn tay mạo hiểm (và những bộ giò gan góc) lén lên chặt vài tàu dừa hoặc bẻ vài trái dừa non. Còn cây mận thấp, bắt cái ghế leo lên, cầm cây chổi đập mấy cái là có trái rớt. Đứa nào lanh lẹn thì níu cành leo lên, nằm dài theo cái máng xối với tay đến những nhánh xa. Nghe động tĩnh hay bị hô hoán thì tuột một cái rột hoặc nhảy đại xuống, miệng ngậm ngang chùm mận, trong túi cũng đầy nhóc, quẹo cua thiệt gắt có trời mới đuổi kịp, nói gì bà Sáu!

Thành thử bà khổ sở vì cây mận của bà, cứ vài ngày là tôi thấy bà ra khỏi nhà, day lưng ngó lên cây mận, dòm xuống đám lá rụng, chửi đổng. Tới mùa mận thì khỏi nói, bà chửi ngày một. Hai con mắt trắng dã, mặt mày tái mét, một tay chống nạnh, một tay xỉa xói. Bà chửi xong một tràng, đám con nít cười rộ, đôi khi nhái lại mấy câu "bất hủ" và vỗ tay bốp bốp. Chúng chỉ rã đám và bà Sáu ngưng tiếng khi ông Tư tổ trưởng lù lù đi tới:

— Chị cầm cái họng hay đợi tui chạy ra đầu xóm kêu công an?

Sáng nay bà chưa thức dậy. Cách đó vài căn là nhà ông Tư. Cánh cửa vừa xịch mở, ông Tư bước ra ngoài, tay cầm ly nước. Ông tợp một ngụm, ngửa mặt, thổi không khí qua cái lưỡi gà trong cổ họng rồ rồ, khột khạt một tràng rồi day mặt phun qua... nhà bên cạnh. Lại tiếp tục thổi, khạc, phun... Khi hết ly nước, ông vươn vai, ngáp dài rồi quay vào nhà.

Tôi thấy cu Công từ đầu xóm đi lại, đến gần nhà tôi bỗng chậm chân, đi sát cổng, day mặt nhìn lên cây mận, tìm kiếm. Sáng nay vậy là không khá, trên cây chỉ vài chùm hoa trắng, vài nhánh trên cao có cánh hoa đã rụng, trái đã kết nhưng còn xanh lè, nhỏ bằng ngón tay út.

Thằng bé thất vọng, dựa lưng vào cánh cửa, hai tay khoanh lại, ngửa cổ tìm kiếm. Nếu bắt Công vào nhà, kỳ cọ, xát xà bông, dội nước, nó sẽ rất dễ coi, sáng láng với cái trán cao và cặp mắt hai mí, to, đen láy. Nhưng bộ dạng thường trực của nó là mặt mày lem luốc, hai sợi mũi xanh cứ thập thò., như bây giờ chúng đang bò xuống, sắp sửa chạm môi... sắp sửa... Nhưng không kịp rồi, nó hít vào một cái rột, hai dây mũi thụt mất! Nó chợt quay lưng lại, vừa đưa tay kéo quần vừa ngẩng đầu nhìn lên cây dừa. Tôi ngồi thụp xuống trốn, vừa cười tủm tỉm. Quanh năm suốt tháng tôi thấy nó với độc một cái quần xà lỏn xanh bạc màu và một miếng vá tròn nơi mông. Cái lưng thun không biết đã hết thun hay vì cái bụng lép kẹp có chạy chỉ sọc (vì những đường cáu ghét ngoằn ngoèo), cứ tuột xuống. Thành ra lúc nào hai tay nó cũng bận bịu, không quẹt mũi (hít chưa kịp) thì cũng nắm lấy cái lưng quần bướng bỉnh, kéo vào vòng trật tự.

Dừa thì ngắm cho đỡ thèm chứ làm sao mà với tới. Tôi từ từ đứng lên nghiêng người nhìn xuống. Vừa vặn thấy cu cậu chạy biến vào xóm trong. Tay cầm vật gì. Tôi nhìn xuống cổng nhà, suy nghĩ... Thì ra nó đã tóm gọn cái giẻ lau nhà của má tôi, hôm qua tôi phơi qua cửa rào. Đó là cái quần xanh của anh Hai tôi bận đi học hồi xưa, đã rách te tua, má tôi tiếc nuối gì không biết cứ giữ hoài, mỗi ngày nhúng nước lau nhà, xong giặt sạch sẽ, phơi khô, hôm sau lau nhà nữa.

*

*M*á tôi đi chợ về, than thở:

— May là vài bữa nữa đi. Vật giá kiểu này anh Hai mày đi làm còng lưng cũng chưa đủ tiền ngày hai bữa cho cả nhà. Trời đất, con biết má gặp ai ngoài chợ không?

— ... ?

— Thằng Nhơn !

— ... ?

— Má hỏi nó làm gì đi chợ sớm quá, nó nói nó đâu có đi chợ... nó... ngủ trên mấy sạp rau, vừa mới thức dậy, sửa soạn về nhà!

Nhơn là anh cả của cu Công, nhiều lắm là mười hai tuổi, suốt ngày cũng thơ thẩn khắp xóm, mũi không lòng thòng như thằng em nhưng cũng chỉ độc cái quần xà lỏn (không mụn vá). Cũng cái trán, cũng cặp mắt và cũng một cái bụng xẹp lép (không chạy chỉ sọc).

— Thì ở nhà không đủ chỗ để... ngồi, nói chi ngủ!

Má tôi ngùi ngùi:

— Thấy đứt ruột, mới có bây lớn mà bụi đời! Gặp má là cười, thưa "bà Hai" liền. Nó nói má con biểu đừng về nhà không có gì ăn. Con nghĩ coi, bảy tám đứa con, sáng con Lan luột nồi khoai, lựa củ hư củ sùng phát cho mỗi đứa một củ, rồi lùa đi tứ tán , mạnh đứa nào xoay xở kiếm ăn thêm, làm sao thì làm, chiều về nó cho mỗi đứa một chén cháo trắng.

— Chị Lan sáng nay chưa thấy bưng rổ khoai đi qua.

— Má nghe cậu Ba con nói thằng Thân bị cảm sao đó. Lúc này mà bịnh là... tiêu, tụi nhỏ lấy gì ăn... Thôi, con lên soạn quần áo. Đem theo một hai bộ thôi, còn lại đem cho cậu Ba để mấy đứa nhỏ bận.

Ngày nào má tôi cũng bảo soạn đồ đem cho cậu Ba, hôm qua chị Ngọc đã rên rỉ:

— Má để tụi con có ít ra là một bộ để mặc đi chứ!

— Qua bển mình sắm sau.

Hễ có ba thì ba vặn ngay:

— Thằng Mỹ đem tiền lại cho bà xài à?

— Thì mình đi làm chứ ngồi không sao? Ông chuyên môn nói xóc hông.

Tôi cầm xấp quần áo định gói lại thì nghe tiếng rao "khoai nóng đây" của chị Lan, và tiếng chị kêu cửa. Vào nhà, chị nặng nề ngồi xuống ghế, sau khi đặt rổ khoai lên bàn và đứa con của chị. Trời đất, thằng bé như bộ xương khô, đen đúa và trần truồng như nhộng. Nhìn nó, tôi chỉ thấy cái đầu to quá khổ, khuôn mặt nhỏ xíu và chân tay khẳng khiu như những chiếc đũa tre. Hai con mắt đã lớn, nó lại mở trừng trừng nên trông càng lớn, nhưng ánh mắt thất thần không biểu lộ gì cả. Khi bị đặt xuống, nó nhăn mặt cất tiếng khóc như mèo kêu. Cái mặt khi đó là của một ông già bảy mươi, cặp mắt to vẫn thật thản nhiên. Nó khóc có vài tiếng rồi im, như đã kiệt sức. Má tôi rầy chị Lan:

— Sao cháu không cho nó bú hay uống sữa, để vậy sao nó sống nổi, trời ơi một tuổi mà y như mới sanh vậy?

Chị Lan thở hắt ra, lấy tay đấm đấm lưng, khi đó tôi mới nhận ra là chị đang mang bụng bầu. Chị uể oải:

— Sữa đâu mà bú hả cô Hai, con cho nó uống nước cháo ngày ba bốn lần mà nó cũng vậy. Mấy đứa kia sáng một củ khoai, tới chiều được thêm chén cháo. Chớ cô nghĩ coi, chín đứa mà không nhờ được đứa nào! Nuôi nội cái thân con còn chưa xong!

— Chồng cháu đau sao vậy?

— Hôm kia ảnh đi làm về nói nhức đầu, tối lại nóng như lửa, hôm qua con xin được lá thuốc dân tộc về nấu cho ảnh uống. Chắc cũng đỡ, sáng nay coi mòi khá, hết nóng. Nhưng ngồi dậy chắc chưa nổi.

Chị nói vài câu lại tự đấm đấm vào lưng.

Má tôi chắc lưỡi, lắc đầu, lựa lựa mấy củ khoai. Rồi trả tiền.

Anh Thân là lính nhảy dù ngày xưa. Anh đen đúa, to con dềnh dàng, mái tóc dày lúc nào cũng bù xù nên trông anh càng to. Nhờ đôi mắt đen và cái miệng cười tươi với tiếng nói rổn rảng, cái bề ngoài của anh trở thành thiệt thà, dễ thương. Anh không có nghề gì cả nghĩa là kiêm vô số nghề. Trong xóm ai cần làm gì kêu anh cũng làm. Sửa lại cái máng xối, lợp lại mái nhà, đóng thêm cái cửa, lót lại sàn nhà đã mục, sơn, sửa xe (xe đạp, xe gắn máy, xe hơi). Mục này thì anh rất ăn khách với đám người ở đồn công an. Cho nên ba tôi biết được gia đình tôi có tên trong sổ bìa đen và bất cứ đơn từ gì ba tôi nộp đều được

ông an ninh khóm phê mấy chữ "đề nghị không cấp vì có... con tin ở ngoại quốc". Mấy con tin đây là các anh chị tôi, lỡ kẹt đi du học từ trước năm bảy mươi lăm. Cũng may, cái "chức" của ông không thọ, bằng không ba tôi còn khốn đốn với ông. Riêng anh Thân có lẽ nhờ vậy mà gia đình anh được tha khỏi phải đi vùng kinh tế mới.

Anh làm đủ thứ chuyện nhưng vì ai cũng nghèo mạt rệp, nên họ trả công anh rẻ, có người còn thiếu chịu. Cho nên anh đi làm từ sáng sớm, tối mịt mới về nhà mà đám con đứa nào cũng ốm nhom, đứa này bụng lép đứa kia bụng ỏng. Suốt ngày đi lang thang, không ăn cắp vặt cũng chọc phá lẫn nhau với lũ con nít hàng xóm. Nói cho cùng thì tụi trẻ hàng xóm chẳng khá hơn, chỉ khác cái là bọn con anh lóc nhóc thật đông, đứa nào cũng có đôi mắt của cha. Loại mắt đen, vừa có nét thông minh, vừa có chút buồn rầu, chịu đựng, rất thu hút và dễ làm mềm... lòng người.

Chị Lan than thở một thôi một hồi rồi xin tiền, xin gạo. Tôi nhìn má tôi chờ đợi, má nói với chị:

— Cháu đi bán đi, lát nữa ghé lấy.

Chị ẵm con, bưng rổ khoai đi rồi, má tôi sai lấy hai ký gạo, một chai tương và một hũ chao. Một dịp để má tôi ngồi đay nghiến:

— Xứ sở gì thanh bình chín mười năm mà ngày càng lụn bại. Má đọc truyện Thạch Lam, tưởng nghèo như nhà mẹ Lê là cùng, vậy mà bây giờ mấy gia đình như con Lan thằng Thân, con Cúc thằng Mẫn, bà Chín còn tệ hơn nhiều, không khỏi có thêm một năm Ất Dậu. Quản lý cái kiểu gì không hiểu nổi, mạnh thằng nào thằng nấy vơ vét, sống chết mặc bay... Chánh quyền gì quái dị vậy cà? Mặc tình vơ vét, lớn cướp một kiểu, nhỏ cướp một kiểu. Mạnh được yếu thua. Cái chân lý gì kỳ cục vậy! Thiệt tao thấy y như thời loạn "thập nhị sứ quân"... chớ không phải sao mà mầy cười, giở sử sách ra đọc lại đi con. Dưới đít tủ quần áo... Vậy mà thằng ông nội nào dám nói lịch sử không bao giờ tái diễn, mà nào phải lâu lắc gì cho cam... Thiệt hết nói... Thượng bất chính, hạ tắc loạn, quả chẳng sai!

Từ hơn mấy năm nay, cả nhà thất nghiệp. Tôi và chị Ngọc còn bận đi học, đi chơi, đi lao động, ba má tôi tà tà... rầu rĩ, cãi nhau. Khi ba tôi đi thăm bạn bè tối ngày, má tôi thiếu đối tượng để... kể lể, hài tội (... từ những người đã làm mất nước, những người đã "cướp" nước của bà cho đến ông khóm trưởng, tổ trưởng...). Bà bèn lôi sách ra đọc, trừ mớ truyện chưởng bà chê "xạo hết chỗ nói", không thèm rớ tới, còn bao nhiêu bà đều nghiền ngẫm. Bữa cơm nào cả nhà cũng điếc con ráy vì những lời trích dẫn, bàn bạc của bà. Dù rằng trong nhà ai cũng đã đọc tới "nát bấy" cái tủ sách "hai xe ba bánh đẩy nhóc". Đó là cách nói của má tôi mỗi lần tả oán với người quen về số sách đem bán ve chai hồi người ta vác loa đi khắp xóm kêu gọi tiêu hủy văn hóa đồi trụy. Điều mà tôi không nhắc là bà đã khóc ròng khi chất những quyển sách đóng bìa cứng hay có bao bìa nhựa cẩn thận lên xe ba

bánh. Dù sao đó cũng là gia tài ba má tôi tính để lại, theo lời người xưa "để lại cho con rương vàng không..." cái gia tài đã được bồi thêm bởi anh Hai, anh Ba, chị Tư, anh Năm của tôi trong những năm cuối trung học của mỗi người. Có thể má tôi nhìn những kỷ niệm của các con (quyển nào cũng có ngày tháng và chữ ký của... người mua). Điều thứ hai má tôi không kể với mấy bà bạn là bà còn giấu cả đống dưới gậm giường (bữa nay biết thêm một mớ dưới tủ quần áo), nhất là những sách của Tự Lực văn đoàn.

Lần nào than xong má tôi cũng kết luận:

— Chị thấy không y như thời... Tần thủy hoàng, đốt sách, giết học trò. Hừ, "lịch sử không bao giờ tái diễn", nói càn quá!!!

Lâu lâu bà có màn "xét lại" :

— Ối, ăn nhằm gì mấy cuốn sách, người ta mất tới cái gì lận kìa!

Đó là những dịp má tôi nghe được chuyện của hàng xóm kể hay như lần có ông Tàu quen ba tôi, ghé nhà mếu máo:

— Mấy thằng công an ở phường của "lị" sao mà chó "lề" quá. Giấy xe ngộ mới sang tên chưa đầy tháng mà "ló" kêu giấy giả. Ngộ "lăn lí" quá chời, kẹt ngộ hổng có đem tiền, "ló lói" ngộ ở đó lộn xộn "ló" bắt nhốt. Ngộ sợ quá ngộ bỏ luôn!

Ông ghé nhà để mượn xe đạp ba tôi đi về Chợ Lớn, tội nghiệp cho ông, hoặc vì không giàu, hoặc vì quyến luyến đất nước này, đã chẳng khăn gói ra đi như một số đồng bào của ông, ở lại chia sẻ cái số phận hẩm hiu của dân xứ này!

Mấy hôm sau anh Thân ghé nhà cho biết là "chiến lợi phẩm" của anh bộ đội nọ đã được hợp thức hóa, sang tên đàng hoàng bởi sở giao thông. Trước cửa đồn công an bây giờ thêm một chiếc gắn máy bóng láng!

Má tôi lại tiếp tục mỉa mai, rủa xả, tôi sốt ruột:

— Má coi chừng ông Tư, ổng nghe hay là ông công an khu vực biết, là mình hết đi!

— Sợ gì cái tụi đó!

Nói cứng vậy nhưng má tôi tạm ngưng "phát biểu linh tinh" để nhảy sang than vãn cho hoàn cảnh gia đình chị Lan. Tôi chợt nhớ:

— Hồi nãy chỉ nói mượn hay xin tiền gì đó, má không đưa?

— Đưa để nó lấy đi bỏ bụng một mình? Con đó có đồng nào là ăn hàng đồng đó. Thiệt là tệ, mà tại ai, nói tao nghe coi, đâu phải lỗi nó, nó cũng đói queo râu...

Sợ má tôi sẽ lăn xả và những bài diễn văn dài dòng... nguy hiểm, tôi cười:

— Hôm nọ con thấy chị ấy ngồi ăn ốc gạo ngon lành!

— Đó đó, má cũng thấy, mới đẻ con còn đỏ hỏn mà ngồi húp nước mắm, ăn ốc gạo!

*

Gần trưa, chị Lan ghé nhà, tôi đưa mấy món đồ, chị cảm ơn rối rít, miệng méo xệch:

— Thiệt hổng có cô Hai tui không biết nhờ ai. Tui mang nợ ngập mặt xóm này, hổng ai muốn cho mượn nữa nói gì cho không như vầy, thôi tui về, coi ba sắp nhỏ ra sao, bầy đặt bịnh hoạn... thiệt khổ... Thôi cảm ơn em, cám ơn cô Hai nhiều lắm.

Bữa trước bà Tám, mua nửa căn nhà của ba má tôi, xuống nói với má tôi:

— Sao chị cho con Lan vô nhà hoài vậy, nó ăn cắp một cây, thấy cái gì hở ra là lấy. Đám con nó, thằng Nhơn, thằng Công, con Nga... đứa nào cũng trộm cắp như tinh!

— Vậy a? Sao cũng không thấy mất mát gì, ối mà nhà tui có gì đâu để nó lấy hả chị Tám, thời buổi này mà...

Và má tôi với bà Tám lại "dấn thân" vào cuộc tố khổ chế độ. Hai bà chẳng tha ai, chửi từ những "đỉnh cao" cho đến mấy "thằng ông nội ba mươi", thi nhau kể những câu vè, những câu chuyện truyền khẩu rồi cười ha hả. Ba tôi vẫn cằn nhằn:

— Cái miệng bô bô của bà có ngày mang họa, đừng tin tưởng bà Tám quá...

Má tôi được dịp, nhảy chồm chồm lên:

— Đó đó, ông bị tẩy não rồi, bị tụi nó gieo mầm nghi ngờ, dọ dẫm hàng xóm. Bà con hàng xóm hồi nào giờ, ai muối mặt...

Ờ, thì ai nỡ, vậy mà bà ghé "thăm" cái đồn công an ngoài đầu xóm coi, đầy nhóc kẻ ở ngoài, muốn coi nhà ông Trần Thái thì cứ việc. Chưa bao giờ câu "họa từng khẩu xuất" nó đúng đến như vậy vào lúc này, muốn giỡn mặt tụi nó thì cứ tiếp tục...

Nhà ông Trần Thái rất nguy nga, đẹp đẽ, má tôi vẫn muốn xem ở bên trong. Đợt đánh tư sản, ông bị bắt, cả nhà khóc lóc thảm thiết rồi dắt díu nhau đi đâu mất. Xe đến chở đồ đạc bàn ghế mấy ngày mới hết. Rồi thì nhà ông trở thành đồn công an. Từng dưới cùng làm chỗ nhốt người ta, từng giữa làm nơi cung cấp giấy tờ, hạch hỏi, tra tấn. Đám con nít vẫn bu đen mỗi lần nghe tiếng đấm đá, la hét. Công an đuổi mệt nghỉ mà vẫn cứ xáp vào coi, coi xong vô xóm oang oang kể những gì đã thấy, báo hại ông Tư rượt chạy có cờ. Tầng trên cùng của ngôi nhà rộng, nhiều phòng là nơi ăn ngủ của đám người chiều chiều bắt ghế ngồi trước đồn, hoặc ngắm nghía những chiếc xe gắn máy dựng có hàng, hoặc chọc gái, hoặc thổi tu huýt hoạnh họe những kẻ "gian" qua lại.

Mỗi lần cãi nhau, ba tôi xách xe đạp đi mất. Má tôi ngồi kể lể, than thân, trách phận, cuối cùng vẫn quay ra chửi. Nhà nước, bác, đảng, cán bộ, phường trưởng, ủy viên an ninh, công an, bộ đội gì bà cũng cho vô một rọ, "chà đạp, đấm đá"cho đến lúc nhìn lại chẳng còn ai : chị Ngọc lính đi tự bao giờ, tôi cũng chuồn êm ra ngoài, má mới thôi. Chị Ngọc dám cả gan đặt biệt hiệu "Kim Thánh Thán" cho bà.

Buổi trưa sinh hoạt trong xóm có phần lắng dịu, ánh nắng gay gắt đổ xuống con đường hẻm. Bà bánh cuốn đặt gánh trước nhà tôi, ngồi phe phẩy cái nón lá. Từ hồi lớn lên tới giờ, tôi vẫn thấy bà với cái gánh. Một bên thúng ngăn làm ba, ngăn để những lớp bánh cuốn, ngăn để bún, ngăn rau; thúng bên kia lủ khủ tô bì, những chiếc nem, cây chả lụa, hũ ớt, keo nước mắm, keo đồ chua, chén đậu phọng, tóp mỡ, lon đũa... Khi không có khách hàng, bà ngồi tư lự, thỉnh thoảng sửa lại vành khăn nhung cũ mèm. Sau ngày "giải phóng", tôi cứ lẩn thẩn tưởng tượng một buổi đẹp trời, đang ngồi xắt bánh cuốn chợt có một anh bộ đội đứng trước mặt bà, kêu lên mừng rỡ:

— Thưa mẹ (hay thưa mợ, thưa u), con đây!

Rồi thì vui vẻ đoàn tụ, để bà được dẹp cái gánh hàng, về nhà sống với con, với dâu, với cháu. Thấy bà còm cõi, buồn rầu, sáng sáng gánh hàng qua nhà tôi, rảo vào xóm, rồi trưa trưa ngồi nghỉ dưới bóng cây dừa, bất nhẫn quá.

Nhưng có lẽ con bà chưa kịp vào hay tìm bà chưa ra (gần ba mươi năm bặt tin, tìm một bà già trong đám đông mười sáu triệu rưỡi - mười bảy triệu trừ đi năm trăm ngàn "tay sai" bám đuôi Mỹ - không phải dễ). Hay là anh đã chết vì bom đạn trên một quãng đường nào đó, chưa kịp mừng chiến thắng, chưa kịp gặp lại mẹ già? Nên tôi vẫn thấy bà buồn rầu, còm cõi đi ngang.

Mấy đứa em của cu Công đứng sát gánh hàng, mắt hau háu nhìn vào mẹt bún, mẹt bánh cuốn.

Bà ngưng tay quạt, xua lũ nhỏ. Rồi có lẽ đám trẻ đen thui bẩn thỉu, đứa chỉ có cái quần, đứa chỉ có cái áo, cái nào cũng tả tơi như cái nùi giẻ, để lòi ra những tay chân lỏng khỏng và cái bụng chang bang, đã làm mềm lòng bà. Tôi thấy bà lấy miếng bánh cuốn đưa cho Cúc, con bé mừng rỡ, chưa kịp chộp thì bà rụt lại, lấy dao cắt đôi đưa Cúc một nửa, đưa Thảo một nửa. Hai đứa nhai ngấu nghiến, trong một giây đã xong. Đứa nhỏ trong tay Cúc khóc thét lên. Bà càu nhàu:

— Sao không cho em mày một tí?

Rồi thở dài, bà cắt thêm một miếng, đưa nó, căn dặn:

— Cái này để cho nó đấy nhé!

Khi bà đã đi, ba chị em thơ thẩn một lát dẫn nhau ra đầu xóm, chắc lại ra đồn công an xem người ta đánh tù.

Công nhà ta lại lang thang từ đầu xóm về, mấy anh em gặp nhau chẳng buồn ngó nhau. Đến gần nhà ông Tư, tôi thấy nó chậm lại, nhìn dáo dác, rồi quệt mũi một cái, và giơ nắm tay lên, đầu hơi cúi, nói dõng dạc:

— Tôi, Tám Khỏe, xin tuyên bố ly khai với Việt cộng!

Mắt vẫn nhìn xuống đất, tay phải vẫn đưa cao khỏi đầu, tay trái kéo quần. Công lại hít mũi vừa luồn tiện lấy hơi, cất giọng rất mạnh, rất kịch, gằn từng tiếng:

— Tôi, Tám Khoẻ, xin tuyên bố ly khai với Việt cộng!

Tôi nín không được phá lên cười. Công ngẩng lên nhìn tôi, miệng tủm tỉm. Lại cúi xuống lặp lại:

— Tôi, Tám Khoẻ...

— Tổ cha mày tuyên bố gì đó...

Ông Tư từ trong nhà chạy vọt ra, miệng còn ngậm tăm, ông Cựu, cựu trưởng ban an ninh khóm, anh chàng công an khu vực theo sau. Tôi hốt hoảng than thầm:

— Chết thằng nhỏ, chạy nhanh đi, Công ơi!

Nó co giò chạy vào trong xóm, mấy tên đàn ông thình thịch đuổi theo, cả đám khuất sau khúc quanh. Tôi hồi hộp chờ đợi... Mấy người xung quanh túa ra, cười nói, có vẻ hể hả, nhưng nghiêm lại khi những kẻ săn đuổi trở lại, hào hển, càu nhàu, vì không... chiến lợi phẩm. Ông Tư oang oang:

— Thứ con nít chưa ráo máu đầu đã bày đặt... phản động.

Bà Sáu hứ một cái:

— Tại cha mẹ hổng biết dạy con!

— Không chừng là bố mẹ nó dạy thế!

Một người nào trong đám đông nói nhỏ, giọng bất mãn:

— Nó nhại ti-vi chớ biết gì mà động với tĩnh.

Anh chàng công an bảo ông Tư:

— Chú bảo bố mẹ nó đến đồn công an "làm việc" với cháu chốc nữa, nhé!

Đám đông thưa dần rồi biến mất vào những căn nhà. Con đường hẻm trở lại yên tĩnh, chịu đựng cái nắng.

Má tôi thông một câu trước khi quay vào nhà:

— Đừng tưởng con nít không biết, cái gì mà không phản động bây giờ, điều khác nhau là cách diễn tả, để tụi nó khỏi kêu lên "làm việc", thứ chuyện vậy cũng kêu, cũng đòi. Nói mẹ ra là tra khảo, hỏi cung... hừ làm việc với chẳng làm việc... Thiệt tình đi đâu đi cho mau, cho khuất mắt, ở đây riết, ông Văn Vĩ ổng sáng mắt chớ tao chắc phải đui, câm, điếc, sống mới được.

Một lát tôi thấy chị Lan vác bụng è ạch đi ngang, vừa phân trần với ông Tư:

— Thì cháu có biết nó làm gì đâu, tụi nó đi biệt cả ngày.

— Bây phải dạy nó mới biết chứ sao mà nó biết chống đối như vậy?

— Trời ơi chú nói gì mà nghe ớn quá vậy chú, cái tuồng cải lương đó hát trên ti-vi hoài mà!

Ông Tư lại càu nhàu gì tôi không rõ, chị lớn tiếng:

— Thì chú cứ bắt nó đi, mất con nhòn mũi, nhớ nuôi giùm luôn cho cháu, không có cơm gạo thăm nuôi đâu...

Hai người đi đã xa nhưng tôi còn nghe loáng thoáng những lời đối đáp. Những người hàng xóm lại ló ra, lắc đầu, chép miệng rồi thụt vào. Ba đứa con nít ranh mà rắc rối chi vậy. Quả thật Công không

phải là đứa duy nhất, tôi đã có lần nghe hát, tiếng lanh lảnh loại giọng... soprano tám, chín tuổi:

"Như có... bác Hồ... trong... thùng phi đậy nắp".

Hai tiếng đầu nghe như ngang nhà ông Tư mà hai tiếng cuối đã chạy vào trong xóm. Còn những bài hát bị sửa lời khác thì tôi nghe hoài. Con nít không biết có bị người lớn xúi biểu, khuyến khích hay vì tuổi trẻ không ưa những khuôn khổ và thích chống đối, nên đứa nào cũng thuộc làu những lời không phải của bản chính. Duy lúc nãy, lần đầu tiên tôi nghe Công "phát biểu" một câu ngon lành như vậy. Má tôi nói ti-vi chiếu vở cải lương đó mấy hôm trước, tôi bận học, ít khi ngồi lại xem.

*

Chị Lan đi "làm việc" được khoảng hai giờ thì tôi nghe trong xóm có tiếng chân rầm rập chạy ra cùng với tiếng la, tiếng con nít khóc. Má tôi buông thau chén, ra ngoài:

— Gì nữa đây?

Mấy người đàn bà đi te tái, một bà sồn sồn tay ẵm đứa nhỏ nhất của chị Lan, tay dẫn chị em Cúc, bé Thảo, cu Công lếch thếch theo sau. Cả đám con nít nửa đi nửa chạy, khóc như ri. Một bà hớt hải, nói với những người vừa túa ra hai bên hẽm:

— Thằng Thân chết rồi. Thằng Thân chết rồi. Trời ơi cảm mới có hai ngày. Phải đi kiếm con Lan về.

Người ta xầm xì, bàn tán, không khí đặc lại, chùng xuống.

Má tôi đi vào, mắt đỏ hoe:

— Mới thấy nó hôm qua... Trời đất quỉ thần ơi, rồi sắp nhỏ ai nuôi? Bây giờ thì nó khỏe, còn tụi con nít tội tình gì? Thiệt là ông trời không có con mắt, cái thứ hại người, cướp của chết mấy lần cũng chưa hết tội, cứ sống nhăn răng, sống dai như đỉa đói để tiếp tục hút máu người, còn kẻ hiền lương thì cho chết sớm... Chánh quyền gì...

Tôi chạy lên gác, mũi nồng nồng, cổ nghèn nghẹn, trong đầu còn thấy cu Công mắt mũi ràn rụa, đẫm nước, đầu cúi xuống, miệng hô:

— Tôi, Tám Khoẻ, xin tuyên bố...

Phan Thị Trọng Tuyến

Mịch La Phong

Một giòng chia hai.

(Tặng T.Y.T.)

Từ chim bỏ bể lên rừng
Để con cá lội trông chừng rong rêu
Cũng từ độ ấy tình yêu
Trong ta vang vọng tiếng triều triều dâng
Đất xa vọng nhớ trời gần
Dù ba thống thiết xanh ngần đáy sông
Từ chim bỏ núi về đông
Sục sôi hồn nước cuối giòng phân khai
Cuối giòng nước đã chia hai
Nửa đi biệt xứ nửa dài lòng ta
Chim bay về cõi nào xa
Cỏ hồng rớt hạt la cà chim ăn
Này chim đã mất đường trăng
Núi trơ xương trắng đất bằng nổi trôi
Nước đi ngày một xa khơi
Có còn nhớ đến mảnh trời tang thương
Chim bay nghiêng ánh tà dương
Gọi hồn Việt tộc mười phương vọng về

Có nghe sương khói não nề
Lệ ta trước đẫm bốn bề đó em
Vạch hai đường máu tìm tim
Ôi tim dị chủng biết tìm nơi đâu.
Nhớ quê bạc nửa mái đầu
Lòng quê khơi động mạch sầu đầy vơi
Từ con nước lũ về xuôi
Thì em cũng tắt nụ cười trên môi
Nhắc làm chi chuyện lứa đôi
Cắn răng nuốt hận kêu trời trời cao
Dắt ta lên ngọn sông đào
Hỏi xem nguồn cội vì sao nước tràn
Vung tay đập vỡ mây ngàn
Nghe hơi thu lạnh vô vàn xót xa
Giữa giòng vũ loạn phong ba
Có ai hờ hững có ta đọa đày
Có hồn lau phủ luống cày
Trăm năm hóa hiện một ngày cuồng điên
Lên non vẽ lại cánh tiên
Ráp hình chim hạc bên triền chờ nhau
Núi còn cao, biển còn sâu
Mà nhiêu khê ấy cũng nhầu tâm tư.

Mịch La Phong

Quyên Di

Hoa Hồng Nhà Kín

truyện ngắn.

Tháng Mười, trời nắng ráo, thành phố tươi tắn, trong trẻo và đẹp. Trên những vòm cây me hai bên đường, chim sẻ kêu ríu rít. Những cô thiếu nữ ở thành phố, cả đời chưa biết chiến tranh là gì, thoáng thấy trong trái tim hồng chất ngất một niềm vui. Hơn hai tháng nữa mới đến lễ Giáng Sinh, nhưng ở một vài nơi, những chuẩn bị đã bắt đầu. Tháng Mười, tháng hé nở một niềm vui mới, chưa viên mãn nên tạo cho người ta sự náo nức đợi chờ.

Tháng Mười, những người Công Giáo sẽ dự một ngày lễ rất dễ thương: lễ mừng Thánh Nhữ Thérèse, bông hoa hồng của Giáo Hội; vị thánh lìa bỏ thế gian năm 24 tuổi, và trước khi nhắm mắt an bình về với Chúa, còn hứa sẽ làm mưa hoa hồng xuống cho trái đất, hoa hồng của ân phúc tự trời cho.

Những ngày tháng Mười đẹp đẽ dễ thương ấy, Khanh hay dẫn Nga đi dạo trên đường Cường Để và Thống Nhất. Hai người thường bỏ những giờ triết khô khan trong giảng đường đại học văn khoa để vừa đi dạo, vừa triết lý vụn với nhau, hữu ích và thích thú hơn nhiều. Tuy vậy, hình như đôi khi cũng cảm thấy ân hận, Nga trách nhẹ Khanh rằng từ khi quen chàng và yêu chàng, nàng mới mắc cái tội "trốn học", tội mà trước đó chỉ nghĩ đến thôi, Nga đã lấy làm sợ hãi. Khanh cười, nói rằng lẽ ra Nga phải cảm ơn chàng đã giúp nàng thoát ra khỏi cái mặc cảm tội lỗi tệ hại ấy, chàng ngụy biện rằng một người đã muốn học thì ở đâu cũng có cái để học, điều đó lại càng đúng với

những người học... triết. Nga cãi lại, nói là Khanh hoang lắm, học trò ngày xưa đâu có thế. Để trả lời, Khanh đọc cho Nga nghe những câu thơ trong bài "Khi mới lớn" của Đinh Hùng:

"Hỡi thành đô với linh hồn bách thảo,
Còn nhớ ta chăng tuổi trẻ tóc bay.
Làm học trò nhưng không sách cầm tay,
Có tâm sự đi nói cùng cây cỏ."

Thường thường, sau những cuộc tranh luận như vậy, Nga thường kết luận là "Anh già mồm còn hơn con gái, ai cãi lại anh được", Khanh hì hì cười, hình như không cảm thấy xấu hổ gì khi được phong chức là "anh chàng già mồm". Nga muốn đặt cho Khanh biệt danh gì thì đặt, miễn Nga yêu chàng là đủ rồi.

Có một điều là Khanh không cách nào phá bỏ được cái "mặc cảm tội lỗi" của Nga như chàng vẫn huênh hoang tuyên bố. Bởi vì bao giờ cũng thế, kết thúc cuộc đi dạo, Nga đều thuyết phục Khanh cho bằng được để hai người bước vào nhà nguyện dòng Camêlô, ngôi nhà nguyện nhỏ nhắn, xinh xắn nằm nép mình dưới những bóng cây râm mát trên đường Cường Để; bên kia đường, xéo đi một chút là đại chủng viện Sàigòn. Những cái tên "Nhà nguyện dòng Camêlô" và "Đại chủng viện Sàigòn" là những tiếng rất lạ tai đối với Khanh, chàng vốn không phải là người Công Giáo, mà cũng chẳng theo đạo nào cả. Hồi mới quen nhau, có lần Nga hỏi Khanh theo đạo gì, chàng thoáng bối rối, chẳng lẽ trả lời "không theo đạo nào cả" thì... mất điểm quá, cuối cùng chàng đáp lại bằng một câu vô thưởng vô phạt "Anh theo đạo ông bà!". Nga bảo "Thế cũng tốt, Chúa dạy chúng ta phải thảo kính cha mẹ, tổ tiên". Khi nói câu ấy, khuôn mặt Nga nghiêm cẩn, cung kính một cách dịu dàng và Khanh cảm thấy yêu cái dung nhan ấy quá.

Lần đầu tiên khi Nga chỉ cho Khanh cái cổng đại chủng viện Sàigòn, chàng thấy đó là cả một thế giới kỳ bí. Thỉnh thoảng, có một vài thanh niên trạc tuổi chàng ra vào cái cổng ấy, dáng điệu nghiêm trang, Khanh hỏi Nga:

— Mấy anh chàng kia vô đó làm gì ?

Không ngờ Khanh bị Nga "suỵt" cho một cái, nàng nói nhỏ, giọng kính cẩn :

— Đấy là các đại chủng sinh, các thầy tu ở trong đó, mai mốt thụ phong làm linh mục coi sóc con chiên.

"À, thì ra đây là trường huấn luyện các ông cha", Khanh nghĩ thầm trong bụng và chàng lấy làm lạ lùng vô cùng. Tại sao lại có những thanh niên trạc tuổi chàng có thể sống cuộc đời như vậy được. Thế giới bên ngoài không đủ sức hấp dẫn họ sao? Hay họ chán đời. Khanh hỏi Nga thì nàng đáp:

— Tại họ có lý tưởng và có ơn Chúa.

Câu trả lời của Nga chẳng thỏa mãn được chút nào thắc mắc của Khanh, nhưng qua cách nói và khuôn mặt của Nga, chàng đoán rằng

vấn đề khá nghiêm chỉnh nên không dám đùa.

Để vào nhà nguyện dòng Camêlô, Nga dẫn Khanh bước lên những bậc cầu thang xây bằng xi măng. Không khí nhà nguyện thinh lặng khiến cho lòng người ta lắng xuống. Nga đưa tay làm dấu thánh giá và vén vạt áo dài, quỳ xuống hàng ghế cuối cùng. Khanh ghé vào tai Nga, hỏi thầm:

— Anh làm cái gì bây giờ ?

Nga trả lời thật ngắn :

— Ngồi chờ Nga.

Và nàng lại chìm đắm trong sự thinh lặng. Khanh có cảm tưởng Nga đã quên mất chàng để bước vào một thế giới nào khác, chàng đưa mắt nhìn quanh quẩn. Nhà nguyện tuy nhỏ, nhưng lối kiến trúc vẫn tạo cho người ta cái cảm giác đối diện với một cái gì vĩ đại, cao cả. Trên bàn thờ, những ngọn nến cháy, tỏa một chút ánh sáng vàng ấm áp, Khanh có cảm tưởng những ngọn nến ấy đã cháy sáng từ lâu lắm rồi và sẽ cháy mãi không bao giờ tắt. Thánh giá treo trên tường với tượng Chúa Cứu Thế bị đóng đinh trở thành một hình ảnh gần gũi với Khanh, dù rằng đây là lần đầu tiên Khanh có dịp ngắm kỹ hình ảnh ấy.

Một lúc khá lâu, Khanh thấy Nga lại đưa tay làm dấu Thánh Giá, và nàng đứng lên, nắm tay Khanh, nói nhỏ:

— Em dẫn anh viếng tượng thành Thérèse.

Rồi cầm tay Khanh, Nga đưa chàng lên gần phía cung thánh. Ở đấy, có một hộp kính lớn và dài. Khanh giật mình vì trong ấy có dáng người nằm, nhưng rồi chàng trấn tĩnh lại ngay khi nhận ra đó chỉ là một bức tượng. Vì đã được Nga nói trước, Khanh biết đó là tượng thánh nữ Thérèse. Thánh nữ nằm trong một tư thế an bình, hai tay chắp trước ngực, ôm lấy tượng Thánh giá, khuôn mặt xinh đẹp và tươi tắn, trên mình thánh nữ phủ những đóa hoa hồng. Nga lại nghiêm cẩn làm dấu thánh giá, nàng lẩm nhẩm đọc kinh gì đó Khanh không biết. Chẳng biết làm gì, Khanh đứng ngắm tượng Thánh Nữ, thấy đẹp không kém gì hình ảnh "Bạch Tuyết" hay "Công Chúa ngủ trong rừng", những hình ảnh nhiều màu trong những cuốn sách Pháp đã một thời khiến tuổi thơ chàng ngây ngất.

Trên đường trở về trường, Khanh có cảm tưởng như đang đi cạnh một vị thánh thực sự. Chàng không ngờ được tôn giáo lại có ảnh hưởng mạnh mẽ trên tâm hồn người ta đến thế. Nga kể cho Khanh nghe cuộc đời của Thánh nữ Thérèse, vị nữ tu trẻ tuổi, xinh đẹp, yêu Chúa nồng nàn, suốt cuộc đời được dệt bằng lời cầu nguyện, chiêm niệm và những hy sinh. Nga cũng cho Khanh biết nàng chọn thánh Thérèse làm bổn mạng và ao ước được giống như Thánh nữ. Nghe như vậy, Khanh không tránh khỏi một câu nói đùa :

— Giống thế nào cũng được, càng nhiều càng tốt. Có một điều là Nga đừng bỏ anh, vào nhà dòng mất tiêu.

Nga cười thật xinh :

— Nếu chưa gặp anh thì cũng dám lắm. Nhưng nay thì... lỡ rồi.

Nga bỏ anh cho ai bây giờ !

Qua lần đầu tiên ấy, không khí nhà nguyện trở nên quen thuộc và thân mật đối với Khanh. Sau những buổi đi dạo, nhiều khi Khanh nhắc Nga viếng nhà nguyện dòng Camêlô trước khi nàng ngỏ ý. Không phải Khanh muốn lấy lòng Nga khi nhắc nàng điều ấy. Nhưng thực sự Khanh khám phá ra ở Nga một vẻ đẹp tuyệt vời khi nàng quỳ nghiêm trang cầu nguyện, một vẻ đẹp mà nàng không có trong những lúc khác. Khanh cũng được lợi một điều khi biết thánh bổn mạng của Nga là Thérèse, mỗi khi nàng bực mình cáu kỉnh, Khanh thường nói :

— Em không giống thánh Thérèse rồi.

Những lúc ấy, trăm lần như một, Nga đều dịu lại để trở nên hiền lành, dễ thương...

Năm ấy, vào một ngày trung tuần tháng chín, buổi chiều vừa lấy thẻ sinh viên ở văn phòng nhà trường ra, Khanh rủ Nga:

— Đi ăn kem Phương Lan với anh, nhé.

Nga mê ăm kem dễ sợ, bao giờ Khanh rủ đi ăm kem, nàng đều reo lên, hớn hở như trẻ con. Nga có cái thú ngồi trên lầu quán kem Phương Lan, gọi những ly kem không có trong thực đơn, nghĩa là nàng bắt nhà hàng phải pha chế thứ kem này với thứ kem khác theo ý thích của nàng. Vì Nga là khách quen, vả lại nàng lại xinh quá, nên chủ quán luôn luôn chiều ý nàng, mặc dù nhiều khi những ly kem nàng gọi rất oái oăm, phức tạp. Thế nhưng lần này Nga không vồn vã mấy, nàng bảo:

— Đi chứ! Nhưng lại đằng này với em trước đã.

Khanh hơi ngạc nhiên. Leo lên xe, Nga bảo Khanh đi thẳng đường Cường Để đến nhà nguyện dòng Camêlô. Vừa dựng xe, chưa bước chân lên những bậc thang xi măng, Khanh đã cảm thấy một không khí khang khác, có những tiếng chân đi lại và tiếng cười nói. Khanh quay nhìn Nga dò hỏi, nhưng nàng không trả lời, vội vã kéo tay Khanh và nói:

— Nhanh lên đi anh, không có hết.

Vừa bước hết những bậc thang, Khanh đã thấy có nhiều người trước cửa nhà nguyện, một chiếc bàn con đặt ở đó và một vị nữ tu trọng tuổi nhưng tươi tắn đang ngồi ghi chép, trước mặt bà là một hàng người đứng nối đuôi. Nga vội vã kéo Khanh vào đứng cuối hàng. Không khỏi thắc mắc, Khanh hỏi:

— Mình làm gì thế, Nga ?

Bây giờ Nga mới trả lời :

— Em đặt hoa hồng.

Và nàng giải thích:

— Sắp đến tháng Mười, nhà dòng mừng kính lễ Thánh Thérèse. Dịp lễ này, các soeur làm những hoa hồng vải, để lại cho giáo dân. Ngày lễ, Cha sẽ làm phép hoa hồng cho mình đem về kỷ niệm. Muốn có hoa, phải đặt trước từ bây giờ, ai đến chậm thì hết, vì số hoa hồng các soeur chỉ làm có hạn.

Rồi nàng khoe :

— Các soeur khéo tay lắm. Anh xem...

Vừa nói, Nga vừa chỉ lên trên tường nhà nguyện. Lúc đó Khanh mới để ý đến những chùm hoa hồng kết rất mỹ thuật, trang hoàng trên các bức tường nhà nguyện, những bông hoa nhỏ xinh xắn, đẹp như những chùm tường vi thật, làm khung cảnh nguyện đường tươi mát hẳn lên. Những cánh hoa vải chồng lên nhau thật tinh vi, khéo léo. Khanh buột miệng khen :

— Đẹp thật !

Và chàng hỏi Nga :

— Hoa này không bán ở ngoài, phải không?

Nga đáp :

— Vâng, mỗi năm các soeur chỉ làm một lần thôi, và chỉ để lại cho những giáo dân đến viếng nhà dòng.

Đến lượt Nga, nàng nhỏ nhẹ nói với vị nữ tu :

— Soeur để cho con mười hai bông, sáu bông hồng, sáu bông trắng.

Vị nữ tu mỉm cười ghi chép, trong khi Nga mở ví lấy tiền. Khi ngẩng lên, bà cầm tay Nga, ân cần hỏi :

— Con khỏe chứ ? Còn giữ ý định vào nhà dòng không ?

Nga mỉm cười không nói, nàng liếc nhìn Khanh, khuôn mặt đỏ hồng vì xấu hổ. Vị nữ tu hiểu ý, bà nói :

— Soeur chúc con hạnh phuc.

Và bà tiếp :

— Ở hoàn cảnh nào, con cũng có thể sống tốt đẹp như thánh Thérèse được.

Nga nhỏ nhẹ :

— Soeur cầu nguyện cho con nhé.

Vị nữ tu dịu dàng :

— Dĩ nhiên con ạ. Soeur luôn luôn cầu nguyện cho con.

Lễ Thánh Thérèse năm ấy, Khanh dự lễ cùng với Nga. Ngôi nhà nguyện nhỏ bé chật ních những người. Đại ca đoàn chủng viện Thánh Giuse mặc áo trắng rộng tay, xếp hàng đi sang nhà nguyện; trong Thánh lễ, ca đoàn hát những bản Thánh ca thật uy nghi, và đây là lần đầu tiên Khanh cảm nhận được giá trị những bản Thánh ca Công Giáo.

Tan lễ, khi ra về, Nga trao cho Khanh một bông hồng, nàng nói :

— Mọi năm, em chỉ tặng hoa cho mẹ và các bạn cùng mang tên Thánh Thérèse như em. Năm nay có thêm anh. Em muốn anh giữ hoa này, trân trọng, như chúng ta đã cùng trân trọng giữ tình yêu chúng ta dành cho nhau.

Khanh không nói gì, chàng đưa tay đón nhận bông hoa hồng bé nhỏ và vuốt ve những cánh hoa mềm mại. Lòng chàng dâng lên một xúc động không ngờ, chàng tự hứa sẽ giữ bông hoa này mãi mãi, cho dù sau này chàng giữ được hay không giữ được người đã tặng hoa.

Tháng Mười của Hoa Hồng Nhà Kín đã cùng với những ngày tháng đẹp đẽ khác qua đi, và người tặng hoa thì không bao giờ trở về với Khanh nữa. Người nữ sinh viên Văn Khoa dịu dàng, tươi tắn ấy đã đi vào cõi sống đời đời.

Nga chết giữa ngày miền Nam hấp hối, chết nhanh chóng, bất ngờ. Trước đó vài ngày hai người còn gặp nhau. Trong cơn hốt hoảng của thủ đô, hai người đã cố tạo cho mình một vài giây phút tĩnh lặng của tâm hồn. Khanh đưa Nga dạo hết quãng đường Cường Để, đi ngang qua trường Nông Lâm Súc, Văn Khoa, trường Dược, băng qua đường Thống Nhất ngược về phía dòng kín. Hôm ấy lá rơi nhiều quá, cả những chiếc lá còn xanh cũng tự nhiên rơi rụng. Những chiếc lá bám trên tóc Nga và nàng để mặc không gỡ xuống.

Sau một lúc yên lặng khá lâu, Khanh hỏi:

— Em có ý định gì không ?

Nga hiểu ý, nàng khẽ lắc đầu:

— Không, anh ạ. Thực ra em có phương tiện ra đi, nhưng em thương khung cảnh thành phố này quá, em được sinh ra và lớn lên ở đây, thở hút không khí ở đây. Em thuộc về thành phố này, và thành phố này là của em. Em cũng không thể đi được, vì em yêu anh quá.

Khanh thực tình xúc động vì câu nói của Nga, trong trái tim chàng chấp chới dâng lên một tình cảm mãnh liệt khiến chàng gần như nghẹt thở. Chàng đưa tay nắm lấy bàn tay Nga và cảm thấy Nga dịu dàng đan những ngón tay thon nhỏ mềm mại của nàng vào những ngón tay của chàng. Rất lâu, Khanh mới nói :

— Phần anh, anh cũng sẽ không đi đâu cả. Ở đây, anh có em và có kỷ niệm.

Chàng nói xong câu đó và chợt cảm thấy buồn. Một linh tính nào đó cho Khanh biết chàng chỉ có được một nửa trong câu nói của chàng, nghĩa là chàng chỉ còn kỷ niệm chứ không còn Nga. Tuy nhiên chàng không dám nói ra điều đấy.

Hai người đến chân cầu thang nhà nguyện dòng Camêlô. Không ai nói với ai mà cả Khanh và Nga đều ngừng lại một chút trước khi đặt chân lên những bậc thang xi măng. Khanh đưa tay đẩy nhẹ cánh cổng nguyện đường khép hờ hững và cả hai bước vào bên trong. Không khí trầm hẳn xuống với sự thinh lặng cố hữu. Nhà nguyện hình như cách biệt hẳn với thành phố xáo trộn và căng thẳng bên ngoài; hai ngọn nến trên bàn thánh vẫn cháy một cách bình tĩnh, tượng Chịu Nạn trên tường với hình Chúa Cứu Thế chịu đóng đanh hình như đã hiện diện ở đó lâu lắm rồi và sẽ còn hiện diện ở đấy mãi. Bất chợt, Khanh nhớ lại một câu nói của Nga, một lần nào đó Nga bảo chàng: "Tình yêu và ơn Cứu Độ của Chúa không bao giờ ngưng đổ xuống cho con người". Nga quỳ bên cạnh Khanh, nàng bất động như một pho tượng. Nhưng bất chợt, Khanh nhận thấy hai giọt nước mắt trong chảy ra từ khóe mắt Nga và lăn dài trên hai gò má, sau cái chớp mắt nhẹ của nàng.

Khanh ghé tai Nga thì thầm :

— Em sao thế ?

Nhưng Nga chỉ lắc đầu và trả lời :

— Em không sao cả.

Hai người đứng lên tiến về bên hông bàn thánh viếng tượng Thánh nữ Thérèse. Thành kính chiêm ngắm tượng Thánh nữ, bỗng dưng Khanh có cảm tưởng rằng một ngày nào đó, chàng sẽ viếng Nga giống như thế này. Điều ấy làm Khanh rùng mình, lo sợ.

Khanh đưa Nga về căn gác gỗ nhà chàng, căn gác nhỏ vì đầy những sách vở, mỗi lần đến, Nga thường trách nhẹ chàng sống mất thứ tự quá và nàng lại xăn tay áo thu dọn, xếp đặt. Khanh sung sướng vì được trách móc và săn sóc. Cuộc đời chàng thiếu những bàn tay săn sóc đã lâu rồi.

Nhìn bông hoa hồng vải cắm một cách trang trọng trong bình pha lê để trên bàn, Nga có vẻ vui, nàng hỏi Khanh :

— Anh yêu em không ?

Khanh nắm bàn tay Nga, chàng nói nhỏ :

— Nhiều lắm.

Nga khép nhẹ đôi mi, môi nàng hé mở, thì thầm :

— Hôn em đi.

Khanh ôm lấy bờ vai Nga, chàng cúi xuống hôn trên hai bờ môi mọng chín, say đắm và trang trọng. Cũng lạ, hai người quen nhau và yêu nhau lâu lắm rồi, vậy mà đây là lần thứ nhất hai người hôn nhau.

Và đó cũng là nụ hôn cuối cùng. Khi đoàn quân phương Bắc, trong niềm vui điên cuồng và man dại ngồi trên những chiếc Molotova và xe bọc sắt tiến qua cầu xa lộ vào thủ đô Sàigòn, họ đã bắn bừa bãi mừng chiến thắng, bất kể những viên đạn của họ trúng vào đâu, vào vật hay người nào. Và một trong những viên đạn vô tình đó đã bắn trúng người em Thánh nữ Thérèse. Nga đang ngồi trong nhà với những người thân trong gia đình, viên đạn ghim vào ngực nàng như được nhắm bắn trúng mục tiêu, trong khi những người chung quanh không hề hấn gì.

Khanh được người nhà của Nga báo tin ngay. Sàigòn đang trong cơn náo loạn, đường phố la liệt những vật dụng cản đường, những xe cộ vất ngổn ngang, những áo quần, đồ đạc và những xác chết. Khanh đã không nhớ được chàng làm cách nào để vượt qua những chướng ngại đó, chàng chỉ biết rằng khi đến được nhà Nga, ào vào như một cơn lốc, thì đã thấy Nga nằm ngay ngắn trên chiếc giường trải khăn trắng. Khuôn mặt nàng còn tươi tắn như khi còn sống, đôi mắt nàng khép kín và bờ môi hơi hé mở. Khanh nhớ cách đây mấy hôm, đôi mắt ấy cũng khép hờ như vậy và đôi môi ấy đã mở ra đón nụ hôn của chàng. Mẹ và những người em của Nga đã lấy tất cả những bông hồng của Nhà Kín họ có trong bao nhiêu năm nay trải trên thân xác nàng. Trái tim Khanh như muốn vỡ ra, chàng thấy Nga giống Thánh Thérèse quá và chợt nhớ rằng lần hai người viếng nhà nguyện dòng kín lần cuối cùng, chàng đã có cảm giác một ngày nào đó sẽ đến viếng

Nga giống như đến viếng tượng xác Thánh nữ. Chuyện bây giờ xảy ra đúng như thế. Khanh thấy mằm mặn ở bờ môi, đã lâu lắm rồi chàng mới khóc.

Đám táng Nga được tổ chức một cách vội vã trong khung cảnh một thành phố mới đổi chủ. Gia đình nàng cùng một số người rất thân đưa nàng đến nơi an nghỉ cuối cùng. Khi quan tài đã được đưa xuống lòng đất sâu, những người đứng chung quanh huyệt ném những đóa hoa và những hòn đất xuống, như một cử chỉ tiễn biệt cuối cùng. Khanh rút trong túi áo ra Bông Hồng Nhà Kín, mà một ngày tháng Mười năm nào đó Nga đã tặng, chàng định ném bông hồng xuống huyệt, nhưng không hiểu nghĩ sao, chàng lại thôi, với tay lấy một bông hoa khác ném xuống. Khi đó, trong trái tim Khanh thì thầm những lời với Nga:

"Cho phép anh giữ lại bông hồng này như giữ lại mãi hình ảnh người em Thánh nữ Thérèse. Hãy bắt chước chị Thánh, Nga ạ, để làm mưa những bông hoa hồng ơn phúc Chúa xuống cho những người thân, ít là cho anh, người đã từng được em trao tặng Bông Hồng Nhà Kín ngày em còn sống, và đã được em dạy phải trao những đóa hồng yêu thương cho cuộc sống, cho tha nhân. Anh sẽ làm điều đó, mãi mãi trong cuộc đời anh. Nhưng hãy làm mưa thêm hoa hồng cho anh, vì anh biết trong hoàn cảnh mới, một hoàn cảnh được trang bị bằng những hận thù và đấu tranh, việc tặng hoa hồng yêu thương cho người khác không phải là điều dễ". □

Thơ Hà Tiếu Thạch

Tim anh đã bốn bên tường huyệt dựng
Bỗng môi nàng chạm ấm cõi u minh
Anh bình phục, hồn nhiên như trái trứng
Rất rộn ràng nở lại một đời xinh

Điểm sách Ngọn Cỏ Bồng

Ngọn Cỏ Bồng của Nguyễn Bá Trạc, Người Việt xuất bản, 288 trang, giá bán 08.00 đ.

Đọc nhanh, đọc lẹ lẹ, đọc lướt qua v.v... thường đó là công việc của người điểm sách muốn điểm cho kịp thời khắp mặt các tác phẩm mới. Nhưng rủi ro thay! Đó lại là công việc tối kỵ đối với *Ngọn Cỏ Bồng*.

Ở đời có những việc không thể làm nhanh, làm lẹ, làm dồn dập được. Tán gái dăm câu phất phơ, hè hụi thông cái cầu tiêu bị nghẹt, gặm chiếc đùi gà nhâm nhi tí rượu, chộp cổ một thằng móc túi dạy cho nó một bài học bằng cùi chỏ, rồi lại hạ giọng tỉ tê mơn trớn người em sầu mộng v.v..., từng việc như thế nếu từ từ thực hiện, chuyện nào đúng vào lúc ấy, thì hay ho ra phết. Nhưng nếu bảo phải dồn lại, làm gấp gấp tất cả cho xong trong vòng một giờ, thì kỳ cục không chịu được: việc trước chửi việc sau ỏm tỏi.

Đọc *Ngọn Cỏ Bồng* cũng thế. Khi nhàn nhã mở sách ra, đọc "Ông khó tính", cười tủm tỉm, lại xót thương, ái ngại, bâng khuâng: thú nhá! Lại khi nổi hứng lên, lật sách gặp trang 140, đọc bức thư viết trên đồi dưới trời mưa:

Mong em vẫn được yên lành
hằng ngày có đủ trời xanh che đầu"...

thì tha hồ mà hứng thêm. Rồi một hôm buồn buồn, nằm tần mần xem đi xem lại bài "Chim cu gáy", vừa xem vừa nghĩ đến những thú chơi ở quê nhà xa xưa, ôi thôi.., mơ mộng u hoài bằng thích. Rồi một hôm khác, phần chí quá, bất đắc chí nặng, mở nhằm trang 133, ngâm nga toáng lên "Ông giời I", "Ông giời II" :

"Ông giời mắng mỏ nặng lời
làm giông làm bão cho người buồn tênh
Ông giời riết cũng giật mình
Ông ngồi ổng nghĩ ổng khinh ông giời" v.v...

ngâm toáng lên cho sướng, cho đã... Cứ thế mà đọc *Ngọn Cỏ Bồng* thì tuyệt, nhưng bảo "ngốn" *Ngọn Cỏ Bồng* trong vòng vài giờ đồng hồ thì chịu. Trong ấy nào văn nào thơ, nào là truyện, nào là triết lý v.v... ngổn ngang trăm mối, chẳng hề chịu hòa hợp hòa giải với nhau.

Ngọn Cỏ Bồng rối rắm phiền tạp như đời sống. Nó là thứ sách để nghiền ngẫm hàng tháng năm, không phải thứ sách để ngấu nghiến trong một ngày một giờ. Là tác phẩm rất độc đáo của một tác giả rất độc đáo: phóng khoáng, tài hoa, và ngang phè.

Ngang bướng nhưng ông Nguyễn Bá Trạc lại có một điểm hấp dẫn đối với độc giả lưu vong chúng ta: *Ngọn Cỏ Bồng* của ông không giống như ngọn cỏ bồng trong thiên nhiên. Trong thiên nhiên, cỏ bồng bay phất phơ, quay lông lốc, đứt gốc mất rễ.

Hành cước vô căn *nhiệm chuyển bồng"*

Trái lại, *Ngọn Cỏ Bồng* Nguyễn Bá Trạc thì dẫu phất phơ lưu lạc bốn

phương nhưng vẫn cứ dính liền với gốc cũ bằng một sợi rễ vô hình dai dẳng kỳ lạ. Chính cái liên hệ vô hình ấy làm cho mỗi mỗi người và việc trong sách ông đều ý vị: từ cái ông Nguyễn hay vượt đèn đỏ cho đến ông Khó tính chê nước mưa Mỹ uống đắng cả mồm, từ tiếng con chim cu gáy buổi trưacho đến gốc hoàng lan ở ngõ Tân Hưng Hà Nội, đến con đường Giếng Sập ngõ Âm Hồn ở Huế, đến đĩa thịt luộc chấm mắm thu ở Phù Cát Phù Mỹ v.v..., cái gì cũng sống động, cũng thực, cũng gợi cảm.

Ngọn Cỏ Bồng là tác phẩm đầu tay của Nguyễn Bá Trạc, nhưng nó không hề có cái dáng dấp của một tác phẩm đầu tay. Điêu luyện, đầy tự tín, nó xuất hiện như thể của một cây bút nhà nghề đã viết tự bao giờ. □

Ngày đi thuông sợi khói bên nhà

Tập thơ của Lâm Hảo Dũng, Nhân Văn xuất bản, dày 70 trang, giá 04.00 $.

Trong lời bạt ở cuối tập thơ này, Hà Thúc Sinh viết :

" Trải một thời niên thiếu êm đềm và thơ mộng nơi quê nhà Miền Tây đầy những bần những mận, những rau những cỏ, những cá những tôm, những đầm lầy xanh những phù sa đỏ, những mây những khói những tình thân, cho đến khi trưởng thành lao vào đời như một pháo thủ, cầm quân ngang dọc một thời, cứu Bồng Sơn Tam Quan, dí giặc sang Hạ Lào, lùng diệt sâu Chùa Tháp: thơ của Dũng nhờ đó đã thoát ra khỏi cái hàng ngũ của những người làm thơ cận kim và hiện đại ..."

Hà Thúc Sinh cho rằng cái khác biệt giữa Lâm Hảo Dũng và những người làm thơ khác, là anh có cái giọng hào tráng lẫm liệt như thơ Quang Dũng, thơ Nguyễn bắc Sơn.

So sánh thơ người này với thơ người khác, có lẽ tác giả Đại Học Máu chỉ muốn nhấn mạnh ở điểm nổi bật của tập thơ : đó là giữa cuộc sống lưu vong, nhà thơ chiến sĩ Lâm Hảo Dũng vẫn giữ trọn được niềm tự hào từng có thời xưa. Chẳng những thế, Lâm Hảo Dũng còn nghiêm khắc trách những người ngã lòng :

Đi đâu mất rồi hỡi những chuyên chư
Sầu ai có thành bom hay tạc đạn
Cứ đi tới nhắm quân thù mà bắn
Không ngay tim cũng thủ thắng về ta.

Niệm thư

Niệm thư, sưu tầm cổ học về ngọc, trà, hoa, sao, kiếm, đàn... của nữ sĩ Minh Đức Hoài Trinh, Nguyễn Quang xuất bản, 150 trang, bản đặc biệt không đề giá.

Trong khi hầu hết những người cầm bút miền Nam VN trước 1975, nhất là những nữ văn sĩ, đều sống và viết ở quốc nội thì Minh Đức Hoài Trinh có cái may được đi nhiều, biết nhiều. Những địa danh

bà thường viết trong loạt thư từ nước ngoài gửi về đăng báo Sàigòn trước đây có đủ cả: Paris, Đài Loan, Hồng Kông, CAiro, London, New York... Bà lại là nhà văn nhà báo xông xáo, hoạt động trên rất nhiều lãnh vực: làm thơ, viết văn, viết báo, làm cho đài truyền hình. Có một điều hơi lạ, là "cô ký" rất tân thời lịch lãm ấy, trong các lá thư dán tem ngoại quốc gửi về Sàigòn lâu lâu vẫn say mê nói về một giỗ lan, một bình trà, một cây đàn tranh.

Tưởng những ocái "hoài cổ" ấy chỉ là một cách làm duyên cho vui! Nhưng không phải! Cuốn *Niệm Thư* ra đời cho chúng ta thấy Minh Đức Hoài Trinh không hề làm duyên làm dáng với ai. Ngược lại, sưu tầm cổ học đối với nữ sĩ từ lâu đã là một đam mê không dứt. Cái thú tao nhã ấy tưởng chỉ là một cách làm đẹp tinh thần, bây giờ, trong cuộc sống lưu vong, lại trở thành cái gì quan trọng hơn. Thật vậy, hãy đọc bốn câu thơ nữ sĩ cho in nơi bìa sau:

Nợ quê hương chưa trả
Sự nghiệp vẫn bọt bèo
Lạc loài trên đất lạ
Buồn Thái Sơn không gieo.

Có cái gì ngậm ngùi! Rồi đọc tiếp bài tựa: "Sưu tầm là do lòng tò mò thúc đẩy, người làm công việc sưu tầm là những người không mấy khi tìm được sự hòa âm với cuộc sống nên phải đi tìm ở trong các đống sách cũ những gì để an ủi, để cảm thấy mình không đến nỗi lạc loài, ít nhất cũng có một thế giới đón nhận mình" (trang 1).

Thật chua chát! Tâm sự ấy của Minh Đức Hoài Trinh rất có nhiều người chia sẻ, cũng như lối thoát êm đềm ấy cũng đã có nhiều người tìm tới. Cho nên chắc chắn rất nhiều bạn đọc, qua một cuộc bể dâu, sẽ tìm đọc Niệm Thư để tìm một thế giới an toàn, cho lòng lắng xuống.

Thơ Nguyễn Mạnh Trinh

Thơ Nguyễn mạnh Trinh, Người Việt xuất bản lần thứ nhất, gồm gần bảy chục bài thơ, tựa của Nguyên Sa, giá 7.00 $

Nguyễn mạnh Trinh không phải là một tác giả xa lạ với bạn đọc hải ngoại, tuy trước 1975, anh ít đăng thơ trên các báo Sài gòn, và chỉ mới xuất hiện ở hải ngoại mấy năm gần đây. Thơ anh đã được đăng khắp các báo, sức làm thơ của anh mạnh đến nỗi trong vòng mấy năm, những bài thơ anh đã sáng tác có khi nhiều hơn thi nghiệp của một nhà thơ làm trong cả đời mình.

Thơ Nguyễn mạnh Trinh viết theo nhiều thể, lấy khung cảnh từ nhiều nơi, lại được viết ở nhiều thời điểm khác nhau: ở quê nhà khi còn tại ngũ, ở trại tị nạn Galang, ở hải ngoại. Không gian thời gian trải dài trải rộng như vậy, nhưng thơ Nguyễn mạnh Trinh vẫn có một không khí nhất quán : đó là nỗi buồn chì chiết dai dẳng, phủ lấp cả tập thơ, phủ lấp cả cuộc đời.

Cho nên đọc thơ Nguyễn mạnh Trinh phần lớn độc giả sẽ khó phân biệt được bài này với bài kia, sẽ khó tìm thấy những xúc động tột cùng. Thơ anh làm thành một thế giới man mác mù khơi, trong đó người đọc tìm thấy một nỗi sầu vạn cổ, một nỗi sầu mênh mông. Tìm thấy lại chính chân diện mục của mình.

Đã phát hành

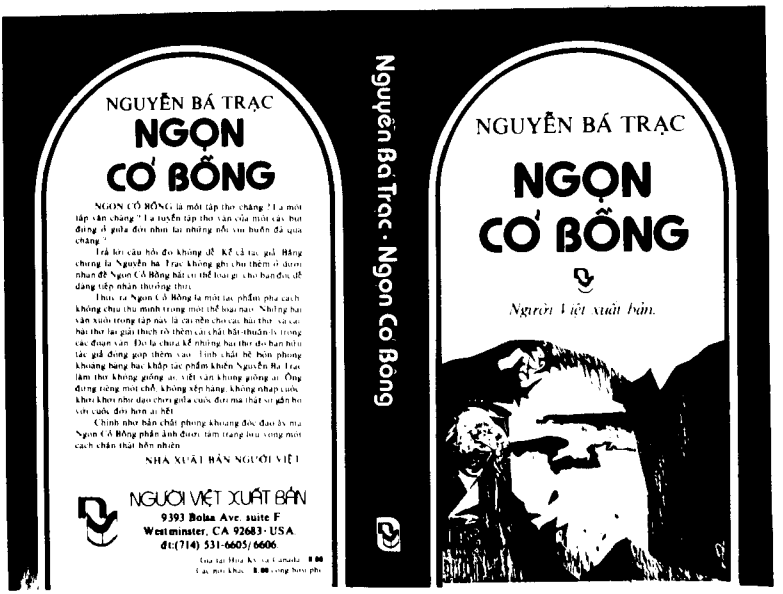

SÁCH CỦA NHÀ XUẤT BẢN NGƯỜI VIỆT PHÁT HÀNH THÁNG 6-1985

1-6-85
NGỌN CỎ BỒNG
văn thơ của Nguyễn Bá Trạc, 8.00 mỹ kim

15-6-85
THƠ NGUYỄN MẠNH TRINH 7.00 mỹ kim

30-6-85
BÃO NỔI
(tập 2 trường thiên tiểu thuyết Mùa Biển Động)
của Nguyễn Mộng Giác, 7.00 mỹ kim

9393 F Bolsa Avenue, Westminster, CA 92683 USA.
Phone (714) 531-6605 / 6606

Nguyễn Văn phụ trách

Thời sự văn học nghệ thuật.

Thanh Nam không còn nữa.

Giới văn nghệ Việt Nam vừa chịu một cái tang lớn : nhà văn Thanh Nam đã tạ thế hôm 2 tháng 6 năm 1985 tại thành phố Seattle tiểu bang Washington Hoa Kỳ.

Thanh Nam tên thật là Trần Đại Việt, sinh ngày 26 tháng 3 năm 1931 tại Nam Định, là chồng của nhà văn nữ Túy Hồng. Thanh Nam vào Sài gòn năm 1953 ,bắt đầu viết văn từ năm 1950. Ông từng là tổng thư ký toà soạn tuần báo Thẩm Mỹ, từ 1953-1955, chủ trương tạp chí Hiện Đại cùng với nhà thơ Nguyên Sa , tổng thư ký tuần báo Nghệ Thuật năm 1966.

Tác phẩm đã xuất bản của nhà văn Thanh Nam gồm có : Buồn ga nhỏ, Còn một đêm nay, Hồng ngọc, Người nữ danh ca, Những phố không đèn, Sau cơn binh lửa, Bầy ngựa hoang, Lỡ một đời hoa....

Ban chủ biên và các văn hữu cộng tác với Văn Học Nghệ Thuật xin chia buồn cùng chị Túy Hồng và các cháu, và cầu chúc cho linh hồn anh Thanh Nam được phiêu diêu miền Cực Lạc.

Ông Mỹ Solzhenitsyn

Alexander Solzhenitsyn nhà văn Nga được giải Nobel văn chương năm 1971, bị nhà cầm quyền tống xuất sang Âu châu rồi di cư qua Mỹ năm 1976 ,đã chọn sống tại tiểu bang Vermont. Từ ấy đến nay, Solzhenitsyn vẫn là một nhà văn Nga lưu vong, lên tiếng đó đây với tư cách một nhà văn Nga.

Cuối tháng 5.85 vừa qua, bỗng nhiên người ta thấy ông nộp đơn xin làm công dân Mỹ. Ông năm nay 66 tuổi, bà Natalia Solzhenitsyn năm nay 45 tuổi, chắc chắn chẳng bao lâu sẽ được giơ tay thề và trở thành hai người Mỹ mới toanh.

Cặp di dân tị nạn chính trị này tại sao phải chờ tới chín năm mới chịu quyết định làm dân Mỹ? Tại sao không làm ngay khi đủ năm năm? Họ suy nghĩ những suốt bốn năm nay về quyết định ấy? Quyết định xem, từ nay trong những cơ hội đứng ra thỏ thẻ với báo chí, trên truyền thanh truyền hình, trên các diễn đàn quốc tế v.v..., ông sẽ thỏ thẻ nhân danh một công dân Hoa Kỳ, hay là vẫn cứ nhân danh là một nhà văn Nga Xô lưu vong?

Hiện tượng "Đại học máu".

Trong số 1 VHNT, có lời nhận xét "Đây có lẽ là tác phẩm đồ sộ nhất của nền văn học lưu vong". Sách dày 821 trang, được bán với giá 14 Mỹ kim.

Bây giờ, xin thêm một nhận xét nữa: Đây có lẽ là tác phẩm bán chạy nhất của nền văn học lưu vong.

Chữ "có lẽ" trong cả hai trường hợp là viết ra vì thói quen đè dặt thường lệ. Kỳ thực chúng tôi chưa từng nghe nói trong vòng mười năm nay ở hải ngoại có cuốn sách Việt ngữ nào bán hết nghìn bản trong vòng hơn một tháng như cuốn *"Đại học máu"* của Hà Thúc Sinh.

Trước sự thành công ấy, nghe đâu nhà xuất bản đang cho tái bản *Đại học máu*, lần này in đến bốn, năm nghìn bản in đẹp thêm, đóng bìa sang trọng thêm.

Trước đây nhiều năm, còn nhớ cuốn hồi ký của Trần Huỳnh Châu kém đồ sộ hơn, in sơ sài hơn nhiều, cũng đã được độc giả đón rất nồng hậu.

Như thế có thể ghi nhận ngay một hiện tượng: Trong sinh hoạt văn học lưu vong, tác phẩm ăn khách nhất không phải là một cuốn thơ, cuốn truyện của đại văn hào nào, không phải là truyện chưởng, truyện ái tình lâm ly nào mà là những cuốn hồi ký về cuộc đời lao tù dưới bạo quyền cộng sản. Người ta có thể thấy rõ ràng đâu là tâm lý của quần chúng của độc giả, đâu là nỗi lòng là mối băn khoăn của khối người lưu vong, đâu là xu hướng văn nghệ thích đáng lúc này.

Biết ta biết địch.

Bà con ta ở Cali ai trông thấy cửa tiệm ấy ở Redlands chắc cũng cho là một quán sách Mễ luộm thuộm, bèo nhèo. Thư quán gì lại đặt ở một kho hàng cũ, nằm xen giữa những tiệm gỗ, tiệm bán thực phẩm súc vật v.v... Chẳng sang trọng, trí thức tí nào. So với Tú Quỳnh, Tự lực v.v... thua xa là cái chắc.

A, vậy mà Libros Latinos là một trong những tiệm sách lớn nhất Hoa Kỳ trong loại của nó đó nhé. "Loại của nó" là cái loại những tiệm bán các thứ sách báo thuộc những nước Châu Mỹ La-tinh: ăn khách nhất là sách El Salvador, Nicaragua, Guatamela v.v... Chuyên về cổ thư và kỳ thư.

Bán buôn càng ngày càng rầm rộ. Chẳng hạn mới tháng chín năm

ngoái, chủ quán vừa có cơ hội mua trọn được tủ sách bốn nghìn cuốn của một nhân vật cao cấp trong chính phủ Mỹ, giá 15.000$. Thường xuyên, thư quán cho người đi dạo kiếm các thứ sách xưa sách hiếm khắp các nước Trung Nam Mỹ. Có cuốn nào là đớp ngay.

Bán sách dễ ợt. Cổ thư có cuốn bán ra ba, bốn trăm bạc là thường. Khách hàng? Các nhà khảo cứu, các Viện đại học, các thư viện Hoa Kỳ, đặc biệt là Thư viện Quốc hội Hoa Kỳ và... Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ! Đây là những khách hàng rất sộp. Kể từ khi vấn đề El Salvador, vấn đề Nicaragua sôi nổi trên chính trường thì cả Lập pháp lẫn Hành pháp Hoa Kỳ đều hối hả mua sách Trung Nam Mỹ về để tìm hiểu, tham khảo, nghiên cứu tới tấp. Có những cuốn sách luật, sách kinh tế đầy những con số thống kê cả khắp từ các thế kỷ, khô như cát sa mạc, vẫn được khách hàng chiếu cố nồng nhiệt.

Không những thế, một trong hai vị chủ quán là George Elmendorf, cựu sinh viên ngành sử học tại viện đại học tiểu bang Cựu Kim Sơn, lại còn đang hưởng trợ cấp của National Endowment of the Humanities để soạn bộ thư mục các sách Mỹ Châu La Tinh được xuất bản từ đầu thế kỷ 19 đến nay: thời hạn soạn thảo là mười năm.

Phải chịu nhà nước Hoa Kỳ đánh giặc kỹ thiệt. Nay mai Hoa Kỳ giúp kháng chiến Miên, các thư quán của ta hãy chịu khó tìm sách của ông Lê Hương mà bán lại làm giàu.

Dầu hôi và hội họa.

Tại xứ Cali, quận Los Angeles, thị xã Malibu có một viện bảo tàng hội họa nổi tiếng lẫy lừng, khách xem nườm nượp: đó là viện bảo tàng J. Paul Getty.

J. Paul Getty là một nhà đại tư bản trong giới dầu hỏa, qua đời hồi 1976. Ngày nay người kế nghiệp là Getty II, hiện sống ở Luân Đôn với món lợi tức hàng năm chừng 35 triệu Mỹ kim, thỉnh thoảng lại vung tay xài tiền một cách thật bất ngờ, ngông nghênh. Mới vừa rồi, đầu tháng 6-85 này, Getty II bất thần tặng viện bảo tàng hội họa quốc gia của nước Anh một món tiền 62 triệu rưỡi. Chủ tịch ban quản trị viện bảo tàng này thét lên: "Tôi không bao giờ dám mơ tới một ngân khoản như vậy!" Trong lịch sử dài 161 năm của nó, viện chưa lúc nào đớp được một quả ngon lành đến thế.

Nhưng cái oái oăm nhất là quả ấy lại đau nhất cho viện bảo tàng J. Paul Getty ở Malibu. Bởi vì viện này đang là một địch thủ đáng sợ nhất của tất cả các viện bảo tàng lớn trên thế giới, trong đó có viện Anh quốc. Viện bảo tàng Getty hàng năm chi ra một ngân khoản chừng 80 triệu, vơ vét hết các tranh quí giá các nơi ở Âu Châu, riêng viện bảo tàng quốc gia Anh quốc năm ngoái đã mất về Malibu California một số danh phẩm của Rubens, Raphael, Rembrandt, Van Dyke v... Viện bảo tàng Anh quốc hàng năm chỉ chi được chừng 3 triệu rưỡi để mua tranh, bây giờ nhờ món quà của Getty II, ngân khoảng ấy tăng lên 9 triệu rưỡi. Chừng ấy tiền chưa đủ để đấu lại với

các tay săn tranh giàu sụ của Hoa Kỳ, nhưng ít ra cũng để bảo vệ được một số "tượng Chàm" khỏi thất thoát ào ào về tay Hoa Kỳ.

Trước tin vui ấy, tại Los Angeles, phát ngôn viên của viện bảo tàng Paul Getty bảo: "Chúng tôi tuyệt đối hoan hỉ!"

Hoan hỉ và cười méo xệu.

Một mầm non hơi yếu.

Giới bán sách nước Mỹ hàng năm gặp nhau một lần. Đại hội năm nay nhóm ở San Francisco, qui tụ 17,200 người tham dự, trong bốn ngày.

Tại đại hội ABA (American Booksellers Association) lần này xuất hiện vài tác giả ngộ nghĩnh. Chẳng hạn tác giả De Lorean, người chế ra kiểu xe xì-po cánh nhạn năm ngoái suýt bị tù vì một vụ ma túy, mùa thu năm nay sẽ cho nhà xuất bản Zondervan in cuốn *De Lorean*, một thiên hồi ký. Lại chẳng hạn tác giả Geraldine Ferraro, ứng viên phó tổng thống năm ngoái, và tháng 11 tới đây sẽ cho nhà Bantam tung ra cuốn *Ferraro*, cũng một thiên hồi ký nữa.

Ferraro tranh luận trên truyền hình chan chát, nhưng viết lách thì còn yếu. Bởi vậy tác giả Ferraro viết sách phải cùng viết với một... đồng-tác-giả (co-author): tức bà Linda Brid Francke. (Bà này cũng lại là đồng-tác-giả với cựu tổng thống phu nhân Rosalynn Carter khi viết cuốn hồi ký *First Lady from Plains*.

Ferraro mới viết tác phẩm đầu tiên, tức thị là một mầm non. Mầm non Ferraro không tự viết lách một mình được mà phải có người kèm, tức thị là một mầm non hơi yếu. Mầm non hơi yếu ấy nghe đâu đã nhận của nhà xuất bản Bantam một món tiền ứng trước vào khoảng từ bẩy trăm đến chín trăm nghìn. Nghĩa là gần một triệu Mỹ kim đấy, bà con làng nước ạ!

Một dân tộc hơi yếu.

Sách mà được trả tác quyền cao, ấy là do bán được nhiều. Sách bán được nhiều, ấy là vì số lượng độc giả đông đảo, là vì trong quần chúng có lắm kẻ thích đọc sách. Vậy Hoa Kỳ là một dân tộc có trình độ văn hóa cao, chữ nghĩa đầy mình?

— "Nhảm!" Giới bán sách nước Mỹ đang vò đầu bứt tai về trình độ dân Mỹ. Yếu quá. Yếu không chịu được.

Đề tài thảo luận của đại hội ABA năm nay là: "Toward a Reading Society". Làm sao tiến lên một xã hội ham đọc? Trước hết, phải làm cho người ta biết chữ, biết đọc đã. Mà cái đó thì người Mỹ tệ một cách không ngờ.

Một diễn giả tại đại hội, ông Jonathan Kezol, tác giả cuốn *Illiterate America*, tuyên bố rằng có sáu chục triệu người Mỹ đã trưởng thành không đọc được một tờ nhật trình, không đọc được một cuốn sách. Sáu chục triệu tức một phần ba dân số Hoa Kỳ (không

tính trẻ con). Ông Kezol lại kêu: Liên Hiệp Quốc có 138 quốc gia hội viên, mà xếp hạng về trình độ học vấn, về tỉ số thoát nạn mù chữ, Hoa Kỳ đứng mãi thứ 49!

Chán thật. Mai kia nước Mỹ hè hụi trèo lên được thứ năm, thứ mười, bấy giờ các mầm non cỡ Ferraro chắc sẽ nhận tiền ứng trước cho tác phẩm đầu tay chừng vài triệu Mỹ kim.

Thư của Nhất Linh và thư của Hemingway.

Nhân mấy lá thư của văn hào Nhất Linh do nữ sĩ Linh Bảo lưu giữ từ hơn ba chục năm, mới vừa cho phép VHNT công bố, hãy xét đến một chuyện liên quan đến thư từ của văn sĩ Hoa Kỳ.

Từ ngày văn hào Ernest Hemingway qua đời, đã có những tập sách dày cộm in lại các lá thư ông viết cho thân thuộc và bằng hữu. Một số bộn bề những thư từ khác được sưu tập, lưu trữ tại các thư viện đại học, nhất là đại học Princeton, Harvard, đại học các tiểu bang Virginia, Texas, và tại thư viện John F. Kennedy ở Texas.

Mới đây một nhà hảo tâm lại vừa mang tặng cho viện đại học Stanford ở San Francisco hơn một trăm lá thư nữa của Hemingway. Theo dư luận các chuyên gia về Hemingway thì đây là những tài liệu có giá trị. Trong mớ thư từ này có cả một bức do cậu bé Hemingway viết cho bố hồi mới lên chín, nói chuyện cá nuôi trong chậu ở nhà trường. Không biết cậu bé bi bô những gì.

Đấu tranh trong tự điển.

Tự điển Oxford là tự điển rất nổi tiếng. Giá trị của nó không những được công nhận ở xứ "đế quốc tư bản" Anh, mà ngay cả Nga Xô cũng chịu. Nga điều đình xin in lại tự điển Oxford, Anh đồng ý, vào các năm 1982 và 1983.

Sách in xong và phổ biến tại Nga. Bây giờ Anh xem lại mới ngã ngửa ra, kêu oai oái: Bao nhiêu các danh từ chính trị: đế quốc, xã hội chủ nghĩa, phát xít, cọng sản v.v... bị Nga lén thay đổi các định nghĩa hết trơn.

Các chiến sĩ cọng sản lúc nào cũng nằng nặc tranh đấu. Tranh đấu thế nào mà thắng một lèo vào tận tự điển của người ta.

Nhà xuất bản đại học Oxford lên đài truyền thanh phản đối om sòm. Nhưng ăn thua gì. Cọng sản đã gian lại lì, - nói léo nhéo trên ra-đô, họ đâu thèm đếm xỉa.

Sách cũ nghìn năm còn bị kiểm duyệt.

Một bà lão già khú đế bị trẻ con đuổi theo sỉ vả, "dạy cho những bài học" về thuần phong mỹ tục: đó là cảnh tượng đang xảy ra trên đường phố Cairo, thủ đô Ai Cập.

Bà lão khú đế là cuốn *Nghìn lẻ một đêm*, một tác phẩm xưa đã nghìn năm, truyền tụng từ lâu đời khắp các nước Ả Rập và được phiên dịch phổ biến gần khắp thế giới; danh tiếng lẫy lừng, không ai là

không biết.

Vừa rồi sách ấy bị bộ nội vụ Ai Cập xử tịch thu và tiêu hủy 3,000 bản in, phạt vạ nhà xuất bản một số tiền tương đương với 400 Mỹ kim, về tội đã cho in những đoạn văn dâm ô.

Dĩ nhiên, dư luận xôn xao.

Bộ nội vụ Ai Cập giải thích: *Nghìn lẻ một đêm* gom góp những mẩu chuyện từ nhiều xứ, nó không có tác giả đích xác. Do đó mỗi nhà xuất bản tự tiện thêm thắt những cái mê ly vào để thu hút độc giả. Những cái mê ly ấy, nếu cần bảo tồn thì hãy cất ra cho vào viện bảo tàng cất giữ, chứ không nên in ra lưu hành, có hại cho giới trẻ.

Giáo sư Sohair Kalamawi tại viện đại học Cairo lại bảo: Những chỗ tục tĩu trong tác phẩm ấy chẳng qua chưa đến một phần mười toàn bộ. Trong di sản văn học xứ ta còn có bao nhiêu là phần liên quan đến dục tình, quan trọng hơn nhiều. Nhưng đó là di sản tinh thần của chúng ta, chúng ta không nên cắt xén, thêm bớt, sửa đổi gì vào đó cả.

Nhân chuyện xứ người, nghĩ đến xứ An Nam ta: Hãy tưởng tượng một hôm sở kiểm duyệt bỗng hăng hái bảo vệ thiếu nhi, lôi thơ Hồ Xuân Hương ra, nhặt hết những chùm rêu lún phún, những con cá giếc le te, những cái cọc cái lỗ v.v... nhặt hết những món linh kỉnh ấy mang vào viện bảo tàng cất kỹ, chỉ cho phổ biến phần còn lại của thơ họ Hồ. Cả nước tha hồ cười bằng thích.

Không cười được à? Một nữ sĩ bị... thiến, còn gì hài hước hơn?

TAM
AUTO CENTER

1610 N. Fairview St. Santa Ana, CA 92706
(Góc Westminster và Fairview)

(714) 554-2314

LÀM ĐỒNG - SƠN
SỬA CHỮA VÀ BÁN TẤT CẢ CÁC LOẠI XE

Đặc biệt làm máy xăng, dầu, Tune-up
Làm thắng - Rebuild hộp số - Carburator

Mở cửa từ 7 giờ sáng đến 7 giờ chiều
Chủ nhật từ 7 giờ sáng đến 12 giờ trưa

Hộp thư tòa soạn

.Anh Kiệt Tấn, Pháp : Đã nhận thêm hai bài thơ và truyện ngắn Em Điên Xoã Tóc, ngoài Đêm Cỏ Tuyết đã nhận trước đây. Sẽ đăng ngay Em Điên Xoã Tóc vào số sau.

Anh Nguyễn hải Hà, Gardena : Đã nhận đủ Tin THời Tiết, Học, Tình Ta, và truyện ngắn Chốn Lưu Đày.

Anh Nguyễn Mai Thạch, S.F : Đã nhận Đêm Tản Cư Đọc Sách và bài Viết. Việc phát hành VHNT ở San Francisco chưa lo được, anh có ý kiến gì không ? Anh Đ có nhã ý đó, G thấy không có gì trở ngại. Cảm ơn anh đã cho biết thêm chi tiết về sự bạc đãi của cộng sản Hà nội đối với Hồ Dzếnh. Bài Phiếm Luận ,G đã mạo phép anh cho đăng trên ĐN.Mong anh viết bài thường xuyên cho VHNT.

Anh Hồ công Tâm, Pomona : Đã nhận đủ Kỷ Niệm Mùa Đông, Những điều trông thấy, Gửi Phạm Thiên Thư, Gửi Cao thoại Châu, Kẻ sĩ đời nay. Sẽ cho đăng dần. Cảm ơn sự đóng góp bài vở sốt sắng của anh.

Anh Ngu Yên, Little Rock, AR : Hai bài thơ Hỏi và Vợ như vậy, làm sao " vất thùng rác " như anh viết trong thư được. Sẽ đăng.

Anh Luân Hoán, Canada : Mừng anh và gia đình đến được Canada. Ngoài bài thơ đăng trên số này, VHNT còn nhận được một số thơ của anh do CVM chuyển. Sẽ cho đăng dần.

Anh Trịnh Y Thư, Yorba Linda : Đã nhận thêm Thảo Vấn. Sẽ đăng trên số sau.

Anh Lê Mỹ Hương, Corpus Christi : Vừa nhận được Lỡ Lầm. Thật mừng, được có anh cộng tác với VHNT.

Anh Lê Tâm, HK : Đã nhận được Kẻ Lạnh Lùng, chắc anh đã nhận được vhnt số 2. Việc định cư có chuyển chút nào không? Chúc anh may mắn.

Anh Mạc, Houston : Đã nhận được bài thơ Gửi M, đang đọc.

Bạn Đức Hiếu, Settle : Đã nhận được mấy bản dịch Đường thi. Đa tạ (VP)

Anh Lê ngọc Hồ, Seattle : Cảm ơn anh đã nhớ tới tình xưa với VHNT (VP).

Chị Trần thị Lai Hồng, Brier, WA : Rất cảm ơn chị về bức thư cảm động về anh Thanh Nam. Đây là một trong những tin đau đớn nhất cho giới cầm bút lưu vong chúng ta từ 10 năm nay (VP)

Anh Nguyễn công Thuần , Endicott, NY : Đã gửi sách báo cho anh. Mong đã nhận được.

Anh Lý Minh Tâm, Canada : Lá thư của anh khiến cả toà soạn cảm động vô cùng.

Bà Trần Việt, Canada : Việc bà gửi thêm tiền tem và mua tặng VHNT cho thân hữu đủ cho thấy lòng ưu ái của bà với VHNT. Không biết nói gì hơn là xin cố gắng để tờ báo ngày càng phong phú hơn.

Anh Vũ thành Lân, Hồng kông :Đã nhận Đêm Về Trên Đảo Lantao

và Vi vu sa mạc. Lá thư của anh thật quí giá cho chúng tôi.
Anh chị Nguyễn Tiên, Littlle Rock AR : Chắc đến nay Phụng đã nhận được số 2 vừa gửi bù. Có chuyển lá thư của Phụng cho ông VP đọc. Cảm ơn nhiều. Nếu độc giả nào cũng " đau tim hồi hộp" như Phụng thì VHNT khỏi lo gì nữa.
Ông Hoàng huy Mạnh Houston : Chúng tôi đã gửi các số VHNT bộ cũ như ông dặn . Chắc ông đã nhận được ,
Thư viện Cornell : Số 1 bộ cũ đã hết. Chúng tôi chỉ có thể gửi số 3 theo lời yêu cầu của quý thư viện.
Anh Đỗ quí Toàn, Canada : Vừa nhận được Nói chuyện thơ. Chúng tôi đang lo chuẩn bị một số đặc biệt về thi ca lưu vong thì bài anh đến. Thật mừng. Từ nay về sau sẽ gửi báo đều cho anh.
Chị Võ thị Túc Trí, Houston: Thư chị đem nhiều bất ngờ. Xin cảm ơn nhã ý của chị cho VHNT. Sẽ gửi đều cho chị VHNT.
Cô PHM Phi : Đã nhận bài thơ. Đang chuyển cho ban phụ trách. Yêu cầu của cô có thể thực hiện được khi đăng xong. Chờ bài hoài .
Anh NGuyễn ái Anh,Houston: Vừa đánh máy mục hộp thư thì nhận thư anh. Anh đọc và góp ý kiến quá kỹ càng chính xác, xin cảm tạ . Sẽ xin chuyển các nhận xét của anh cho từng tác giả bài viết.
Ông Nguyễn thanh Trà, Baton Rouge : Vâng, chúng tôi sẽ xin gửi báo đến ông. Gặp lại một độc giả cũ có lòng vào lúc này, như gặp bạn cố tri.

BẠN ĐỌC TÌM MUA NGAY

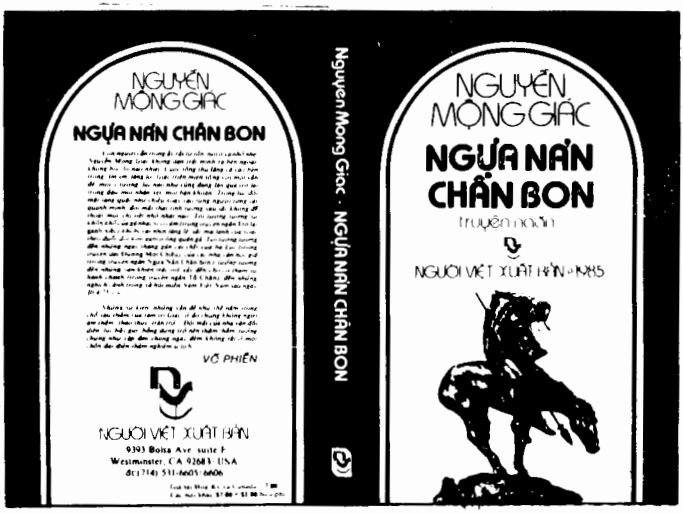

Xin Liên lạc :
NHÀ XUẤT BẢN NGƯỜI VIỆT
9393 F, Bolsa Avenue, Westminster, CA 92683
(714) 531-6606

EFD
ELEGANT
FURNITURE
DISCOUNT

701 N. Western Ave.
Los Angeles, CA 90029
Tel. (213) 871-1127

— *Bán đủ loại bàn ghề, giường tủ và Salon*
— *Giá đặc biệt cho quý đồng hương*
— *Tiếp đãi lịch sự*
— *Chuyên chở mau chóng*

Giờ mở cửa:
Thứ Hai đến Thứ Bảy: 10AM-7PM
Chủ Nhật: 12AM-5PM

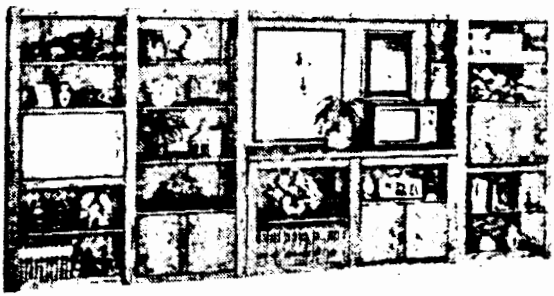

LUXURY
FURNITURE

225 N. Harbor Blvd.
Fullerton, CA 91632

Y - NHA KHOA

14265 Brookhurst St.
(Giữa Westminster và Hazard)
Garden Grove, CA 92643

(714) 531-3263

Nữ Bác Sĩ Y Khoa
NGUYỄN THỊ NHUẬN

Tốt nghiệp chuyên môn Nhi Khoa tại UCI Medical Center
Bác Sĩ điều trị những bệnh viện lớn
vùng Long Beach và Orange County

CHUYÊN TRỊ BỆNH TRẺ EM
KHÁM BỆNH PHỤ NỮ

Giờ làm việc :
Thứ Hai đến Thứ Bảy : 10AM-6PM
Chủ Nhật : Theo hẹn

Nữ BAc Sĩ Nha Khoa
NGUYỄN THỊ NGỌC SƯƠNG

NHA KHOA TỔNG QUÁT
NHA KHOA NHI ĐỒNG
NHA KHOA THẨM MỸ
RĂNG GIẢ CÁC LOẠI

Ứng dụng máy móc kỹ thuật tối tân nhất

NHẬN BẢO HIỂM VÀ MEDI-CAL

Dành mọi điều kiện dễ dàng cho quý vị có bảo hiểm hoặc trả tiền mặt.

THAM KHẢO MIỄN PHÍ

Giờ làm việc:
Thứ Hai đến thứ Sáu : 10AM-7PM
Thứ Bảy : 10AM-5PM

101 N. Harbor Blvd.
Santa Ana, CA 92703
(714) 554-3000 / 3001

LỊCH SỰ - TẬN TÂM - BẢO VỆ QUYỀN LỢI THÂN CHỦ
CÔNG VIỆC KỸ LƯỠNG - BẢO ĐẢM - GIÁ CẢ NHẸ NHÀNG

PROFESSIONAL
FOREIGN - DOMESTIC AUTO REPAIR

OFFICIAL SMOG STATION
Smog Inspection : $15.00
Smog Certificate : $6.00

CHÚNG TÔI CÓ XE TOW GIÁ ĐẶC BIỆT CHO KHÁCH HÀNG

Chúng tôi rất hân hạnh được thảo luận cùng quý vị qua điện thoại tất cả những gì quý vị thắc mắc về xe cộ

LÊ ĐỨC LONG cùng toàn thể nhân viên chân thành cảm tạ tất cả quý khách xa gần. Và để đáp lại nhu cầu của quý khách, ***LONG'S AUTO CENTER*** sẽ khai trương thêm 2 chi nhánh mới trong vùng Santa Ana ngày 29-6-1985

Bác Sĩ HUỲNH HỮU CỬU
Diplomate, American Board of Ophthalmology
Trị bệnh mắt, Giải phẫu mắt, Làm kiếng, Soft Contact Lens

Nhận Medi-Cal và Bảo hiểm

9559 Bolsa Ave., Suite B, Westminster, CA 92683
(Góc Bushard, trên lầu Bolsa Mini Mall)
(714) 531-9401

Bác Sĩ BÙI ĐỒNG
Nguyên Giảng Huấn Trưởng Đại Học Y Khoa Saigon
Nguyên Sĩ chuyên môn Bệnh viện Bình Dân, Nhi Đồng và Sùng Chính
Hội viên Hội Hàn Lâm Viện Ngoài Da Hoa Kỳ

CHUYÊN TRỊ
— Bệnh ngoài da và hoa liễu (Skin Diseases & Veneral Diseases)
— Bệnh Dị ứng (Allergy)
— Giải phẫu da (Skin Surgery)

9559 Bolsa Ave, Suite A, Westminster, CA 92683
(714) 531-4616 / 4617

Big Sale

20% — 50% Off

CHUYÊN BÁN SỈ VÀ LẺ.

Các loại quần áo thời trang
Của Quí Ông Bà và các bạn trẻ
New Wave Fashion
Đặc Biệt : Chúng tôi có đủ loại Suit cho Quí Ông
từ Size 32 X S trở lên
Và giày từ size 5 nhập cảng từ Ý Hồng Kông

SỬA CHỮA MIỄN PHÍ.

(714) 839-2234

FINE EUROPEAN CLOTHING
MEN & WOMEN'S BOUTIQUE

NGUYEN THU TRAM

9681 BOLSA AVE., SUITE 17
WESTMINSTER, CA 92683

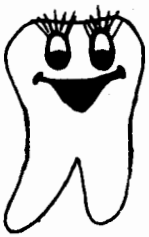

TRUNG TÂM NHA KHOA

NGUYỄN NGỌC THANH

Tiến Sĩ Nha-Y-Knoa tại Hoa Kỳ

(Doctor of Dental Medicine — General Dentistry)

1510 E. 7TH STREET
LONG BEACH, CA 90813
(213) **435-4332**

2231 S. BRISTOL ST.
SANTA ANA, CA 92704
(714) **966-0171**

15922 S. HAWTHORNE BL.
LAWNDALE, CA 90260
(213) **370-5587**

Với các máy móc Nha Khoa trang bị tối tân và do **NỮ BÁC SĨ NGUYỄN NGỌC THANH** chăm sóc cho các thân chủ cùng với sự cộng tác của nhiều Bác sĩ có khả năng và kinh nghiệm lâu năm, nên không phải gửi các bệnh nhân đi chữa bệnh ở các nơi khác.

Bác Sĩ

TÔN THẤT NIỆM

Tốt nghiệp chuyên khoa tâm thần tại bệnh viện St. Elizabeths, Washington DC, thuộc Viện Quốc Gia Tâm thần Hoa Kỳ

Chuyên trị: bệnh mất ngủ, đau đầu, lo âu, buồn nản suy nhược tâm thần, tuyệt vọng, bệnh tinh thần suy nhược tinh thần, loạn trí, bệnh lẫn trí tuổi già bệnh đãng trí của trẻ em.

9533 Bolsa Avenue
Westminster, California 92683
Điện Thoại: (714) 531 - 8720
Tư gia : (213) 402 - 0867

GRAND OPENING

VĂN DÀN

PUBLISHING & DISTRIBUTING CO.

14 S. ALMADEN AVENUE
SAN JOSE, CA 95113

(408) 297 - 8141

⊛BÁN ĐỦ LOẠI SÁCH, TỰ ĐIỂN, BÁO CHÍ, BĂNG NHẠC

⊛VỚI THƯ MỤC GẦN 1,000 LOẠI SÁCH ĐỂ THIẾT LẬP TỦ SÁCH VIỆT NGỮ CHO GIA ĐÌNH, THƯ VIỆN.

* ***Tự điển đủ loại:***

- Anh Việt - Việt Anh - Pháp Việt - Việt Pháp - Hán Việt - Việt Nam Tự Điển - Anh Miền - Miền Anh - Điện Tử - Toán Học - Danh Từ Chuyên Môn Kỹ Thuật - Danh Ngôn Tự Điển...

* ***SÁCH:***

- Tôn giáo	- Huấn nghệ	- Phong tục	- Gia chánh nấu ăn
- Triết học	- Xử thế, tâm lý, tu thân	- Văn học	- Võ hiệp, trinh thám điệp viên
- Lịch Sử	- Dưỡng sinh, Y-tế gia đình	- Tiểu thuyết	- Truyện dịch
- Văn minh	- Bói toán tử vi	- Thi ca	- Sách thiếu nhi

* ***BẢN NHẠC:***

- Dân Ca Việt Nam.
- ***Các Tác Giả:*** Phạm Duy, Cung Tiến, Trịnh Công Sơn, Lê Uyên Phương, Hoàng thi thơ...

⊛**TỦ SÁCH ANH NGỮ:**

Bán các loại sách, báo, tài liệu lịch sử văn hóa, chiến tranh Việt-Nam...

⊛**CHUYỂN NHẬN:**

- Phát hành cho hơn 40 nhà xuất bản sách báo Việt ngữ trên thế giới.
- Xuất bản các sáng tác thơ văn, sách huấn nghệ, khoa học, kỹ thuật...
- Dịch các tác phẩm văn học nghệ thuật Việt ngữ sang Anh Pháp ngữ.
- Phụ soạn hòa âm, phối khí, nhạc đệm cho các băng nhạc, video tapes.

GIÁ ĐẶC BIỆT: Cho các tủ sách gia đình, học giả, văn nghệ sĩ, dịch giả, nhà khảo cứu, sưu tầm.

KINH DOANH GRAPHIC ART (408) 993-0580

THI-CA VIỆT-NAM

DO HUỲNH SANH THÔNG DỊCH RA ANH-VĂN

NGUYỄN DU

TRUYỆN KIỀU

The Tale of Kiều

BẢN DỊCH CÓ NGUYÊN-VĂN QUỐC-NGỮ IN SONG-SONG

Sách 250 trang, bìa cứng, in đẹp, giấy bền (không a-xít), với bốn bức vẽ minh-họa độc-đáo của Hồ Đắc Ngọc.

The Heritage of Vietnamese Poetry

GỒM BẢN DỊCH 475 BÀI THƠ

(Nguyễn Trãi, Nguyễn Bỉnh Khiêm, Hồ Xuân Hương, Nguyễn Du, Cao Bá Quát, Nguyễn Công Trứ, Bà huyện Thanh Quan, Nguyễn Đình Chiểu, Nguyễn Khuyến, Trần Tế Xương, **Chinh Phụ Ngâm, Cung Oán Ngâm Khúc, Văn Tế Thập Loại Chúng Sinh, Trê Cóc, Lục Súc Tranh Công, Hoa Điểu Tranh Năng**, vân-vân...). Sách 350 trang, bìa cứng, in đẹp, giấy bền (không a-xít), với bức mộc-bản "Non Nước" của Võ Đình ngoài bìa.

PHIẾU MUA SÁCH

Tôi muốn mua:

[ ] **The Tale of Kiều** ($17.50 + $2.00 cước-phí = $19.50).

[ ] **The Heritage of Vietnamese Poetry** ($32.00 + $2.00 cước-phí = $34.00).

Kèm theo đây chi-phiếu/ngân-phiếu $_____ để trả cho Yale University Press và gởi về: Yale University Press, 92A Yale Station, New Haven, Connecticut 06520, U.S.A.

Gởi sách đến: _____

_____

_____

DI'S

GRAPHICS & PRINTING

10104 Westminster Avenue
Garden Grove, California 92643
(714) 636-7932

* Chuyên in:
  - Thiệp cưới và thiệp mời các kiểu Việt, Mỹ đủ loại: thanh nhã, trang trọng, lộng lẫy...
  - Business card, Letterhead, Phong bì, Hoá đơn (NCR), Flyer, Brochure, Poster... và các ấn loát phẩm khác.
* Xếp chữ (có dấu Việt Nam), trình bày và in các sách, báo, bản tin...

- Có hàng trăm kiểu chữ tuyệt đẹp để khách lựa chọn.
- Phẩm chất đạt trình độ nghệ thuật và kỹ thuật.
- Việc làm cẩn thận, giá cả phải chăng.
- Có giá đặc biệt cho các nhà văn, nhà thơ và các hội đoàn.

Phiếu mua báo dài hạn

Họ và tên bạn đọc: .....
Địa chỉ: .....
.....
Zip Code: .....

Đồng ý mua dài hạn *Văn Học Nghệ Thuật* từ số: .....

* Sáu tháng ..... $11.00 US
* Một năm ..... $20.00 US
* Hai năm ..... $35.00 US
* Mỗi số ..... $02.00 US
* Báo gửi ngoài Hoa Kỳ và Canada trả thêm bưu phí $15.00

Đính kèm phiếu mua báo dài hạn này: Chi phiếu hoặc Money Orders.

Thư từ liên lạc, chi phiếu xin gửi về:
VĂN HỌC NGHỆ THUẬT
P.O. Box 486, Westminster, California 92684 USA.

TUẦN BÁO THỜI SỰ NGHỆ THUẬT
XUẤT BẢN MỖI THỨ NĂM
CHỦ BIÊN HOÀI ĐIỆP TỬ

mai

ĐEM NGUỒN VUI SỐNG ĐẾN
KHẮP CÁC GIA ĐÌNH VIỆT NAM

TÒA SOẠN:
10708 Westminster Ave. ☐ Garden Grove, CA 92643
714.638.8798

NVPrinting

Since 1976

COMPLETE PRINTING SERVICES

6922 Westminster Avenue
Westminster, California 92683
Tel. (714) 897-3628

Nhà in được mọi giới **chịu** nhất

Kỳ tới

HÀNH TRÌNH VÀO ÂM NHẠC VIỆT
của Phạm Văn Kỳ Thanh

CON CÁ VÀNG
Truyện ngắn của Nhất Linh

NHẤT LINH VÀ TÔI
của Giáo sư Lê Hữu Mục

YÊU MỘT NGƯỜI
Truyện ngắn của Nguyễn Thị Ngọc Nhung

MỘT SỐ TÀI LIỆU VỀ NHẤT LINH

là những bài đã phải gác lại tử số Văn Học Nghệ Thuật 3 vì số trang hạn chế.

Ngoài ra, còn có nhiều thơ văn chọn lọc của các tác giả từ khắp nơi trên thế giới gửi về cho Văn Học Nghệ Thuật.

Văn Học Nghệ Thuật số 4 sẽ có đầy đủ những sáng tác mới tiêu biểu nhất của các cây bút hải ngoại.

Phát hành đúng 1-8-1985

Chủ nhiệm VÕ PHIẾN
Chủ bút LÊ TẤT ĐIỀU
Thư ký tòa soạn NGUYỄN MỘNG GIÁC
Trị sự và kỹ thuật TRẦN ĐÌNH LONG

P. O. Box 486, Westminster, California 92684 USA.
Telephone : (714) 897-3628

Giá 2 Mỹ kim